

THỜI THÁP

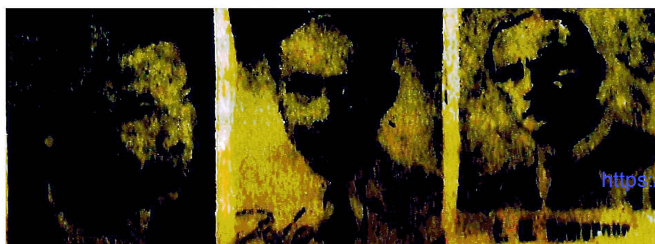
VIỆC DẠY TRIẾT TẠI ĐẠI HỌC BÂY GIỜ
NGHỆ THUẬT LÀM MỘT BÀI
TRẦN THUYẾT VĂN CHƯƠNG



Tranh của Hồ Quang Lâm (HLS)
Đoạt Giải 1 Hội Hoa Giải VHNT74

Hội Kỵ Và Nhận Định Và
Con Người Và Thơ Văn

**NGUYỄN HỒNG
QUÁCH TẤN
E. M. REMARQUE**



THỜI TẬP

(bủ Trương: VIÊN LINH

Thực Hiện: LÊ TÀI ĐIỀN

Biên Tập:

Cao Huy Khanh ● Dương Nghiễm Mậu

Đỗ Khánh Hoan ● Lê Tài Điền

Nguyễn Hữu Hiệu ● Tuệ Sỹ

Trùng Dương ● Viên Linh

• Thư từ bán thảo : Viên Linh • Liên lạc, ngân phiếu : Nguyễn Na

TẬP X + 3

PHÁT HÀNH NGÀY 30-12-74

GIÁ MUA THỜI TẬP DÀI HẠN

- 3 tháng (6 tập) 1.270 đồng
- 6 tháng (12 tập) 2.500 đồng
- 9 tháng (18 tập) 3.750 đồng
- một năm (24 tập) 5.000 đồng

(trong giá mỗi tập là 220đ, không kể tập Xuân gấp đôi)

— Xin gửi phiếu mua báo hoặc cho các chi tiết cần thiết và gửi về 51/51B Nguyễn Trãi Saigon 5

PHIẾU MUA THỜI TẬP

DÀI HẠN

- Gửi về: Ông Nguyễn Nam
51/51B Nguyễn Trãi — Saigon 5

- Nhận được phiếu này, Ông gửi cho:

Ông (Bà, Cô):

Địa chỉ:

3, 6, 9, hoặc một năm Thời Tập (*)

bắt đầu từ số (đề ngày

Cùng với phiếu này, tôi có gửi cho ông một bưu
phiếu (hay chi phiếu, tiền mặt) là

ngày tháng năm

Ký tên

(*) Gạch bỏ số và chữ không dùng.

GIÁ CÁC SỐ THỜI TẬP CŨ

Số 1 (lứt) ● Số 2 (hứt) ● Số 3 và các số 4, 5, 6, 7 : 180 đồng một số ● Số 8, 9 và 10 : 200 đồng một số ● Số 11 trở đi : 220 đồng một số

Nhà In 51/51 B Nguyễn Trãi Saigon 5

<https://tieulun.hopto.org>

Sau số này, Thời Tập sẽ đến với bạn đọc trong một tuyển tập Mừng Xuân Mới. Đó sẽ là số báo quý tụ những người viết nổi tiếng của Văn Học Miền Nam Việt Nam. Đó là Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc. Đó là Thạch Trung Giỏi, Trần Trọng San. Là Ngý Cao Uyên, Lê Tài Điền. Là Tuệ Sỹ, Phạm Thiệp Thư. Là Thanh Tâm Tuyền, Tuệ Mai. Là Đặng Phùng Quân. Nguyễn Nhật Duật. Là Trần Phong Giao, Thụy Vũ. Với số báo đó, Thời Tập sẽ gửi tới bạn đọc thân mến lời chúc mừng đầy ắp cho một năm Ất Mão hân hoan và tươi sáng đang dần đến.

Riêng trong số báo các bạn đang cầm trong tay, mở đầu cho năm 1975, Thời Tập đăng tải hai bài có tính cách giáo dục, hướng vào Đại Học với bài bàn về việc dạy Triết và học Triết của G.S. Thạch Trung Giỏi, hướng vào Trung Học với bài bàn về nghệ thuật xây dựng một bài thuyết trình Quốc Văn của nhà biên khảo Lê Huy Oanh. Sau đó là ba tác giả được dùng làm đề tài nghiên cứu trong số này: nhà văn Nguyễn Hồng, nhà thơ Ouách Tấn và một tiểu thuyết gia Đức: Erich-Maria Remarque. Sau đây là tiểu sử ba tác giả đó, xin coi như là phần bổ túc cho ba bài viết tiếp theo sau.

NGUYỄN HỒNG

Sinh tại Nam Định năm 1915, họ Nguyễn. Năm 1937 tác phẩm *Bỉ Vô* ra mắt, và nổi tiếng liền. Sau đó ông còn cho xuất bản *Bảy Hươi* (1940) *Những Ngày Thơ Ấu* (1940) *Cuộc Sống* (1942) Khoảng năm 1956, ông là thư ký tòa soạn tuần báo *Văn* (Hanoi) nhưng sau mất chức này vì vụ Nhân Văn Giai Phẩm (chính ông là người chọn đăng trên báo *Văn* những tác phẩm của những nhà văn chống đối). *Bỉ Vô* tác phẩm xuất sắc của ông thuật lại chuyện có gái quê xinh đẹp có tên là Bình vì lụy tình mà có con. Cha nàng bắt nàng phải cho đứa con đó đi. Nàng trốn tới Hải phòng tìm người yêu cũ (cha đứa bé), nhưng lại rơi vào tay một gã sỗ Khanh, rồi phải vào nhà chứa. Tại đây nàng gặp Năm Saigon, được chàng chuộc về làm vợ. Một hôm Năm bắt cóc một đứa bé có đeo khánh vàng, làm nó chết. Đứa bé đó chính là đứa con ngừng xưa Bình đã phải cho đi...

QUÁCH TẤN

Quách Tấn khai sinh ngày 7-1-1910 tại quận Bình Khê, Bình Định, học chữ Hán đến năm 12 tuổi, 15 tuổi đậu tiểu học. Năm 1929 đậu Cao đẳng tiểu học, năm sau đi làm phán sự tại tòa Khâm Sứ Huế. Ông là công chức cho đến khi về hưu năm 1964. Năm 1939, ông đã xuất bản tập thơ *Một Tấm Lòng*, tựa của Tân Đà, bặt của Hàn Mặc Tử. 1941: *Mùa Cỏ Diên*, tựa của Chế Lan Viên. 1966: *Động Bồng Chiều*. 1967: *Mộng Ngân Sơn*. Sách địa phương chỉ ông có viết *Nước Non Bình Định và Xứ Trầm Hương*.

É.M REMARQUE

Tiểu sử đã nói rõ trong *Thời Tập* số 13 (mục Giải Đáp Thắc Mắc Văn Học). Remarque là nhà văn Đức được dịch nhiều nhất ở Việt Nam.

LÊ HUY DANH

làm thế nào để thực hiện tốt đẹp một bài trần thuyết tác phẩm văn chương

Chúng ta nhận thấy chương trình Quốc Văn đòi hỏi của các lớp Trung học cấp cao của xứ ta có vẻ chú trọng tới việc cho các học sinh trần thuyết về các tác phẩm văn chương.

Phải công nhận rằng đó là một điểm son của chương trình.

Tôi trần thuyết. Các anh các chị trần thuyết. Chúng ta trần thuyết. Bọn họ cũng trần thuyết, vui ghê lắm.

Công việc đó chẳng những vui mà còn rất có ích lợi.

Nhưng muốn cho việc trần thuyết thân được nhiều lợi ích, trước hết chúng ta hãy xét xem công việc trần thuyết có những ích lợi gì cho các học sinh, sau đây chúng ta thử bàn tới hai công việc chính: Sửa soạn một bài trần thuyết và cách trần thuyết.

I.— NHỮNG ÍCH LỢI CỦA CÔNG VIỆC TRẦN THUYẾT

Trước hết, công việc trần thuyết hiến cho các học sinh cái dịp tìm hiểu kỹ càng về tác phẩm văn chương.

Khi chúng ta thường thức một cuốn tiểu thuyết, dần chúng ta có thích thú đến mấy, tâm não của chúng ta cũng vẫn không bắt nhận đầy đủ được hết mọi khía cạnh liên hệ tới tác phẩm. Thường thức là một sự kiện riêng biệt chỉ liên hệ tới cá nhân mà thôi. Thông thường trong việc đọc một tác phẩm văn chương, tình cảm dự phần vào đó nhiều hơn là lý trí. Chúng ta đọc chỉ cốt để có những sự rung động có khả năng tạo cảm xúc, thể thôi, chứ chúng ta ít khi dùng tới lý trí để xét tới những vấn đề đại khái như: tác phẩm đó đã tạo ra những rung động như thế nào? cường độ khả năng tạo rung động ra sao? bởi đâu mà tác phẩm có được khả năng ấy?

Như vậy công việc đọc tiểu thuyết vốn là một sinh hoạt tâm linh có tính cách thụ động, phần lớn chỉ liên hệ tới tình cảm.

Khi sửa soạn đề trần thuyết một tác phẩm, tâm linh người sửa soạn phải hoạt động một cách tích cực hơn, không những hẳn phải vận dụng tinh cảm đề rung động mà hẳn còn phải vận dụng lý trí để làm công việc phân tích những nguyên nhân tạo ra khả năng gây rung động của tác phẩm, cũng như tìm hiểu những vấn đề như: những nguyên nhân phát sinh tác phẩm, kỹ thuật sáng tạo của tác giả, địa vị và vai trò của tác phẩm trong văn chương giới hoặc tư tưởng giới.

Nói tóm lại, khi sửa soạn trần thuyết cũng như khi trần thuyết, người trần thuyết có thể hiểu và cảm tác phẩm một cách sâu rộng hơn bởi vì hẳn phải cùng lúc đóng tới bốn vai trò: 1) thưởng thức tác phẩm; 2) phán đoán giá trị và khả năng tác phẩm; 3) tìm hiểu những sự kiện ngoại tại liên hệ tới tác phẩm; 4) truyền đạt những rung cảm, những sự hài lòng hay bất mãn, và những sự hiểu biết liên hệ của mình cho kẻ khác. Nói cách khác, người trần thuyết phải làm một lúc những công việc của một người thưởng thức, một nhà biên khảo, một nhà phê bình và một nhà diễn đạt ý tưởng.

Và sau khi thực hiện xong một bài trần thuyết tất các đương sự sẽ có thể thấu hiểu về giá trị tác phẩm mà mình đã trần thuyết. Việc hiểu một tác phẩm nay sẽ giúp ích cho việc hiểu thêm những tác phẩm khác, cứ như thế, công việc trần thuyết sẽ tạo cơ hội tốt cho học sinh hiểu rộng biết nhiều về văn chương.

Sau nữa, công việc trần thuyết sẽ giúp nâng cao tư cách của người trần thuyết, chẳng hạn năng lực, hoặc ít hoặc nhiều, những khuyết điểm như rụt rè, ngút nhát, phản ứng chậm qua ngôn ngữ...

Những ai đã đi dạy học tất đã từng thấy trường hợp có những em rất giỏi về viết nhưng lại rất kém về nói. Có em về bài viết lúc nào cũng được sắp hạng nhất, nhì, vậy mà hề có ai gọi chuyện là đó mặt cuống quýt, nơi năng ấp a ấp úng trông thật khó sợ. Nhiều em đã từng thu nhận với tôi lúc nào có điều gì phải phát ngôn, đầu chỉ là nói năng ít thôi, trống ngực đập lên hồi, chân tay run rẩy, hơi thở hào hển, ran hết sức mà không sao bày biểu cho đúng ý của mình được, rõ thật thảm quá! Khuyết điểm ấy khiến cho tư cách và uy tín của đương sự bị giảm bớt đi nhiều. Phần lớn trường hợp không phải các đương sự không có khả năng nói, mà thực ra họ chỉ không quen nói. Một số người khi đã quen nói rồi lại đã chứng tỏ có tài hùng biện hơn ai hết.

Lại có không hiếm những học sinh bị thứ bịnh ngược lại, nghĩa là họ nói rất nhiều mà ý tưởng không có được bao nhiêu. Chỉ vì những lời của họ thường sáo, rỗng và dư thừa. Họ vớ được câu gì nói câu đó, không biết cách hoặc không có nghị lực điều tiết những lời nói của mình. Đối với loại học sinh đó, công việc trần thuyết sẽ giúp cho họ biết cách điều tiết những lời lẽ của mình.

Nói tóm lại, ở phương diện đề cao nhân cách, công việc trần thuyết sẽ giúp cho các học sinh những điều sau đây.

- a) giữ tâm hồn thư thái, bình tĩnh, phát huy lòng tự tin.
- b) Chiến thắng được những thái độ phát sinh từ những mặc cảm tự ti (hoặc tự tôn) như rụt rè, nhút nhát, nói năng ấp úng.
- c) trau dồi sự hùng biện, tài ngôn luận và khả năng thu hút của mình.
- d) Giúp tiết chế bớt những tiếng nói rườm rà, vô ích.

Đó không phải chỉ là lợi ích riêng cho những học sinh phụ trách công việc trần thuyết mà thôi, nhưng cũng là lợi ích chung cho cử tọa (nếu người nghe chịu tích cực tham dự phần thảo luận) và cho cả học sinh chủ tọa nữa.

Thử xét về công việc của người chủ tọa. Người này thường là một học sinh ở ngoài toán trần thuyết. Mỗi buổi trần thuyết chỉ cần một chủ tọa thôi. Đây sẽ là dịp tốt đẹp để học sinh đó được vận dụng khả năng và thái độ kinh nghiệm trong việc tự mình điều khiển một buổi họp. Những kinh nghiệm đó sẽ rất quý báu cho người chủ tọa.

Bởi một cuộc trần thuyết vốn có nhiều ích lợi như vậy, nên các học sinh, nhất là những em bản tính e dè nhút nhát không quen nói trước đám đông, đừng có ngại tham dự trần thuyết, mà trái lại, phải nên lấy làm vui mừng khi được giáo sư chỉ định giữ công việc trần thuyết hoặc chủ tọa buổi học tập. Những em nhút nhát ấy, phải cố thắng tính nhút nhát của mình, khi được chỉ định đừng nên lo lắng hoảng sợ, đừng cố thoái thác. Biết đâu chỉ vài lần phụ trách công việc như thế, những em đó sẽ thấy mình có khả năng ăn nói tiêm ần không ngờ. Bao giờ cũng nên chấp nhận cái mà mình cho là khó và cố gắng vượt thắng cái khó đó. Có như vậy mới có thể tiến bộ được. Đừng để cho tánh e dè nhút nhát hoặc những mặc cảm chế ngự mình mà phải biết tóm góm chúng. Mấy em đó nên nhớ tới chuyện ông Démosthène một trí giả của thành Athènes bên nước cổ Hi Lạp ngày xưa. Ông này vốn nói ngọng nhưng

8 THỜI TẬP

Ông đã chịu nhiều khổ công sửa lại tật ngọng của mình, nhiên lúc ông ra bờ biển ngâm sỏi trong miệng hồ hết với tiếng sóng biển để luyện tiếng nói của mình cho to tát, dài hơi và rõ ràng. Ông cũng luôn luôn tìm kiếm dịp để nói trước đám đông. Nhờ có ý lực và kiên nhẫn như thế mà ông Demosthene sau này nổi tiếng là một diễn giả hùng biện.

Trường hợp ông Nguyễn An Ninh của nước ta cũng vậy. Lúc niên thiếu ông Ninh có tật nói lắp (cà lăm). Nhưng ông đã cố luyện cho hết nói lắp đề rồi cũng trở thành một nhà diễn thuyết nổi tiếng.

Vậy các em nên lấy chuyện hai ông đó làm gương cho mình.

II — NÊN SỬA SOẠN MỘT BÀI TRẦN THUYẾT NHƯ THẾ NÀO ?

Sau khi một toán chừng ba, bốn em trong lớp được giáo sư chỉ định phụ trách công việc trần thuyết một tác phẩm văn chương nào đó, thì các em phải làm gì? Tất nhiên các em sẽ có hai phần việc: thứ nhất là sửa soạn bài trần thuyết, thứ hai là chính công việc trần thuyết. Việc thứ hai đề sẽ bàn tới sau. Trước hết hãy bàn tới việc thứ nhất.

Đĩ nhiên, đề tài trần thuyết đã do giáo sư chỉ định.

Vì thứ giáo sư cho đề tài trần thuyết là «nhận định toàn diện về thi phẩm *Mấy Văn Tiểu* của Thế Lữ» thì các em phải làm sao?

Thông thường giáo sư chỉ dẫn trước cho các em cách sửa soạn bài trần thuyết đó, thế nhưng thiết tưởng tôi có góp thêm ý kiến về công việc sửa soạn ở đây cũng chẳng phải việc thừa.

Phải nhận định ngay rằng: công việc sửa soạn này chẳng phải riêng của ban trần thuyết mà còn là của chủ tọa và của toàn thể cử tọa, nghĩa là toàn thể những người sẽ nghe trần thuyết.

Chủ tọa có sửa soạn mới có thể nắm vững đề tài, mà có nắm vững đề tài thì mới có thể điều khiển buổi trần thuyết một cách hữu hiệu được.

Còn cử tọa (các thính giả) có sửa soạn mới có thể thấu đạt được nhiều ích lợi, bởi vì sau cuộc trần thuyết sẽ còn có cuộc thảo luận chung cả lớp. Ngoài ra, cử tọa cũng còn có nhiệm vụ đưa ra những ý kiến phê bình về nội dung bài trần thuyết cũng như lối trần thuyết của trần thuyết đoàn.

Sau khi giáo sư đã ra đề tài trần thuyết, mỗi em trong số cử tọa nên tự đặt cho mình một câu hỏi như thế này: «vi thử mình ở địa vị người trần thuyết mình sẽ làm gì?» Như vậy có nghĩa là mỗi cử tọa cũng phải sửa soạn bài trần thuyết y như một trần thuyết viên vậy. Vậy cử tọa có thể sử dụng những ý kiến dành cho ban trần thuyết mà chúng tôi trình bày dưới đây.

Ban trần thuyết phải sửa soạn ra sao?

Thường thường mỗi ban đó đều phải có một trưởng ban, do giáo sư chỉ định hoặc do mấy em tự bầu lấy với nhau.

Sau khi cùng nhau vạch ra một kế hoạch sửa soạn và trần thuyết, trưởng ban có nhiệm vụ phân phối công tác: ai kiểm tài liệu này, ai kiểm tài liệu khác, ai tổng hợp và lựa chọn tài liệu, ai thảo bài trần thuyết, ai sẽ trần thuyết, v... v...

Theo ý riêng của chúng tôi thì thành phần mỗi ban trần thuyết nên được ấn định là 3 người, và, nếu có thể nên xen lẫn nam và nữ. Cả ba em đó đều được trần thuyết, mỗi em lần lượt trần thuyết mỗi phần. Không nên để chỉ một người trần thuyết bởi như vậy có thể làm giảm mất nhiều hào hứng, và nhất là làm giảm thiểu cơ hội để nhiều học sinh có thể trần thuyết trong một niên học.

Phân phối công tác đã xong, tới việc kiểm tài liệu.

Bây trở lại với đề tài giả dụ: «nhận định toàn diện về thi phẩm Mấy Vần Thơ của Thế Lữ».

Trước hết phải có thi phẩm đó trong tay, mỗi người có được một cuốn thi hay nhất.

Phải đọc thật kỹ tác phẩm đó.

Rồi phải kiểm những sách hoặc những bài nhận định hoặc phê bình về sách đó từ trước tới nay. Chẳng hạn như Nhà Văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan, Thi Nhân Việt Nam của Hoài Thanh Hoài Chân, Phê Bình Văn Học: Thế Hệ 1932 của Thanh Lăng, Lịch Sử Văn Học Việt Nam (Tân biên giản ước) quyển III của Phạm Thế Ngũ, hay những tạp chí có chủ đề hoặc những bài đặc biệt về Thế Lữ v... v... để đọc những nhận định về Thế Lữ, nhất là về thơ Thế Lữ. Những nhận định của mỗi nhà biên khảo hoặc phê bình có thể giống nhau hoặc khác nhau, vì thế các học sinh cũng phải biết vận dụng trí phán đoán để phân biệt ý kiến nào xác đáng hoặc ý kiến nào sai, chứ đừng nên sử dụng các ý kiến đó một cách bừa bãi.

Không những đọc và tìm hiểu tác phẩm liên hệ, mà

10 THỜI TẬP

còn phải tìm hiểu và nhận định những vấn đề rộng hơn, chẳng hạn : a) địa vị của thi phẩm *Mấy Vần Thơ* trong toàn bộ văn nghiệp của Thế Lữ. b) những sự liên quan giữa cuộc đời đích thực của tác giả với tác phẩm. c) địa vị của tác giả trong văn chương thế kỷ 20, d) công lao và ảnh hưởng của tác giả đối với văn học...

Sau khi đã nắm vững tất cả những vấn đề đó, đã lựa chọn và cân nhắc kỹ càng các tài liệu, ban trần thuyết mới khởi sự soạn thảo bài trần thuyết, theo một dàn bài được dựa theo những ý niệm đã nêu trên. Dĩ nhiên cần phải gắng phân biệt đâu là điểm phụ, đâu là điểm chính. Chúng ta hãy thử nêu ra đây các điểm chính và phụ của đề tài « *Mấy Vần Thơ* ».

* Các điểm chính gồm có :

- a) Phân tích tác phẩm
- b) Những tư tưởng trong tác phẩm
- c) Những điểm mới mẻ về hình thức
- d) Ảnh hưởng của văn hóa Tây Phương
- e) Ảnh hưởng của tư tưởng và hình thức của thi phẩm trong thi ca Việt thế kỷ XX.

* Các điểm phụ gồm có :

- a) Sự liên quan giữa cuộc đời tác giả với tác phẩm
- b) Địa vị của tác giả trên thi đàn Việt Nam
- c) So sánh những điểm dị biệt giữa thi phẩm *Mấy Vần Thơ* và vài thi phẩm quan trọng đương thời.

Với các điểm như vậy, chúng ta có thể tạm đặt một dàn bài như sau :

A. — *Phân Mở Bài*. — Có thể nói tới phong trào thơ Mới tại Việt Nam. Một trong những kiện tướng của thơ Mới lúc đó là Thế Lữ với thi phẩm *Mấy Vần Thơ*. Nên nói đến sự tranh chấp giữa lối thơ Mới, Cổ và trong cuộc tranh chấp đó, Thế Lữ đã giữ một vai trò cực kỳ quan trọng, và sự quan trọng ấy cuối cùng đã được kết tụ trong thi phẩm *Mấy Vần Thơ*.

B. — *Thân bài*. — Phần này có thể có 4 điểm : xuất xứ tác phẩm, phân tích tác phẩm, các tư tưởng của Thế Lữ, các hình thức thơ.

1 — *Xuất xứ*. — *Mấy Vần Thơ* tập cũ (1935) — *Mấy Vần Thơ* tập mới (có thêm bài) do nhà Đời Nay ấn hành năm 1941, tái bản tại miền Nam 1959 và 1962.

2 — *Phân tích*. — Tập thơ có tổng cộng 47 áng thơ, gồm 45 bài thơ dài ngắn và 2 truyện ngắn bằng thơ. Có thể trình bày nội dung hai truyện ngắn.

3 — *Các tư tưởng*. Tập thơ chứng tỏ Thế Lữ có tâm

hồn tự do phóng túng (dẫn chứng bằng các bài Cây Đàn Muôn Điệu, Con Người Vỡ Vỡ, Nhớ Rừng), có lòng yêu nước, có khí phách (dẫn chứng bằng bài Nhớ Rừng), có lòng yêu thiên nhiên (dẫn chứng bằng các bài Tiếng Trúc Tuyệt Vời, Lửa Tiếng Đàn, Hồ Xuân và Thiếu Nữ...), tôn thờ Nghệ Thuật (dẫn chứng bằng Cây Đàn Muôn Điệu, Nàng Thơ Lạnh, Gục Hồn Thơ...). Ngoài ra còn có thể nói tới tình đa tình nhưng không mê đắm của Thế Lữ, những chân dung người đàn bà trong thơ Thế Lữ (dẫn chứng bằng Bên Sông Đưa Khách, Hồ Xuân và Thiếu Nữ, Nhan Sắc...)

4 — Hình thức thơ — Còn giữ lại của thơ cổ truyền thể lục bát. Ngoài ra là những thể thơ mới du nhập từ Tây Phương. Cũng nên nói tới cái nhạc điệu tuyệt vời trong thơ Thế Lữ, tiêu biểu là trong 2 bài Tiếng sáo Thiên Thai và Tiếng Trúc Tuyệt Vời.

C — Kết luận. — Thế Lữ là một kiện tướng của thơ Mới. Một phần nhờ ông mà thơ Mới ca khúc khai hoàn. Ông xứng đáng là một nhà thơ lớn của Việt Nam. Tập Mấy Vần Thơ đáng được coi như một viên ngọc quý trong kho tàng thi ca Việt Nam.

Dĩ nhiên, khuôn khổ tờ tạp chí này, không cho phép chúng tôi đưa ra một lúc nhiều dân bài (về các tác phẩm khác). Thế nhưng đại loại cách tìm kiếm tài liệu và cách lập một dân bài là như thế. Các bạn có thể suy diễn từ dân bài của mẫu Mấy Vần Thơ để rút ra đường lối và cách thức lập các dân bài về những tác phẩm khác.

Nên sử dụng lối văn nói, rõ ràng, sáng sủa, giản dị chứ đừng sử dụng cách viết khúc mắc của văn viết. Bài trần thuyết đừng quá ngắn hoặc quá dài. Nếu toàn thời giờ là 2 tiếng đồng hồ, thì có thể dành 60 phút cho phần trần thuyết, 40 phút cho phần thảo luận chung, và 20 phút dành cho giáo sư đưa ra những nhận xét và những lời khuyên liên hệ đến bài trần thuyết. Bài trần thuyết dài 25 trang đánh máy là vừa, 30 trang là tối đa.

III — CÁC CÔNG VIỆC CHỦ TỌA,

TRẦN THUYẾT VÀ THẢO LUẬN.

Chúng ta đã nhận định rằng công việc sửa soạn trước về đề tài không phải của riêng ban trần thuyết mà là của cả lớp, nghĩa là cả người chủ tọa và cử tọa cũng đều phải biết rõ về tác phẩm liên hệ trước buổi trần thuyết. Có biết rõ về đề tài, chủ tọa mới có thể làm công việc của mình một cách dễ dàng, và các thỉnh giả mới có thể dự cuộc

thảo luận một cách hữu ích.

Công việc sửa soạn đã xong, tới buổi trần thuyết. Mọi người phải làm những gì và làm ra sao? Chúng ta có thể xét tới ba phần: của chủ tọa, của ban trần thuyết và của cử tọa.

a) Của chủ tọa. — Công việc chủ tọa nên được giao cho một học sinh (ở ngoài ban trần thuyết) đảm trách. Chỉ cần một người chủ tọa thôi. Đây sẽ là dịp tốt đẹp để học sinh đó được vận dụng khả năng và thái độ kinh nghiệm trong việc tự mình điều khiển một buổi họp.

Học sinh chủ tọa có nhiệm vụ:

— Tuyên bố khai mạc và hướng dẫn cuộc thảo luận. Cái khó khăn của chủ tọa là làm sao giữ được trật tự và hòa khí trong buổi trần thuyết. Khi có nhiều người giơ tay xin nói, chủ tọa có thể chỉ định quyền ưu tiên. Chủ tọa cũng có quyền thúc giục cho một người nào đó nói ngắn gọn hoặc cắt ngang lời hăng hăng nếu như thấy hăng nói rườm rà vô ích làm mất nhiều thì giờ của cả lớp. Khi gặp những trường hợp quá khó khăn, chủ tọa lúng túng không biết xử trí ra sao, y có thể nhờ giáo sư giải quyết giúp. Công việc chủ tọa là một công việc sẽ có vẻ khó khăn đối với những em học sinh thiếu bình tĩnh giải quyết chậm hoặc phản ứng chậm. Thế nhưng theo ý tôi, giáo sư vẫn nên chọn cả những em bần tính nhút nhát tập cho làm chủ tọa cho quen đi. Dĩ nhiên trong buổi trần thuyết đầu tiên, nên chọn chủ tọa lành lợi, để làm gương mẫu cho các buổi trần thuyết sau.

Nếu có sửa soạn trước đề tài, chủ tọa sẽ làm việc một cách dễ dàng. Chẳng hạn y sẽ biết điểm nào vào đề, điểm nào lạc đề, điểm nào thừa thiếu, hữu ích, vô ích, đề mà tùy tiện điều động cuộc thảo luận, khuyến khích những lời phát biểu cần thiết, cắt ngang hoặc tốp bốt những câu nói lạc đề, v... v...

b) Của ban trần thuyết.

Đây là lúc phải vận dụng tài nói để truyền những ý nghĩ của mình cho thính giả. Điều cần nhất là phải tự tin rằng mình sẽ thành công. Muốn vậy phải nắm thật vững đề tài, phải nhận thức được rõ ràng tầm quan trọng của mỗi điểm, để nhấn mạnh vào những chỗ quan trọng. Lời nói phải thật rõ ràng, khúc triết và hoạt bát, sống động. Chính mình phải có sự hào hứng, thả hết tâm hồn mình vào câu nói. Tiếng nói cũng phải đủ lớn để mọi người đều nghe thấy.

Nói tóm lại, lời nói có minh bạch, có chân thành có hùng hồn thì mới thu hút được người nghe. Trần thuyết không phải chỉ là dịp để học văn chương, mà còn là dịp để học cách nói, cách phát biểu tư tưởng. Nếu các em muốn luyện cách nói, tôi xin giới thiệu với các em cuốn Nghệ Thuật Nói Trước Công chúng của Nguyễn Hiến Lê. Đó là một trong những cuốn sách mà tất cả các trần thuyết viên (cũng như các diễn giả) đều nên đọc.

c) Cửa cử tọa (các thính giả). — Nếu đã sửa soạn trước đề tài, nếu đã tự đặt cho mình câu hỏi : « nếu ta ở địa vị của trần thuyết viên, ta sẽ nói những gì về đề tài này ? », thì thính giả sẽ rất thích thú khi nghe các bạn mình trần thuyết.

Nên nghe với cây viết trong tay, để ghi những ý chính của trần thuyết viên, nhất là những ý khiến mình thắc mắc hoặc đồng ý với mình. Nếu có điểm thắc mắc đừng cắt ngang lời nói của trần thuyết viên, hãy đợi họ trình bày xong rồi sẽ hay.

Đến giờ thảo luận, đừng im lặng một cách tiêu cực, thụ động ; nếu có ý kiến, hãy hăng hái tham gia cuộc thảo luận. Hãy thảo luận trong tinh thần thân ái, với tất cả mọi thiện ý học hỏi và xây dựng. Đừng cố tìm cách bắt bẻ các trần thuyết viên hoặc dụng tâm đưa ra những câu hỏi gài ghài, khó khăn mà mình đã dự tính trước là các trần thuyết viên sẽ tắc họng không thể trả lời được. Những dụng ý « chơi khăm » đó là sự độc ác, rất xấu.

Có thể đưa ra tội sự thắc mắc, miễn là mình phải thực sự có thiện ý học hỏi, thực sự muốn điều tốt cho cả mình lẫn các trần thuyết viên. Cuộc thảo luận có thể sôi nổi, gay go nhưng luôn luôn phải ở trong hòa khí, trong tinh thần thân ái huynh đệ chứ không thảo luận với ác ý hoặc với sự kiêu hãnh rôm.

Nếu các thính giả, cũng như chủ tọa và các trần thuyết viên, tất cả mọi người đều chịu cố gắng sửa soạn trước đề tài, cũng như muốn thực tâm học hỏi, thực tâm cầu tiến, thực tâm giúp đỡ khuyến khích lẫn nhau trong việc trau dồi tài năng và kiến thức, thì chắc chắn những buổi trần thuyết về các tác phẩm văn chương sẽ rất có lợi cho tất cả mọi người.

Trần thuyết tác phẩm văn chương là một công việc rất hay, rất hữu ích, cần được phát huy, cần được các học sinh đặc biệt chú trọng tới, để sửa soạn và thực hiện chu đáo. #

THẠCH TRUNG GIẢ

cải học sai đường về triết ...những đề nghị cụ thể

Nếu người ta không coi việc học triết là trò đùa, thì hãy nên xét lại phương pháp sai lầm đương phang phàng đưa những tâm hồn xuống vực thẳm. Mà đầu tiên là nói đến sự trơ trẽn lịch sử đã chấn động và đảo lộn phương pháp giáo dục thế giới mà chúng ta cũng bị ảnh hưởng nặng nề.

CUỘC CÁCH MẠNG PHÁP 1789

Xin nhìn trở lại thế kỷ XVIII. Cuộc Cách Mạng Pháp 1789 đã đưa ra đường lối: Học đường ly khai với Giáo Hội. Xưa kia thời Trung Cổ, Giáo Hội ngự trị với đường lối giáo dục nhất quán là lấy Thánh kinh và Thần Học làm trọng tâm, mọi môn khác đều phụ thuộc. Cuộc Cách Mạng 1789 đưa đường lối ấy để phá vỡ, san bằng nhưng không có lý tưởng nào để thay thế như người tiêu hủy một tòa nhà mà không biết xây dựng gì lên.

Họ phải trung lập hóa học đường với đường lối giáo dục nói chung, dạy triết nói riêng không lý tưởng gì cả. Nó trung lập hóa, vô lý tưởng hoá bằng cách phân tán óc người học với đủ mọi triết thuyết tấp nham, hỗn loạn, tương phản.

Xưa kia, Đông Phương lấy Tứ Thư, Ngũ Kinh hoặc kinh Phật làm gốc, mỗi trình độ lại đào sâu mở rộng một tầng; bên Tây Phương thì trước Saint Thomas nhiều thế kỷ đã có lối học nhất quán đó nhưng chúng ta lấy thí dụ ở bộ Thần Học Đại Toàn (Somme Théologique) vì bộ này bây giờ còn được nhiều người nhắc đến. Người ta coi bộ này là một Bách Khoa Toàn Thư (Encyclopédie) của thời Trung Cổ vì nó đồ sộ gồm ba phần với sáu trăm mười hai vấn đề, ba ngàn điều mục. Đủ cả siêu hình học, tâm lý học, đạo đức học. Đánh rằng Saint Thomas thuộc dòng Dominicains, mà đồng thời dòng Francisains có thể học tập ở sách Duns Scot, đối thủ của Saint Thomas. Nhưng đó chỉ là những dị biệt nhỏ, mà tôn giáo nào cũng có nhưng ở căn bản vẫn lấy Thánh Kinh làm khuôn vàng thước ngọc.

Bộ Thần Học Đại Toàn lại còn đi đến chỗ tinh vi là bàn cả vấn đề linh hồn trong bào thai, những giai đoạn là linh hồn, rồi vừa là linh hồn vừa là cảm giác hồn (âme à

la fois végétative et sensitive) cũng trong bào thai. Gần đây, cuối năm 1973, báo Missi cho chụp hình những bào thai và lại nói đến quả tim bé li ti như đầu mũi kim của bào thai được mấy tuần đã rung động, đã đập khiến ta càng sống sót cho trực giác đó. Triết học, Phật Giáo và Ấn Độ nói chung lại còn thần triết hơn nữa với thuyết đầu thai chuyển kiếp.

Tóm lại, người sinh viên xưa kia Đông cũng như Tây có một lý tưởng duy nhất, một hệ thống tư tưởng duy nhất, một lý nhất quán để nhận định về vũ trụ, nhân sinh để hành động để cư xử. Không Từ nói: «Ngô đạo nhất dĩ quán chi». Đạo của ta có một lý mà suốt cả.

Vậy cái học bây giờ của nhiều nước Đông Tây đều không có đầu mối, đều nằm trong cái lưới của cuộc Cách Mạng 1789 tung ra hay cũng như Tôn Hành Giả trong Tây Du Ký bị kim cô của bồ tát Quan Âm dính vào đầu không sao gỡ nổi, mọi cảm nghĩ, hoạch định chương trình giáo dục bị chi phối mà không nhận ra.

Bên Cộng Sản biết được nhược điểm này mà phe Tự Do không có ý thức nên họ đã lấy bộ Tư Bản Luận (Capital) của Karl Marx làm kinh điển mới. Trong bộ sách đồ sộ này cũng một lý nhất quán giải thích tất cả, hướng dẫn tất cả mọi hoạt động với Duy vật biện chứng, Duy vật lịch sử v.v...

Những nước Tự Do chủ trương không duy vật nhưng với cái giáo dục hoang mang không đầu mối, không nhất quán đó cũng đi vào con đường duy vật vì tinh thần không vững ắt phải bị chinh phục bởi những thế lực vật chất. Nhiều nước đã vào hãm con đường này rồi còn Pháp đương chới với chống lại nhưng có lẽ sẽ chẳng khác gì hoàng hậu Clytemnestre của Hy Lạp cổ thời năm mơ thấy mình đẻ ra rắn, rắn quay lại cắn mình, thì bà ta bị hoàng tử Oreste con bà giết bà sau đó vì bà ta ngoại tình đã cùng với gian phu giết chồng bà.

CHÚNG TA PHẢI LÀM GÌ?

Chúng ta đứng trước mấy con đường:

Một là trở về với Cổ Thời và Trung Cổ Đông Tây, cho giáo dục xoay quanh kinh điển.

Hai là cuốn theo cái học hoang mang không đầu mối, không lý tưởng chịu ảnh hưởng Cách Mạng 1789. Cái học thuần trí thiếu tâm chi căn mớ mang kiểu thức và kỹ thuật cũng là cái học này.

Ba là biến cái học thành tuyên truyền một chiều như

Cộng Sản, xuyên tạc tất cả mọi chân lý để phục vụ chính trị giai đoạn.

Đường thứ nhất là lý tưởng tuyệt vời nhưng bây giờ không thể thực hiện.

Đường thứ hai là một cuộc phá sản.

Đường thứ ba là ngu dân chủ nghĩa tiêu diệt hết lương tri của con người.

Phải chọn một con đường thứ tư là :

Mở rộng đề tài thái linh động

Nhưng cũng làm chủ được sự thái thái

Bằng cách nào ?

Đồng thời với việc rút ngắn sự giảng dạy những triết gia bất lợi cho lý tưởng phục hồi tinh thần, để dành nhiều thì giờ hơn cho những triết gia có lợi, và việc thay thế một số môn

Phải tìm phương pháp dựng cây trụ nam châm hút những kim loại tản mát là những triết thuyết hay cũng như lò hợp kim đúc nhiều thứ thành một khối duy nhất.

Chúng tôi đề nghị môn học

NHỮNG CHỦ THUYẾT TRIẾT HỌC ĐÔNG TÂY

mà nói cho thực sát là

NHỮNG DÒNG TRIẾT HỌC ĐÔNG TÂY

Như duy linh gồm Anaxagore cổ thời Hy Lạp, Saint Augustin qua bao nhiêu người đến Bergson. Như duy vật gồm cả Démocrite cổ thời đến những nhà khoa học Karl Marx.

Theo phương pháp của chúng tôi thì cho những sinh viên theo dõi những chủ thuyết từ cổ thời qua trung cổ đến hiện đại, cho thấy một nguyên lý bản thể học hay siêu hình học đã chuyển sang lãnh vực tâm lý học, đạo đức học, luân lý học ra làm sao. Có khi lại sang cả lãnh vực chính trị như chủ nghĩa Mác.

Như thế khiến cho SV quen với sự nhất quán, nhất quán ở hệ thống tư tưởng của mình, nhất quán cả trong khi nhận định những biến hóa ra thiên hình vạn trạng của những tư tưởng đối lập.

Với lối học sai đường hiện hành, chúng tôi thấy nhan nhản và nhan nhản những trí thức tự mâu thuẫn với mình trong tư tưởng và hành động như chấp nhận tổng quát về duy linh hoặc duy tâm mà lại quan niệm duy vật về tâm lý học nên cho phản ứng tâm lý học (Psychologie de réaction) là hay, hoặc coi giải thích tất cả bằng ăn ức sinh lý

bằng tính dục như Freud với khoa phân tâm học (Psychoanalyse) là đúng. Lại có những người tự coi là duy linh hoặc duy tâm mà quan niệm Mác Xít vì coi lịch sử là cuộc đấu tranh giai cấp thường xuyên và những hiện tượng tôn giáo cũng như văn học chỉ là phản ảnh hay biến tướng của những hiện tượng kinh tế.

Nói gần hơn nữa, có những người tự coi là duy tâm duy linh mà tán thành Kế Hoạch Gia Đình với những phương pháp ngừa thai nhân tạo và phá thai.

Không nói những kẻ chủ ý phá hoại, chỉ nói những kẻ thành thực mâu thuẫn sai lầm.

Về Đông Phương, đường lối của chúng tôi tìm cách khai thác ở những nguyên lý xưa cái còn sống và sống mãi và hữu dụng cho chúng ta bây giờ.

Chẳng hạn về đạo Khổng sẽ dạy :

— Còn khai thác được gì ở quan niệm nhân bản của Khổng Tử về giáo hóa giữa thời buổi coi chính trị vạn năng, không cần thay đổi tâm người làm gốc.

— Lý nhất quán của Đạo Khổng sẽ giúp ta được gì trong việc xét lại lối học không trọng tâm hiện đại.

— Cái tâm truyền suốt dòng lịch sử Trung Hoa.

Về Lão Trang và những triết phái Ấn Độ cũng dạy khác với lối người ta vẫn quen.

Về nghị luận triết học ngay trước khi có trắc nghiệm các học sinh Đề Nhất tức lớp 12 bây giờ, và SV rất kém. Hai bài thi trong năm chỉ là sử dụng điều đã học mà không được hướng dẫn phương pháp và sửa chữa bài đề làm cho họ rút kinh nghiệm tránh lỗi lần sau.

Cách đây mấy năm, giáo sư Thanh Lăng phản nản trên báo về SV Văn Khoa nhiều người viết văn không thành câu. Văn đã không thành câu thì phương pháp làm nghị luận triết học lại càng dở.

Mà kể từ năm 1974 thi Tú Tài về triết cũng trắc nghiệm thi suốt 7 năm Trung Học không làm được bài luận triết nào lại càng kém nữa. Vậy chúng tôi xin đề nghị việc dạy phương pháp làm nghị luận triết học cho năm đầu mà nếu cần thêm cho năm thứ hai. Chẳng những thế, muốn làm cho người sinh viên thành tích cực hữu dụng hơn nữa, chúng tôi đề nghị :

Lý thuyết và thực hành *Diễn Thuyết, Bút Chiến* (Polémique) *Luận Chiến* (Joute Oratoire) về những vấn đề triết học và xã hội. Chính việc khai thác, sử dụng những điều đã học như thế này làm cho người ta thực hiểu những điều đã học. Y Khoa có thực tập thì Triết Khoa cũng phải có

thực tập để dự vào những cuộc đấu tranh bảo vệ và phát huy lý tưởng.

Đã trình bày nguyên nhân sâu xa ở cuộc Cách Mạng 1789 đã đưa phương pháp làm cho mọi cái học thành nhất quán rồi thì chúng tôi nói về một vài điều liên hệ.

1. — NHỮNG ĐIỀU LIÊN HỆ.

Những triết gia bất lợi cho lý tưởng vi hoặc là duy vật hiển nhiên, hoặc là đặt cơ sở sâu xa dọn đường cho duy vật, hoặc là phi luân, đã được dành cho một số giờ tương đối khá nhiều ở nhiều nơi. Đánh rằng ta phải cho sinh viên biết kéo sẽ biến những triết thuyết này thành (quả cấm) (fruit défendu) càng kích thích trí tò mò của họ. Họ sẽ tìm đọc lấy mà không có sự hướng dẫn phê bình của thầy, càng nguy hiểm. Tuy nhiên, sự biết thêm đó hơi nặng với số giờ tương đối khá nhiều thì có hiệu lực in sâu vào tiềm thức họ, theo định luật đập khắc (loi de marcélement) mà khoa tuyên truyền sử dụng. Có những người đã kích một chữ nghĩa nhưng quen nghe đâm ra bị tuyên truyền lúc nào không biết. Vậy là phê bình của thầy dạy cũng thành vô hiệu vì chắc chắn nó không thể dài hơn những lời trình bày những chủ thuyết này được. Có nhiều nơi dành nhiều giờ cho:

— Xã hội học ở ban triết.

— Những triết gia như Descartes, Hume, Kant, Auguste Comte, một số triết gia Hiện Sinh độc hại như: Sartre, v.v... (1) Lại Marx, và lý thuyết Cộng Sản. Descartes tuy hình thức duy linh nhị nguyên nhưng thực chất dọn đường cho duy vật như Lachelier với những thức giả đã nhận xét. Kant với phê phán luận dọn đường cho duy nghiệm, mà duy nghiệm cũng dọn đường cho duy vật.

Đáng lẽ dành cho họ số giờ ít hơn, có người chỉ cần nói qua trong khuôn khổ triết học sử cương, chẳng hạn như: Hume, Auguste Comte. Để dành thêm thì giờ cho những triết gia duy linh như: Bergson, duy tâm như: Platon và Phật giáo.

— Siêu hình học tổng quát gồm Hữu thể học bên trong đáng lẽ không nên học thành môn riêng biệt vì nó chính là cơ sở của hệ thống nhất quán gồm: siêu hình học, tâm lý học, đạo đức học, luận lý học. Hơn thế kỷ nay, người

(1) Cũng có những triết gia hiện sinh không độc hại, mà còn sâu xa, như Kierkegaard v.v...

ta biến môn này thành trò chơi xa xỉ vì tách nó ra khỏi đạo đức học, khỏi cuộc sống hết sức viên vông, phủ phàm không tự môn này mà tự người ta.

— Luận lý — toán học (Logistique) không cần thiết bằng Biện chứng pháp (Dialectique) vì hiện thời chúng ta đương phải đối diện với biện chứng pháp duy vật của Cộng Sản. Ta cần phải hiểu nó và phải hiểu cả những Biện Chứng Pháp duy tâm của Platon, Hegel.

Xin nói thêm như sau :

Mặc dù khoa Xã hội học có nhiều môn phái với những sắc thái dị biệt nhưng thực chất sâu xa là duy vật. Một trong những người sáng lập khoa Xã hội học là Dürkheim đã nói :

(Những nhà xã hội học đã chứng minh rằng có những chế độ luân lý pháp luật, có những tín ngưỡng tôn giáo ở đâu cũng vậy nếu những điều kiện của cuộc sống xã hội cũng như nhau. Người ta lại còn có thể nhận thấy rằng những tục lệ giống nhau cả đến những chi tiết mà như thế trong những xứ rất xa mà giữa chúng không có một thứ giao thông nào).

Những môn phái xã hội học khác có thể đối lập với Durkheim về điểm này điểm nọ, nhưng điều trên có thể coi là định luật chung của mọi môn phái.

Với «Conditions de la vie sociale» Dürkheim muốn nói những điều kiện hay tình trạng kinh tế nông nghiệp, kỹ nghệ v.v... Tức là thuyết kinh tế quyết định của duy vật.

Auguste Comte đã củng cố cơ sở duy vật với việc chia lịch sử tư tưởng làm ba thời kỳ :

- Thời kỳ thần học
- Thời kỳ siêu hình học
- Thời kỳ duy nghiệm

Mà ông cho thời kỳ cao nhất là duy nghiệm tức khoa học. Cũng chỉ nên nói qua một vài giờ ở triết sử.

KARL MARX VỚI LÝ THUYẾT CỘNG SẢN.

Tôi nhận thấy rằng với chủ nghĩa Marx, muốn đả phá nó phải nhằm vào cơ sở tư tưởng chứ không phải vào chi tiết, chẳng khác gì tự mình lạc vào thế trận quanh co nhiều ngã khiến người SV sẽ đến chỗ ngược lại ý ta muốn, bị tuyên truyền dù có lời phê bình là dở kèm theo.

SIÊU HÌNH HỌC TỔNG QUÁT—Trong môn này đã bao hàm Hữu thể học hay bản thể học (ontologie) nó chính là hữu thể học thêm những vấn đề nhận thức luận, vấn đề thời gian, không gian v.v... Vậy không nên dạy riêng biệt hai

môn như có nơi đã làm.

Như đã trình bày, mọi bộ môn nhất quán, đều do một nguyên lý diễn dịch nên từ mấy ngàn năm từ Đông sang Tây đều giảng dạy và gây ý thức như vậy. Tạm kể bộ Thần Học Đại Toàn (Somme Théologique) của Saint Thomas; bộ Sâm khya Kārikā của Icvarakṛṣṇa làm cơ sở cho phái Số Luận, rất mỏng mà vĩ đại vì tằm nâng tư tưởng toàn diện đã làm nguồn cho sự khai triển và thực nghiệm đến vô tận. Hiện đại với những môn tâm lý học phải dạy riêng vì quá nhiều tiết mục, nhưng siêu hình học lại khác vì nó là cơ sở của ba môn kia, chẳng hạn *tâm lý học Thiên Chúa Giáo* trên *bản thể học duy linh*, *phái ứng tâm lý học* (Psychologie de réaction), *phân tâm học* của Freud trên *bản thể học duy vật*.

Chỉ nên dạy nó trong toàn bộ hệ thống một triết gia hay triết phái. Trong chương trình chúng tôi về NHỮNG ĐÔNG TRIẾT HỌC ĐÔNG TÂY, thì nó được trình bày như nguyên lý, mà mọi điều về tâm lý, đạo đức, luận lý của bao triết gia hay môn phái cùng căn bản đều là hệ luận. ĐẠY RIÊNG LÀM MẤT Ý THỨC VỀ SỰ NHẤT QUÁN.

Ở dưới Trung Học đành tạm giữ nhưng lên Đại Học không nên tiếp tục lối đó. Bản đề nghị kèm theo dưới đây sẽ trình bày sự thay đổi cụ thể. Về luận lý toán học (Logistique) chúng tôi đã bàn ở trên ở trên là nên thay bằng Biện Chứng Pháp cần hơn.

II.—BERGSON VỚI ĐÔNG PHƯƠNG TÂM LÝ HỌC

Chúng tôi có ý kiến là nên rút bớt giờ về một số triết gia Hiện Sinh như J.—Paul Sartre, duy nghiệm như Auguste Comte để dành cho Bergson. Chúng tôi thấy những triết gia hiện sinh như Kierkegaard trở về với Duy Tín chủ nghĩa (Fidéisme) đáng khai thác hơn J.P. Satre vô thần và xấu xa.

Bây giờ tâm lý học duy vật đang tràn ngập thế giới thì nên dạy Bergson nhà duy linh vĩ đại nhất của thế kỷ XX này, đã đưa ra những lý luận cực kỳ sắc bén để phân tích và đối phá tâm lý học duy vật.

Ngoài Bergson và Đông Phương tâm lý học của phái Sâm khya với Phật Giáo còn mệnh mông sâu thẳm hơn nữa.

Trước khi đưa Bản Đề Nghị cụ thể với những con số kèm dưới đây, xin thưa lại rằng :

Cần phương pháp nhất quán để cho những điều đã học thành một khối hợp kim, một thanh gươm sắc để phục vụ cho bản thân, dân tộc và nhân loại

trước mặt hồn trận của những tư tưởng độc hại biến hóa ra thiên hình vạn trạng.

BẢN ĐỀ NGHỊ

Năm Thứ Nhất.

NHỮNG DÒNG TRIẾT LÝ TÂY PHƯƠNG : Tối thiểu 60 giờ một năm (Thay cho Nhập Môn Triết Học Tây Phương lối văn quen).

● *Sự nhất quán của các bộ môn triết học :*

Siêu hình học, tâm lý học, đạo đức học, luận lý học.

● *Vật chất sinh học luận (Hylozoisme).*

Từ những triết gia Tiền Socrate như Thalès đến những triết gia Hậu Socrate như phái Stoicisme (Khắc Kỷ) gồm Zénon, Épictète Marc Aurèle.

● *Duy vật, từ Democrite, Épicure cổ thời đến Karl Marx qua nhiều triết gia và khoa học gia khác.*

— Nguyên tử luận nguyên thủy.

— Vật lý học với nguyên tử học hiện đại.

— Duy vật trong phạm vi tâm lý học.

— Duy vật biện chứng pháp của Karl Marx.

— *Những biến tướng khi minh thị lúc ẩn tàng của Duy vật trong đời sống cũng như trong quan niệm lịch sử, văn học v.v... mà ta cần phải nhận diện.*

● *Duy linh từ Anaxagore, Saint Augustin đến Bergson qua nhiều triết gia khác.*

— Duy linh trong phạm vi bản thể học.

— Trong phạm vi đạo đức học.

— Trong phạm vi tâm lý học đối lập với duy vật (Những dòng triết học Tây Phương còn một nửa sang năm thứ II).

NHỮNG DÒNG TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG : Tối thiểu 60 giờ một năm.

● *Khổng Giáo :*

— Tổng quan về cuộc đời, con người của Khổng Tử với Lục Kinh (sau này còn Ngũ Kinh).

— Còn khai thác được gì ở quan niệm giáo hóa nhân bản của Khổng Tử giữa thời buổi coi chính trị vạn năng, không cần thay đổi tâm người làm gốc.

— Lý nhất quán của đạo Khổng đã giúp ta được gì trong việc xét lại lối học không trọng tâm hiện đại ?

— Cái tâm truyền suốt dòng lịch sử Trung Hoa.

(Còn nhiều giờ học riêng ngoài môn này).

22. THỜI TẬP

● Lão Trang :

- Bản thể học với nhận thức luận của Lão Tử.
 - Đạo đức học của Lão Tử.
 - Chính trị học của Lão Tử.
 - Trang Tử và Liệt Tử.
- (Còn nhiều giờ học riêng ngoài môn này).

NGHỊ LUẬN TRIẾT HỌC

- Từ lý thuyết đến thực hành.

Năm Thứ Hai

NHỮNG DÒNG TRIẾT HỌC TÂY PHƯƠNG — *Tối thiểu : 60 giờ*
N- ỨNG DÒNG TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG — *Tối thiểu: 60 giờ*

● Đông Phương

- Thời kỳ Tiền Phân Hóa Vệ Đà
- Lục phái triết học của Bà La Môn Giáo Ấn Độ.

I Mimamsâ (Thạch Thường Trụ)

II-I.I Nyâyâ — Vaiçesika (Nhân minh — Thắng trận)

IV Védânta (Viên Thành Vệ Đà)

V-VI Sâmkhya (Số Luận) và Yoga (Du Già)

- Phật Giáo (Còn phải nhiều giờ học ngoài môn này)

Tây Phương

— Duy Tâm từ Platon đến Hegel quá nhiều triết gia khác.

— Đối Chiếu Duy Tâm Tây Phương với Đông Phương của Phật Giáo.

— Những môn phái Hoài Nghi (hay bất khả tri luận)

— Những nhà Hoài Nghi cổ Hy Lạp

— Hoài Nghi cận đại với Hume

— Chân tướng phê phán luận của Kant

— Phương pháp nghiên cứu triết học

— Phương pháp tư tưởng triết học vượt hiện tượng giới, tiến lên lý giới là tinh thần siêu hình học đích thực. Phân biệt với Phương pháp luận của khoa học (Méthodologie des sciences) mà cũng phân biệt với Luận lý học hình thức (Logique formelle)

Năm Thứ Ba — Thứ Tư

Biện chứng pháp (Dialectique)

(Thay cho luận lý toán học)

— Biện chứng pháp Platon, Hegel, Marx...

Nghệ thuật diễn thuyết

— Gồm lý thuyết thực hành

Nghệ thuật bút chiến (Polémique) Luận chiến (Joute oratoire).

DÔNG TÂY TRIẾT HỌC SỬ CƯƠNG

Người ta thường dạy quá sớm khiến sinh viên chấp nhận trừu tượng mơ hồ. Nên theo lối qui nạp dạy vào một vài năm sau để tổng hợp và bổ túc những kiến thức thu lượm.

DÔNG PHƯƠNG TÂM LÝ HỌC CỦA SÂM KHYA và PHẬT GIÁO. TRIẾT HỌC BERGSON (đặc biệt khai thác **TÂM LÝ HỌC**)

* Xin lưu ý rằng đây không phải đủ chương trình bốn năm hay bốn chứng chỉ—Mà chỉ là đề nghị một số môn chiếm một số giờ để gây căn bản cho cái học nhất quán và thực hành.

** Lại cũng xin lưu ý rằng sự phân phối phải biến đổi theo hoàn cảnh, các trường không cùng một chương trình. Như có thể dồn vào một năm thứ nhất tùy trường môn **NHỮNG DÒNG TRIẾT HỌC**.

Vài năm cuối Cử Nhân và Khoa Học

Nên nghiên cứu sâu xa toàn diện về những nền triết học đạo học lớn như :

PHẬT GIÁO — LÃO GIÁO — KHỔNG GIÁO — PLATON — PHẢI KHẮC KỶ (STOICISME) — THẦN HỌC THIÊN CHÚA GIÁO TỨC TRÍẾT HỌC TÂY PHƯƠNG TRUNG CÔ.



Nếu tấp nhem hỗn loạn và phủ phiểm' nông cạn là hai chứng cùng một gốc bệnh thì

ĐIỀU TỐI CẦN THIẾT LÀ NGHIÊN CỨU THẮNG VÀO NHỮNG BẢN VĂN CỦA TRIẾT THƯ VÀ KINH ĐIỂN

Ở những lớp trên, đặc biệt phải nghiên cứu tường tận từng chương của một số tác phẩm rường cột, tiêu biểu. Mà những lớp dưới thì những tác phẩm dễ hơn hay những đoạn trích yếu dồi dào hơn những mẫu dẫn chứng ở những bài nghiên cứu đại cương.

Trong cuốn Văn Học Phân Tích Toàn Thư, chúng tôi có viết như sau về vấn đề này, xin ghi lại :

« Một sự lầm lạc rất lớn của việc nghiên cứu và giảng dạy triết học ở hầu khắp mọi nơi trên thế giới hiện đại là thiếu trực tiếp sâu xa với bản văn và quen dần với việc đọc lướt qua, vọt nhảy và nhất là y cứ và những bộ nghiên cứu bao quát nhưng phần lớn trống rỗng. Mà bộ nọ lại sử dụng bộ kia, cứ như thế mà xa mãi. Ngay những bộ đứng đầu nhất thì cũng chỉ giá trị như lối vẽ cát giấy theo hình khuôn mặt chứ không phản ánh được những nét linh động

làm hiển hiện cái thần. Người ta càng ngày càng tưởng rằng, một quyển sách với tham khảo thư hàng trăm ngàn bộ là biết nhiều, sự thực chẳng khác nào cầm bạc giả, không thực biết gì mà còn hại cho đạo đức làm người là nuôi nấng tham vọng và dối người dối mình.

Người ta không thể thành nhà khoa học hay thực hiểu những lý thuyết khoa học bằng cách đọc hết những tủ sách khoa học sử mà chỉ cần nghiên cứu những bộ căn bản và nhất là chính mình thực nghiệm hoặc đối theo con toán đã đưa tới việc lập thuyết. Nếu thế giới hiện đại đi đúng đường bao nhiêu về việc giảng dạy khoa học thì sai đường bấy nhiêu về việc giảng dạy văn chương và triết học. Chúng tôi muốn nhấn mạnh vào mấy điều:

Một là phải khai thác trực tiếp và triệt để bản văn. Trừ trường hợp học sinh lớp đệ nhất tức lớp 12 không thể làm cách nào khác là phải trang trải bộ triết học giáo khoa gồm rất nhiều tiết mục linh tinh trong một năm để đi thi. Lên đại học hay nghiên cứu ngoài khuôn khổ học đường thì không thể còn lần lữa với phương pháp chân chính.

Hai là đọc suốt chiều dọc, đi từ đầu đến cuối tác phẩm trước khi sang chiều ngang.

Ba là sang chiều ngang rồi có thể tùy theo phương diện khảo sát mà lựa chọn, xếp đặt lại thứ tự của những chương trong bản văn. Như trong phần Bản thể học với Nhận thức luận của Lão Tử, chúng tôi đã sử dụng như sau: các chương VI-XXI-XXII-XLII-XLVI-I-XXV. Tất nhiên theo một hệ thống chứ không vọt lung tung.

Bốn là tránh nhại lại tác giả, tránh nhận xét tụn mủn, mà cũng tránh mơ hồ khái quát.

Chúng tôi lựa chọn Đạo Đức Kinh vì đó là một triết thư đã khiến ta phải triệt để vận dụng sức khai thác và sử dụng mọi điểm của phương pháp. Chúng tôi gắng dung hòa phép nghiên cứu thâm nhập nhất quán của cổ nhân với phép bao quát, hệ thống hóa của hiện đại.

Cũng xin nhắc lại một điều mà chúng tôi đã nói trong Phát đoan từ của bộ Áo Nghĩa Thư Upanishads mà chúng tôi đã dịch và nhà An Tiêm xuất bản.

Trước khi đọc thẳng vào những mảnh tàn văn của Parménide, triết gia vĩ đại phái Eleée, tôi đã tìm hiểu qua những bộ triết sử và nghiên cứu của những học giả Tây Phương đã thừa hưởng công trình vài chục thế kỷ. Đến khi đọc thẳng vào những mảnh tàn văn tôi đi từ sự sống này đến sự sống khác vì mọi sách khảo cứu mà tôi được biết

đều phản bội, lật ngược lại chủ ý sâu xa của Parménide, của phái Elée, một triết phái không để lại nhiều sách vở nhưng được coi là một trong mấy cơ sở lớn của tư duy Hy Lạp, của thế giới Tây Phương. Thời gian tôi dùng để đọc đám bang khảo cứu là một vài giờ còn đọc thẳng vào vài trang bản văn là mười lăm đêm mỗi đêm bốn tiếng đồng hồ tức 60 giờ. Đó là một chuỗi hàm số liên tiếp mà người đọc phải tự giải, nhưng giải xong thì thấy cả núi sách khảo cứu dù đúng cũng không đưa vào chiều sâu, vào cái thân, ấy thế mà lại giải sai. Về sau này tôi kiếm được đủ những mảnh tàn văn, đọc mau chóng dễ dàng hơn nhờ công phu trước.

Nhân đây cũng nói về cuốn Áo Nghĩa Thư Upanishads. Bản văn thì xưa vài ngàn năm. Lời bình giải và nghiên cứu của đạo sư Shri Aurobindo là ở thế kỷ này. Đó là một kiệt tác trên văn đàn quốc tế về phép bình giải, nghiên cứu triết thư, đáng để cho ta khai thác học hỏi. Vừa nắm vững truyền thống Ấn Độ vừa có đủ văn bản triết học Tây Phương, Aurobindo theo sát từng câu từng chữ, từng mạch của bản văn để khai triển thực sâu rộng, chứ không giải vặt, lại viên thành bằng nghiên cứu tổng quát, tức là đủ cả mọi chiều.

VẤN ĐỀ TRIẾT HỌC TỶ GIÁO

Môn này nên dạy trên Cao Học. Rất sức cần thiết và lý thú nhưng cũng đầy cạm bẫy, vì cho đến bây giờ những kết quả thu hoạch được ở những học giả trứ danh quốc tế như Paul Masson Oursel hay một số học giả của ta thường không được tốt đẹp mấy. Bởi phần nhiều dựa trên bình thức đã đồng hóa những triết thuyết khác nhau ở bản thể nhưng có một số danh từ giống nhau hay ngược lại đã đem đối lập những triết thuyết cùng một bản thể nhưng dùng danh từ khác nhau hay có một số tư tưởng chi tiết ngược nhau. Vậy không gì hơn là phải nghiên cứu thực sâu nắm vững tinh thần chủ yếu từng triết thuyết trước khi làm việc tỷ giáo. Việc trực tiếp với bản văn theo đường lối đã nói lại càng đặc-địa.

KẾT LUẬN

Tóm lại, với ảnh hưởng của cuộc cách mạng 1789, mà nguyên nhân tối hậu là sự suy trầm nội tại, nhiều nước trên thế giới đã trung lập hóa, vô lý tưởng hóa bằng cách phân tán óc người học với đủ mọi triết thuyết tấp nham dị tấp.

Không thể trở về với lý tưởng Cổ thời và Trung cổ nhưng cũng không thể buông trôi vì như thế là đầu hàng là khước từ giá trị làm người tạo ra lịch sử của chính mình, chúng ta phải chọn giải pháp dung hòa là :

Mở rộng đề tài thái linh động

Nhưng cũng làm chủ được sự thái thái

I — Bằng cách cho những sinh viên theo dõi những chủ thuyết từ cổ thời qua trung cổ đến hiện đại, cho thấy một nguyên lý bản thể học đã chuyển sang lãnh vực tâm lý học, đạo đức học, luận lý học ra làm sao. Có khi lại sang cả lãnh vực như chủ nghĩa Mác.

Như thế cho SV quen với sự nhất quán, nhất quán ở hệ thống tư tưởng của mình, nhất quán cả trong khi nhận định những biến hóa ra thiên hình vạn trạng của những tư tưởng đối lập.

II. — Bằng cách rút ngắn sự giảng dạy những triết gia bất lợi cho lý tưởng phục hồi tinh thần để dành nhiều thì giờ cho những triết gia có lợi và việc thay thế một số môn. Đặc biệt khai thác Bergson với Đông Phương Tâm Lý Học.

Nên nghiên cứu sâu xa toàn diện về những nền triết học đạo học lớn như PHẬT GIÁO, LÃO GIÁO, KHÔNG GIÁO, PLATON, PHI KHẮC KỶ (STOICISME) ĐÃ ĐƯA TRIẾT HỌC HY LẠP LÊN THÀNH ĐẠO — THẦN HỌC THIÊN CHÚA GIÁO tức TRIẾT HỌC TÂY PHƯƠNG TRUNG CỔ.

III. Bằng cách nghiên cứu thặng vào những bản văn và kinh điển để tránh phù phiếm nông cạn cũng như tập nham hỗn loạn.

IV. Bằng cách nghiên cứu thực sâu xa nắm vững tinh thần chủ yếu từng triết thuyết trước khi làm việc TỶ GIẢO TRÍẾT HỌC. Điểm thứ ba là điều kiện cần thiết cho điểm thứ tư này.

V. Bằng cách cho SV thực tập với việc làm nghị luận và diễn thuyết, bút chiến, luận chiến chứ không phải thụ động ngồi nghe hay hội thảo tượng trưng.

Rút lại, hãy ra thoát cái lưới của cuộc Cách Mạng 1789 tung ra: Hãy trao cho sinh viên cái trụ nam châm thu hút những kiến thức tản mát để làm chủ và sử dụng giữa mê hồn trận của những ý thức hệ.

Không xét lại, cứ đi trên lối mòn thì càng học càng tiến sâu vào cuộc tàn phá tâm hồn, tiêu diệt nhân bản như giấn vào cuộc tự sát có kế hoạch.

* Chúng tôi đã đem dạy về Những Dòng Triết Học Đông Tây ở một vài lớp trong những năm qua và đã được thấy kết quả. #

NGUYỄN HỒNG

nhìn xem phú quý tợ chiêm bao

XUÂN VŨ

Tôi gặp anh Nguyễn Hồng lần cuối cùng trước khi rời Miền Bắc vào một buổi trưa trên quãng giữa con đường một chiều Hàng Bông Thợ Ruộm tức là gần nhà lao Hỏa Lò.

Sự thay đổi rất lớn tôi nhận ngay ra nơi ông cựa thư ký tòa soạn báo Văn là ông ta đề râu dài quá.

Ở ngoài Bắc (không biết có còn ở đâu như vậy nữa không?) khi thấy một nhân vật nào đề râu không cao, đã tóc bù xù không cắt, thì cứ gọi đó là «ông bất mãn» cho vui, nhưng có khi cũng trúng thật.

Râu anh dài như râu ông cụ Nhưng nó không rậm có lẽ vì cái khung mặt của anh không có duyên với râu ria, cho nên ngũ tạng lục phủ của anh cũng không cho anh cái sự râu ria làm gì?

Anh vút xe đạp nhảy xuống vồ lấy tôi ngay, và rồi rít:

— Mày đi Nam hả? Mày đi thì chừng nào rời Hà-nội, mày trốn biệt tao. Ối giời, ăn gì mà đồ hững ra thế này? Này có đi chơi được không?

— Đi đâu anh?

— Đi vớ vẩn! Thệt chó, cậu quên à? Hà-nội này có cái đêch gì ngoài thệt chó. Nếu không có thệt chó, tớ không ở Hà-nội làm gì.

Bây giờ đây, khi nhớ lại anh Nguyễn Hồng, tôi thấy trong tâm trí tôi hiện lên một con người nghệ sĩ với tất cả những tính tình nghệ sĩ vô cùng phong phú: hồn nhiên, chân thật, giản dị say sưa với nghề văn một cách tuyệt đối, mà riêng tôi thấy, thì anh say văn chương, say viết văn không ai bằng.

Anh Nguyễn Hồng là một con người sống sôi nổi, biểu lộ tình cảm ý nghĩ của mình ngay và một cách «rốc rạc càn túi» không giữ gìn, không thủ đoạn, cũng không biết sợ ai. Kể cả Đảng — là người đã phong cho anh cái chức rất lớn là Thư Ký Tòa Soạn tuần báo Văn hồi năm 1956-57, nhưng cũng chính vì anh bất khuất, cho nên anh chống lại những lời khuyên nhủ có tính cách gở đầu trẻ «của một ông cán

bộ xoàng khoác áo thầy đời và với danh nghĩa Trung ương Đảng; và vì thế mà anh đã bị mất chức — cái chức mà tôi biết là anh không phấn khởi gì khi anh nhận lãnh.

Anh Nguyễn Hồng là một người xuề xòa, dễ dãi và thương mến mọi người, một con người không chấp nhận những nguyên lý nguyên tắc trong sinh hoạt. Anh chơi, anh gần gũi và thân ái với tất cả mọi người từ anh tài xế, đến người nấu cơm hay cậu bé đi thư trong cơ quan. Với anh, người và người không có sự ngăn cách — vì cùng là giống vật đi hai chân cả (như anh đã từng nói) — sự ngăn cách là do chính mình tạo ra để tự mình làm phiền toái cho mình.

Sự ăn mặc đi đứng của anh lại càng đơn giản đến mức tối đa. Từ trên Bắc Giang đi xuống Hà-nội để họp chi bộ hoặc họp ban chấp hành hội nhà văn, Nguyễn Hồng đi xe lửa vẫn mang cái xe đạp tổng lực của anh theo để xuống Hà-Nội làm chân đi chơi bởi nhậu nhẹt với người ta.

Anh mặc quần « cu-lốt » áo sơ mi rách vá vai, vá lưng, đầu không mũ, chân dép râu, trông như một anh phu xe kéo xe xích lô vì đặc biệt cặp chân đen đúa rầu chắc của anh lúc nào cũng được phơi bày trước mắt mọi người. Tôi ít khi thấy anh mặc quần tây có « pli » và mang giày Tây. Anh xem quần áo không ra cái nghĩa lý gì ngay cả lúc cần nó để che đậy.

Xuống trụ sở Hội nhà Văn ở đường Nguyễn Du gần Hồ Ha-le, sự ăn mặc của anh cũng như ở tại nhà anh. Tôi có cảm giác là anh đang ở nhà, khi cần đi Hà-Nội, anh cứ thế nhảy lên xe đạp đạp thẳng ra ga Bắc Giang thế là đi.

Nhưng đặc biệt có một thứ vật chất mà anh rất coi trọng và luôn luôn dính bên mình anh. Đó là chiếc cặp da rách, cũ mà anh em Nam Bộ chúng tôi thường nói đùa là anh đã dùng nó hồi Bảo Đại còn làm trùm cho tới bây giờ.

Đó là cái cặp đựng tác phẩm của anh. Anh buộc nó vào cái boọc-ba-ga của chiếc xe đạp anh với sợi dây thừng to bằng ngón tay. Như người ta trói ghì một chú lợn 20 ký lô vào đấy. Tôi có dịp trông thấy những thứ giấy má nằm trong đó. Nào giấy trắng, giấy vàng, pơ-luya, giấy báo, những mảnh báo cắt giữ lại, những phong bì, cả một mớ rối nùi lên, mất trật tự vô cùng. Nhưng đó chính là cái trật tự, cái trật tự riêng của nhà văn Nguyễn Hồng.

Có nhiều lần tôi đọc bản thảo viết tay của anh. Anh không giống với anh Nguyễn Tuân tí nào cả — Anh Nguyễn Tuân thì dùng một cây bút, một loại mực, một loại giấy, (ít nhất là trong một tác phẩm) và chỉ viết tại gia, còn anh

Nguyễn Hồng thì khác hẳn, anh viết bằng đủ thứ bút, có khi dùng cả bút học trò của thằng con của anh, khi thì mực xanh, khi mực tím, khi thì dùng giấy báo, vài ba trang lại đến pơ-luya; rồi lại viết giấy một mặt, bên kia đã đánh máy, hoặc chính anh đã viết kín cả chữ từ đời nào rồi.

Trông cái cặp da to tướng lúc nào cũng no phình của anh, tôi tưởng chừng như anh không chạy nổi giấy để viết, cho nên lúc nào cũng quơ quào tìm kiếm. Có cả một lần anh thấy trong xọt rác của cô đánh máy có mấy tờ giấy trắng đã đánh máy dòng đầu rồi vứt bỏ. Anh vội vàng nhặt ngay vuốt lại phẳng phiu và cứ xuyt xoa mãi.

— Giấy như thế này, sao lại vứt đi!!!

Trong cái cặp ấy chứa đựng cả một hoài bão, một sự nghiệp, một gia tài của anh. Có những mẫu sò tay con con vàng nẫu rồi mà anh vẫn còn giữ. Cũng có những trang tiểu thuyết anh mới vừa viết xong, hay có những mẫu báo anh cất giữ chữ còn thơm mực. Đó là bài tiểu luận hay phát biểu của anh đăng trên báo Nhân Dân Trong đó có bài «Chân lý bị hành hình». Anh quý trọng từng chữ viết của anh — Có lần tôi hỏi anh:

— Sao anh không để chiếc cặp ở nhà cho chị giữ?

— Không được, không được! — Anh xoa tay và nói xúi bọt mép lên ngay — Có ai đâu biết mình «rút óc cấu thịt» của mình ra để viết từng chữ.

Tôi tin như vậy, đối với anh Nguyễn Hồng thì đó không phải là sự cương điệu. Mà là sự thực.

Vì tôi chú ý, hay không cần chú ý, tôi cũng thấy anh Nguyễn Hồng làm như anh nói. Dựng xe đạp vào gốc cây ổi ở sân sau của trụ sở Hội nhà Văn là anh lom khom tháo xiềng gổ xích cho chiếc cặp da rời khỏi chiếc boóc-ba-ga của cái xe đạp tông tọc của anh. Rồi sau đó thường thường cái hoạt cảnh sẽ diễn tiến đại khái như sau:

Nếu là giờ nghỉ thì từ lái xe cho đến cần vụ, thư ký, quản lý đều reo lên:

— Cày vọt số 1 đến rồi. Nào...

— Trưa nay làm một ván 5 «sét» đi bác!

— Không, ông sẽ đấu với tao.

Nguyễn Hồng nâng vạt áo sơ mi ngẩng cựa lên lau mồ hôi trên mặt rồi cầm lấy nó quạt lia lịa. Rồi không đủ mát, anh cởi phất ra vạt vai. (Có một hôm anh mặc nhầm áo của con, đi đến cơ quan trước khi cởi nó ra, anh mới hay).

Anh kêu lên:

— Bỏ mẹ rồi! vội quá mình lại vớ nhầm « cái quần » của thằng con. Cả đám người cười lăn ra. (Cũng may mà anh vớ nhầm quần của con trai). Rồi anh vừa ôm chiếc cặp trong tay anh hỏi ngay :

— Đến trễ, có cơm không chị Hùng (tức chị cấp dưỡng)

— Có, thưa cụ!

— Tôi mà cụ kỳ gì? Đề râu cho vui thế thôi. Nào, ai muốn đấu với tôi mấy ván đấu nào. Có ăn bia không hay đấu suông?

— Ăn bia càng tốt.

Thế là Nguyễn Hồng ăn cơm cơ quan. 3 hào một xuất. Một tí cá kho với mấy cọng rau muống luộc còn cả rễ, dai nhách, và mấy bát cơm trắng. Nhưng anh ăn cơm rất chân tình. Anh xin thêm tí nước mắm hoặc vài khoanh ớt để ăn cho cùng bữa.

Cơm xong, thế là Nguyễn Hồng chạy đi tìm vợt bóng bàn trước. Anh xoay trận trùng trục ra. Cái « co » của anh không đẹp như các nhà thể thao, nhưng nó hứa hẹn cho một sức khoẻ của một nông dân lao lực.

Anh mua vợt :

— Tay nào muốn so gươm thì vào đây!

Thế là vài ba đứa náo náo xin đấu với bác Nguyễn Hồng. Nguyễn Hồng đánh kuông hay lắm nhưng có anh đánh thì ai cũng xem. Anh vừa đánh vừa găm thét vừa tự hoan hô hoặc vừa chế bai dọa dẫm, làm cho đối phương mất tinh thần. Thường là Nguyễn Hồng đánh thua, và bị mấy cậu thanh niên cho đo van luôn. Xong cái màn đấu bóng bàn thì anh đi « tắm gà », tức là tắm từ cái lưng trở lên đầu thôi. Còn khúc dưới thì miễn.

Rồi trong khi mọi người rút lui đi tìm nơi nghỉ ngơi thì Nguyễn Hồng, vì đối với Hà-nội là kẻ vô gia cư, cho nên anh bằng lòng với cái thân phận của mình, lấy cái bàn ping-pong làm sập gụ ngã lưng vậy.

Anh leo lên nằm ngủ ngon lành bất chấp kẻ qua người lại cứ phơi xương sườn xương sống ra đó, đầu gối lên chiếc cặp quý giá của anh.

Nhưng Nguyễn Hồng không chỉ có cái cặp da đó mà thôi. Trong cái sắc treo dính ở boóc-ba-ga xe đạp của anh còn vô số đồ tế nhuyễn. Trong đó tôi phải kể trước tiên chai rượu trong như mắt mèo và một gói lạc rang, nhưng ít có ai phát hiện được.

Ngủ dậy giấc xong, anh ngồi dậy nhia quanh quất :

— Ở kia, cái áo tôi đâu rồi!

— Ngoài gốc ổi kia kia... anh treo ngoài đó.

— Ờ nhỉ! Mình hay quên quá!

Rồi anh đi rửa mặt qua loa. Sở dĩ anh hỏi đến chiếc áo là vì anh đang cần đến nó để dùng làm khăn lau mặt.

— Vội quá, nên lúc đi mình quên đem khăn theo.

Buổi cơm sáng thì anh tạm dùng cơm cơ quan, những buổi chiều thì anh tìm chỗ đi tiêu thụ cái chất liệu hiếm có trên kia.

Anh ngó quanh ngó quất rồi hỏi:

— Năm Saigon đâu rồi?

Thế là ai cũng biết rằng anh tìm bọn « đưa hầu » chúng tôi, để rủ đi chén cái món nai đồng quê — rất được phổ biến ở Bắc! Cái đại danh từ « Năm Saigon » là do anh dùng để gọi tất cả mấy thằng Nam bộ viết Văn chúng tôi. Nhưng trong nguyên thủy nó chính là tên của nhân vật số 2 của tiểu thuyết Bỉ Vô của anh, và theo tôi cũng là nhân vật hay nhất của anh: Năm Saigon!

Thế là ông xếp làng Bỉ Vô và mấy tên « Năm Saigon » quất ngựa chuối đi tìm thú vui với chai nước cam lồ kia. Đến quán, anh nhanh nhẩu bày những món rượu, lạc của anh ra bàn làm cả bọn chúng tôi sáng mắt cả ra.

Tôi hỏi ngay:

— Ở đâu thế này?

— Thì ở hợp tác xã chứ còn đâu nữa!

— Quái, sao hợp tác xã lại có cái thứ này?

Nguyễn Hồng cười hí hí:

— Chúng mày ngày thợ bỏ mẹ, thì làm sao mà dựng nổi những nhân vật biêu thuyết có « góc cạnh » được! (Mọi người nói « khía cạnh ». Nhưng anh thì nói góc cạnh). Các cậu tưởng hợp tác xã không tham ô hủ hóa hả? Chúng nó còn bỏ chúng mình. Rượu lậu, gái, tiền, loạn ra. Nhất là cái món tiền quỹ mà lấy bỏ túi thì đổ ai bằng. Mười thằng ban quản trị là tham ô dăm ô đủ cả mười. Thấm vào đâu cái món rượu lậu này. Tờ căn cứ gọi một tiếng là có ngay.

Như tôi đã kể trên kia, Nguyễn Hồng là một người cực kỳ say mê nghề văn. Tôi còn nhớ những danh từ của anh thường dùng để nói về công việc sáng tác: « cấu da, rút thịt, rỏ tím vắt óc ra ». Và quả thật, tôi công nhận rằng anh nói những tiếng đó không khách sáo.

Anh có một thói quen độc nhất trong khi viết, mà chính

anh nói ra cho anh em biết, đó là anh luôn luôn phải nhúng cái mái đầu cho thật ướt thì mới viết được. Chỉ nghe tên sách của Nguyễn Hồng cũng đủ đoán được bản lĩnh của anh: Lỗ Lừa, Địa Ngục, Đen Tối, Sóng Gầm, Cửa Biển v.v... Cái gì rõ cái ấy, rất sắc nét và giản gọn.

Một lần, anh em yêu cầu anh nói về cách cấu tạo và dựng tiểu thuyết của anh. Anh thích lắm. Anh mang cái cặp da cổ lỗ sĩ của anh ra để trên chiếc bàn đóng lộn trong phòng họp của Hội nhà văn. Thật là một sự tương phản hoàn toàn. Nhưng Nguyễn Hồng không để ý tới việc đó. Anh cứ moi trong cặp ra một tấm giấy thật to, bằng bốn tờ báo hằng ngày kết lại. Nhưng tờ giấy này không cùng màu, cũng không cùng loại giấy. Anh trải nó ra như một tấm thảm hoa — cũ nát. Và tôi bỗng thấy nó làm cho cái mặt bàn đánh vec ni kia sang trọng hơn lên nhờ sự rách nát và chằng và đụp của nó.

Anh nhồi hồ lên cái tiểu thuyết đã ghi thành chương thành mục với tất cả những chi tiết quan trọng của những chương mục ấy và sự quan hệ chằng chịt của các nhân vật vạch bằng vô số những mũi tên xanh đỏ chéo vào nhau.

Anh chỉ ở này, anh giải thích mũi tên kia, anh nhấn mạnh làn gạch nọ một cách vô cùng say sưa, và anh đã thu hút tất cả mọi người vào những lượn Sóng Gầm hay Lỗ Lừa của anh.

Khi anh rời khỏi chức vụ thư ký tòa soạn tuần báo Văn, thì anh về quê anh ở Bắc Giang, anh viết tiểu thuyết Sóng Gầm.

Phải chăng đây là một sự trả thù cái việc đã qua?

Anh mất vị trí ở Tuần báo Văn, nhưng cái quan trọng nhất đáng giá hơn mà anh không mất, đó là vị trí trong văn học nghệ thuật, và cái tình cảm của anh em đồng nghiệp già trẻ đối với anh.

Như anh tuyên bố sẽ viết hằng chục ngàn trang tiểu thuyết thì có nhiều người không tin rằng anh làm nổi. Vì từ trước đến nay anh thường viết truyện ngắn. Anh có cái tiểu thuyết Bỉ Vỏ cũng không dày mấy.

Tổng Thư Ký hội nhà Văn, cười mỉa :

— Nguyễn Hồng mà viết tiểu thuyết dài à?

Ở nơi thâm sơn cùng cốc của tỉnh Bắc Giang, quê hương con Hùm Xám Hoàng Hoa Thám; anh đã không một chút ân hận về sự việc mất ghế Thư Ký Tòa Soạn vừa qua, mà anh đã làm một công việc vượt xa cái ghế ọp ẹp kia nhiều.

Khi anh cho in Sóng Gầm thì mọi người đã nhao nhao lên, nhưng cũng không hết người nói mỉa « sóng gầm »

hay chỉ sóng Hồ Tây?

Nhưng khi Sóng Gầm thực sự chào đời thì mọi người mới té ngửa ra. Vì Nguyễn Hồng viết hay quá. Anh viết đúng với cái sở trường của anh. Anh mô tả cái xã hội thân thuộc của anh, hay đó chính là cuộc đời của anh : sự nghèo đói, rách rưới, sự giành giật miếng cơm manh áo...

Cũng một lúc đó, Nguyễn Đình Thi cũng ném ra một tiểu thuyết dài « Võ Bờ ». Tiểu thuyết này cũng viết về khoảng thời gian cùng với « Sóng Gầm » và cũng được khen ngợi đặc biệt. Nhưng riêng biệt thì có người thích Sóng Gầm hơn, ngược lại cũng có rất nhiều người thích Võ Bờ hơn. Điều đó chẳng phải là sự lạ lùng gì.

Nhưng cái thắng lợi của Nguyễn Hồng là anh đã làm cho những cái mép nhếch lên cười mĩa anh trước đây phải trở về chỗ cũ của chúng và thay vì lại nhếch lên mĩa mai thì lại chành ra khen ngợi. Nguyễn Hồng là một nhà văn mẫu mực về sự say sưa viết văn. Anh đặt trọn vẹn cả quả tim của anh trên trang giấy. Tôi đọc những tác phẩm trước kia của anh đề Lò Lửa, Địa Ngục cho đến Sóng Gầm từ Nhà Sư Nữ của chùa Âm Hồn trong Địa Ngục đến Giáng Hương trong Sóng Gầm, đều thấy anh viết với sự yêu mến vô biên các nhân vật của anh.

Có lẽ cái tài viết văn của anh là do trời cho, chứ không phải do ai đào tạo. Nhất là không phải đảng.

Nguyễn Hồng là một con người nghệ sĩ có thể nói khác hẳn với Nguyễn Tuân. Nguyễn Tuân là nghệ sĩ quý phái như Tolstoi còn Nguyễn Hồng thì lại là nghệ sĩ theo kiểu lang thang quẩy gỏi đi cùng trời cuối đất ngủ vỉa hè và làm đủ nghề như kiểu Gorki.

Trong một hội nghị trao đổi kinh nghiệm, VTN nói :

— Tôi suy nghĩ rất nhiều về nghề nghiệp của chúng ta, về ngòi bút của chúng ta. Hôm qua tôi đi ngoài đường, tôi nhìn thấy cái cây trên vỉa hè, tôi bèn tự hỏi : đời mình có hữu ích hơn cái « coi » này không? (giọng của VTN lơ lửng và nhào nhoét) Thế là tôi đau khổ, dằn vặt không ngừng. Rồi khi tôi về nhà tôi gặp con tôi, tôi gọi nó : « lại đây bố bảo con ! » Hôm qua tôi đánh nó hôm nay tôi gọi nó. Nó không đến ! Thế là tôi lại suy nghĩ. Tình người ở... (anh kéo dài chữ người ra) không biết ta nên đối xử với nhau thế nào, người với người cho đúng. Cho nên viết văn là phải suy nghĩ, suy nghĩ ghê lắm !

Khi V Tú Nam nói xong thì không ai muốn nói nữa. Cả Nguyễn Hồng, Ng Tuân, Nguyễn Đình Thi có mặt ở đó đều lặng thinh để cho cuộc họp được tự nhiên rã ra xả

34 THỜI TẬP

hơi 15 phút.

Nguyễn Hồng lôi bọn tôi ra ngay ngoài sân. Anh xì ngay một trảng dài, giọng của anh vừa cau gắt vừa chanh chua phát lên giọng óc:

— Suy nghĩ cái củ c... suy nghĩ. Suy nghĩ cái gì. Viết thì cứ viết bừa viết phura nó ra. Chuyện và văn nó ở trong bụng chờ đầu mà phải suy nghĩ. Con nó bị bố đánh, bố gọi không đến là thường có gì mà phải suy nghĩ, suy nghĩ? Còn anh tự cho anh không bằng cái cây ở vỉa hè à? Thế thì anh vứt mẹ bứt đi, đừng làm nhà văn nữa chứ có cái gì mà phải suy nghĩ?

Anh nói khá to, bọn tôi bấm anh vì sợ có nhiều người nghe mà mất đoàn kết. Anh là người biết phục thiện nhưng ở đây anh cố ý nổi cho mọi người nghe:

— «Suy nghĩ, suy nghĩ» cái gì? Những thằng cứ bày đặt suy nghĩ suy nghĩ là những cái thàng tịt ngòi, viết không ra cho nên mới bày đặt ra cái chuyện suy nghĩ để lòi!

Sau vụ Nhân văn Giai Phẩm Tố Hữu đích thân triệu tập một cuộc hội nghị tại hội trường của Ban Tuyên Giáo ở đường Lê Thánh Tôn (hình-như số 6) gồm tất cả văn nghệ sĩ đảng viên để chuẩn bị cho Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai do chính ông chủ tọa.

Đa số quyết định không để cho lọt một tên Nhân Văn giai phẩm nào vào Ban Chấp Hành hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật. Điều đó chắc chắn sẽ thực hiện được vì đảng viên đa số tuyệt đối và bất cứ trong trường hợp nào, ở đâu, khi cần lấy biểu quyết đa số thì đảng ủy cũng họp đảng viên trước để mang ý định của Trung ương ra phổ biến. Xong rồi phải hứa nhất trí thi hành cái điều đó ra ngoài quần chúng, dù không đồng ý cũng phải thi hành.

Thế nhưng, trong cái buổi họp đó, Nguyễn Hồng đứng lên có ý kiến trái ngược lại những điều Trung ương qui định mà do đích thân ông Tố Hữu phổ biến.

Nguyễn Hồng nói: nguyên văn xin ghi rõ như sau:

— Tôi đề nghị đưa Hoàng Cầm và Trần Dần vào Ban Chấp Hành vì tôi thấy họ là «những người có suy nghĩ khi họ hành động chứ không phải họ làm bừa».

Cả hội nghị ngơ ngác nhìn Nguyễn Hồng. Có lẽ Nguyễn Hồng muốn phát biểu thêm để giải thích ý kiến của mình, nhưng «không có cơ hội»...

Xem thế thì biết Nguyễn Hồng cương trực như thế nào.

Cái thú thứ nhì, sau thú viết văn, của Nguyễn Hồng có lẽ là ăn thật chó uống rượu đế và nói chuyện tung trời.

Trước đây khi tôi viết về Nguyễn Tuấn, trong những bữa ăn tôi mô tả Nguyễn Tuấn rất đạo mạo chính tề cầu kỳ nữa là đằng khác. Còn Nguyễn Hồng thì rất bình thường trong sự ăn uống.

Một hôm tôi và một ông bạn thân của tôi (cũng là nhà văn) mời Nguyễn Hồng tới nhà ăn thịt chó do chúng tôi mua ở chợ Hàng Bè đem về xào nấu lại. Cái chợ này tràn ngập thịt chó, chó luộc, chó tươi, lúc nào cũng sẵn. Chúng tôi mua mãi rồi người bán quen mặt. Cứ thấy chúng tôi xuất hiện thế là vẫy la lia : « Mấy anh miền Nam ơi ! hôm nay có cái « lăm » còn nguyên đây !... »

Chúng tôi mua về quay chảo lại bằng nước mìa theo cái « gu » Nam bộ. Nhưng không quên kèm riêng cho hợp « gu » Bắc.

Bọn tôi hỏi anh :

— Nấu theo bếp Năm Saigon, anh có thích không ông anh ?

— Nấu theo một nhà mà, nấu nưần sao ăn cũng ngon hết ráo trơn ráo tơi ! — Nguyễn Hồng pha trò bằng cách nhại lại tiếng Nam bộ của chúng tôi.

Nhà chúng tôi không có đàn bà nên chỉ làm được món chính để đãi khách của những món vặt thì thiếu hết, nhưng Nguyễn Hồng vẫn cứ vui vẻ như thường. Ăn xong, chỉ uống trà qua loa rồi Nguyễn Hồng xoay tròn ra nằm nói chuyện không lơ mơ gì. Anh cười luôn, cười khẩy, cười xỏ, cười hồ hồ thích thú. Nguyễn Hồng lúc nào cũng bằng phẳng một cách hòa nhiên nói về tác phẩm của anh.

Anh nằm vắt chân chữ ngũ, cầm quyển sách mỏng quạt roàng roạc mắt nháy nháy nhìn lên trần nhà một cách thỏa mãn. Có lẽ anh đang thích thú nhìn lại công tác phẩm chất ngất của anh như một nhà nông nhìn số lúa của mình chẳng ?

— Hồi đó, anh viết « Bỉ Vỡ » như thế nào anh ?

Thế là Nguyễn Hồng ngồi bật dậy ngay.

— Mình viết ngay trên giường lộn đay các cậu ạ !

Thế là tất cả cái quá khứ về một con người nghèo đói ham văn chương từ 17 tuổi chỗi dậy trong đầu anh. Anh nói tuôn ra trào cả bọt mép bọt mồm. Nguyễn Hồng hề nói là say sưa từ tiếng đầu đến tiếng cuối cùng. Và càng say sưa thì càng hay, càng bằng thì càng nói lắp. Có khi anh rồ mảy rú ga rất lâu mà đề mả rề không được. Cho nên khi phóng tới được thì lao rất nhanh. Và con đường của anh lao là con đường khi leo đèo cao xuống dốc đứng, quanh co dịch dắc chứ không bằng phẳng bình thường.

— Mẹ kiếp hồi đó sao mình ham viết văn thế. Cứ chớp mắt lại thấy ngòi viết. Chung quanh mình nhiều phụ phen, nghèo đói, khổ nhục, đau đớn quá, không viết không chịu được. Mà không biết làm sao để viết. Trước tiên là không có tiền mua giấy bút. Thực thế mà. Nhà lại nghèo. Mẹ không làm ra tiền. Đến khi mẹ cho tiền mua được giấy bút thì không có bàn ghế tử tế, mình dùng một tấm ván kê ngay góc chuồng lợn ngồi viết. Thích quá! Mình chẳng ngờ trên đời lại có cái thú vị như cái thú vị viết văn.

Tôi hỏi:

— Làm sao anh sáng tạo được nhân vật Năm Sài Gòn?

— Chuyện đó à? Còn dài! Hôm nào sẽ kể cho các «già» nghe.

— Thôi kể ngay bây giờ đi, kẻo không có dịp nữa bây giờ anh ạ.

Nguyễn Hồng vui vẻ:

— Có cái gì quan trọng đâu cứ viết bừa nó ra là thành Năm Sài Gòn chứ gì. Tờ muốn viết là viết. Cái gì mà phải suy nghĩ với suy nghĩ? Tôi ghét những thằng làm ra vẻ nhà văn khệ nệ, gật gù, vênh vác xách cặp táp, mang kính trắng đi đứng xum xoe, mười năm, chú đừng nói một năm, không viết một chữ, nhà văn nhà văn cái đểch gì. Trong hội nhà văn bây giờ phải gặt bỏ ra ít nhất là 50 phần trăm. Những thằng ăn rồi ở không nhè. Nhất là những thằng nhà thơ mà không có thơ.

Tôi hỏi bất ngờ:

— Nhưng có những nhà văn giỏi quá sao lại không được ca ngợi anh nhỉ?

— Ai đâu?

— Ở trong Hội mình chờ đâu.

— Làm gì có.

— Vũ Trọng Phụng.

— Ở ở nhỉ! Nguyễn Hồng như chợt nhớ ra điều gì.

— Anh nghĩ lại xem có bất công hay không?

— Chíp! Tôi cũng khổ tâm. Nó chó thế đấy. Làm nghề viết văn, viết dở cũng khổ mà viết hay cũng khổ. Mỗi cái khổ đều khác, nhưng đều là khổ cả.

— Việc này tôi có hỏi đồng chí Tổng thư ký nhân một cuộc họp tôi ngồi gần đồng chí ấy. Tại sao trong hội nhà văn lại không treo ảnh Vũ Trọng Phụng. Khái Hưng, Nhất Linh khác chí hướng không treo ảnh đã đành còn Vũ Trọng Phụng chết rất trẻ, một nhà văn thuần túy. Sao trong trụ sở ta không treo lên được một cái ảnh cho một thiên tài như thế. Đồng chí Tổng thư ký đáp rằng Vũ

Trọng Phụng có dính vào « Trốt Kít ». Không biết có đúng vậy hay không?

Theo tôi thì nền văn học phải có nhiều nhà văn nhà thơ có tài và càng có nhiều khuynh hướng khác nhau thì càng tốt. Ta không thể nói đến nền văn học ta mà bỏ qua Nguyễn Du, Nguyễn Trãi và Nguyễn Đình Chiểu được — Tôi nghĩ là mình rất không công bình khi bỏ Vũ Trọng Phụng trong quên lãng.

Nguyễn Hồng nói :

— Tôi không biết Vũ Trọng Phụng có dính với Trốt Kít hay không? Nhưng cái sự treo ảnh kia đâu thuộc quyền của hội nhà văn. Đều do các « chả » không đó chứ! Nhưng mà làm đểch gì cái sự treo ảnh? Treo không treo thì thôi chứ? Cậu tưởng người ta treo ảnh là không bị người ta chửi vào mặt cho đấy à?

Tôi không chịu thông qua. Tôi cố hỏi gặng :

— Nhưng mà cái hội của mình kêu là hội liên hiệp mà làm như thế đó thì e rằng không liên hiệp lắm chứ, thưa anh nghĩ sao?

Nguyễn Hồng chép miệng gãi đầu gãi tai. Có lẽ anh không ngờ thằng Năm Saigon này vốn là rỗng tuếch chính trị mà lại xâu vào chính trị như thế. Anh nói :

— Thì cậu còn lạ gì cái gì nữa về cái sự liên hiệp của mình (Ng Hồng hay nói « cái sự ») Bên ngoài thì nói thế chứ bên trong thì phải do đảng lãnh đạo chứ lại. Thì cậu xem đó...

Nhờ anh Nguyễn Hồng nói tôi mở mắt ra. Treo bản « Liên Hiệp », nhưng sự thực thì treo đầu dê bán thịt chó, chứ không liên hiệp gì cả. Cứ nhìn vào chánh phủ thấy thành phần của nội các thì rõ rồi.

Nguyễn Hồng nói :

— Với lại « kẻ nào muốn giết con muông của mình thì cứ hô nó là chó dại » cậu còn lạ gì nữa.

— Thế nghĩa là anh muốn nói sao?

— Nghĩa là muốn dìm Vũ trọng Phụng thì cứ kêu hấn là « trốt »... Hấn chết rồi, ai mà dính chính chó hấn?

Người chết đã đành! Sao còn các anh Trần Huyền Trân, Ngọc Giao mình cũng chẳng nâng đỡ gì hết?

— Ai biết được! Đến tôi đây mà họ còn đá thốc vào mạng mỡ đây cậu không thấy đây sao?

Nguyễn Hồng ăn thịt chó (xin lỗi dùng tiếng ăn thịt chó nghe có vẻ không đúng đắn như thành kiến của người ta đối với thịt chó nhưng nếu nói « dùng thịt chó » thì thật là không diễn tả cái thú vui này) Nguyễn Hồng ăn

thịt chó như Nguyễn Tuân ăn phở. Tỉ mỉ, chỉ li, thận trọng trau chuốt và say đắm như Nguyễn Tuân ăn phở tả phở. Ông bạn nghệ sĩ chủ quán kia biết ý Nguyễn Hồng về cái món thịt đặc biệt này đầu cả chục năm trước, cho nên ông vội vã chạy đi tự tay thái ngay một đĩa thịt luộc và một đĩa rau ngò ba lá.

Nguyễn Hồng đắc chí cười khanh khách như một hiệp sĩ giang hồ.

— Ngò ba lá, thịt luộc chấm mắm tôm chanh thì tuyệt ! Nào mời các bạn ! Rồi Nguyễn Hồng nhặt lấy một ngọn rau đưa lên vừa nói vừa thực hành. Này các anh Năm Sài-gòn xem đây. Ngắt bỏ tí ngọn đi, cớ đúng là ba lá không. Rau non xanh nhí ! Thảo nào người ta bảo sống trên đời không ăn thịt chó là không đáng sống !

Ông bạn nghệ sĩ già chủ quán cãi lại :

— Dối chó, chứ ông anh.

— Không ! Tôi thì không ăn thịt chó đã là không đáng sống rồi, lựa là phải đến đời chó ?

Thịt luộc hôm nay rất đặc biệt. Một loại thịt bó giò như thịt lợn có vẻ quý phái chứ không phải thịt luộc theo lối bình dân. Thanh thử miếng thịt thái xếp trên đĩa, mỗi khoanh có da, có mỡ, lại có cả nạc, trông thật màu mỡ ngon lành.

— *beauté greque* ! (Vẻ đẹp Hy Lạp nhí !) Nguyễn Hồng buột miệng nói.

Bọn chúng tôi cũng gật gù, tuy không biết anh nói như thế là có ý nghĩa gì, nhưng cũng cứ phụ họa thêm cho rùm beng ra.

— Đúng là *beauté grecque* !

— *Beauté grecque* ! Đùng, Đùng !

Nguyễn Hồng trên bàn tiệc cũng vui vẻ hồn nhiên như trên bục diễn đàn anh chẳng đạo mạo cầu kỳ khắt khe như anh Nguyễn Tuân tuy nhiên anh cũng rất tế nhị trong miếng ăn. Bao nhiêu lần đi hiệu gia truyền hoặc ở tại gia với anh, tôi để ý thấy anh đều thích thú cái miếng thịt cặp với ngò ba lá.

Nhìn chúng tôi một giây, bỗng nhiên Nguyễn Hồng nói :

— Các cậu không thể nào tả nổi một bữa chén thịt chó của dân Bắc Kỳ. Cũng như tờ hiện nay thấy chưa đủ khả năng tả một anh Năm Saigon ngồi ăn hột vịt lộn.

Bây giờ thì tôi đã xa Nguyễn Hồng. Không còn được trò chuyện và nhấm nháp những miếng thịt cay có cái sự « *beauté grecque* » và nói những chuyện đủ thứ đề tài, nhưng tôi vẫn còn có thể đưa ra thêm một tình cảm này

sâu kín trong lòng của nhà văn hiện thực thiên tài đó. Nguyễn Hồng mơ ước đất Nam bộ. Anh chưa bao giờ đặt chân đến đó, nhưng anh đã sáng tạo nên nhân vật Năm Sài Gòn trong Bể Vỡ, một nhân vật xuất sắc nhất trong đám nhân vật dòng đùc của anh. Tôi còn mỗi một điều tiếc rẻ là trong bấy lâu sống ở MB mà tôi quên khuấy đi, không hỏi xem anh có gặp một người NB nào như thế ở Hải cảng hay thành phố Hải Phòng quê hương anh hay không?

Trí tưởng tượng của nhà văn và lòng mến yêu Nam bộ đã giúp anh làm nổi những chuyện phi thường. Tôi được biết anh có làm một bài thơ rất hay in trong tập thơ « Trời Xanh » của anh. Đó là bài « Cửu long giang ta ơi ».

Mà tôi chỉ thuộc lồm lồm mấy câu sau đây. Lúc tôi đi trên đường Trường Sơn, tôi rất tiếc đã không thuộc bài đó, nhất là mấy câu tả Nam bộ :

Lan hoang dứa mật, thông nhựa lên hương
 Những buổi chiều ngun ngút nắng Trường Sơn
 Ngắm nghĩ vui đi, thác Khone cười trắng xóa
 ... Mê Kông quận đê, chín nhánh sông vàng
 Sông mang tên là Cửu long giang...
 Cửu long giang bắt ngát
 Mê Kông chảy, Mê Kông cũng hát
 Rừng núi lùi xa
 Đất phẳng thờ chan hòa
 Nước khóa chân trời buồm trắng
 Người dân Nam bộ gối đất màn sương
 Mồ hôi và bài lấy thành đồng lúa
 Thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa
 Những Gò Công, Gia Định, Long Châu
 Những U Minh, Đồng Tháp, Cà mau...

Tôi cảm ơn Nguyễn Hồng một người Bắc mà yêu mến quê hương tôi đến thế, và đã nôi thay tôi những tình cảm của tôi đối với quê hương tôi. Và khi viết đến đây, nhớ Nguyễn Hồng, tôi cũng thấy nước mắt muốn ứa thực sự.

Nguyễn Hồng là một nhà văn lớn hiện thực và là một con người chân thực sống rất hồn nhiên. Và chính đó là một đức tính của những nghệ sĩ chân chính. Anh không bao giờ giấu dốt, cũng không bao giờ làm ra vẻ tiểu tư sản, sang trọng. Tôi không thấy — dù chỉ một lần — Nguyễn Hồng mặc đồ lớn, thất cà vạt. Anh không ngần ngại nhắc đến sự nghèo khổ của gia đình, sự khốn cùng của bản thân anh, và nhắc lại hoàn cảnh cơ cực mà trong đó anh sáng tác. Nguyễn Hồng hơn người cũng là ở chỗ đó. #

NGUYỄN KHẮC NHƯỢNG

BÊN ĐƯỜNG GẶP NGƯỜI ĐỒNG HƯƠNG

Bạn hỏi, ta không biết
Tiếng quê nhà phương nao
Sớm chim kêu ghềnh đá
Chiều vượn hú núi cao
Đêm nằm trong vách hẹp
Nghe gió thét mưa gào
Lòng mở theo muôn hướng
Biết nhớ về nơi đâu ?
Bạn hỏi, ta không biết
Người thân ta mất, còn ?
Cỏ xanh giờ hắt khuất
Trên những lối đi mòn
Bên vườn chim cú rúc
Đầu hè tiếng quạ kêu
Ngả nghiêng bờ đậu mục
Um tùm dây bìm leo
Chừng đầy sân rêu dại
Lá nhớ rụng tiêu điều...
Mười năm trời biệt xứ
Đời chôn theo cát lăm
Sớm mây tan phương Bắc
Chiều mây tụ phương Nam
Mệnh mỏng trên đất lạ
Những giọt lệ rơi thầm
Ôi mười năm lưu lạc
Cạn lòng theo tháng năm
Bạn hỏi không dám nhớ
Đầy đưa lời gần xa
Thưa : mười năm lưu lạc
Đâu cũng là quê nhà. #

PHẠM MIÊN TRƯỜNG

HÔM Ở LONG TOÀN CÒ TỰ

Gửi MT.

Mù mù áo người bay
 Tìm như rừng phong úa
 Ngất ngáy lòng ai say
 Những kẻ gieo sầu nhớ
 Hoa đang héo hoa tàn
 Người trông hoa cảm lụy
 Chưa sót chút tình thâm
 Chim bay về phương bắc
 Người nghĩ gì trăm năm
 Dưới mái hiên cỏ tự
 Nắng xuyên qua chỗ ngồi
 Rưng rưng từng giọt vỡ
 Ta bỗng sầu khôn người
 Đá tủi phận đá già
 Ta cũng tủi phận ta
 Suốt một đời mơ mộng
 Những bóng hình đâu xa
 Về đâu trong buổi nay
 Áo người bay tìm quá
 Rượu không uống mà say
 Cứ như tình thu chết
 Chậm chậm theo nhau bước
 Lá ru mềm chân son
 Ngày qua đi rất vội
 Buồn nào hơn cô đơn
 Chắt trong hồn thiên cổ
 Chắt trong chiều mộng lung. #

NGUYỄN KHẮC NHƯỢNG

BÊN ĐƯỜNG GẶP NGƯỜI ĐỒNG HƯƠNG

Bạn hỏi, ta không biết
Tiếng quê nhà phương nao
Sớm chim kêu ghềnh đá
Chiều vượn hú núi cao
Đêm nằm trong vách hẹp
Nghe gió thét mưa gào
Lòng mở theo muôn hướng
Biết nhớ về nơi đâu ?
Bạn hỏi, ta không biết
Người thân ta mất, còn ?
Cỏ xanh giờ hắt khuất
Trên những lối đi mòn
Bên vườn chim cú rúc
Đầu hè tiếng quạ kêu
Ngả nghiêng bờ đậu mục
Um tùm dây bìm leo
Chừng đầy sân rêu dại
Lá nhớ rụng tiêu điều...
Mười năm trời biệt xứ
Đời chôn theo cát lăm
Sớm mây tan phương Bắc
Chiều mây tụ phương Nam
Mệnh mỏng trên đất lạ
Những giọt lệ rơi thầm
Ôi mười năm lưu lạc
Cạn lòng theo tháng năm
Bạn hỏi không dám nhớ
Đầy đưa lời gần xa
Thưa : mười năm lưu lạc
Đâu cũng là quê nhà. #

PHẠM MIÊN TRƯỜNG

HÔM Ở LONG TOÀN CÒ TỰ

Gửi MT.

Mù mù áo người bay
 Tìm như rừng phong úa
 Ngát ngáy lòng ai say
 Những kẻ gieo sầu nhớ
 Hoa đang héo hoa tàn
 Người trông hoa cảm lụy
 Chưa sót chút tình thâm
 Chim bay về phương bắc
 Người nghĩ gì trăm năm
 Dưới mái hiên cỏ tự
 Nắng xuyên qua chỗ ngồi
 Rưng rưng từng giọt vỡ
 Ta bỗng sầu khôn người
 Đá tủi phận đá già
 Ta cũng tủi phận ta
 Suốt một đời mơ mộng
 Những bóng hình đâu xa
 Về đâu trong buổi nay
 Áo người bay tìm quá
 Rượu không uống mà say
 Cứ như tình thu chết
 Chậm chậm theo nhau bước
 Lá ru mềm chân son
 Ngày qua đi rất vội
 Buồn nào hơn cô đơn
 Chắt trong hồn thiên cổ
 Chắt trong chiều mộng lung. #

Độc Quách Tấn là tìm lại tiếng đập rộn ràng của trái tim vũ trụ : ở đó thiên nhiên phơi mở. Nhất là giữa thời đại cơ giới này, chúng ta đã đánh mất chúng ta. Chúng ta đánh mất bằng những tiện nghi dễ dãi nhất, trong cái sinh hoạt của một ngày ta luôn luôn bận rộn, hai buổi ở công sở. Buổi chiều trở về nhà có nhật báo, máy phát thanh. Tối đến có ti-vi. Sống như vậy ta cứ nghĩ là sẽ chạy trốn được nỗi cô đơn, trốn được cái hoang lạnh của kiếp người. Nhưng không, càng chạy trốn bao nhiêu thì nỗi trống rỗng càng bám chặt ta bấy nhiêu. Bởi vì trái tim đã mất, và đời sống càng ngày càng ly cách với thiên nhiên.

Vì vậy, Quách Tấn đem trả lại cho ta sự quay tròn theo tiết điệu trời đất : sáng, trưa, chiều, tối. Rồi đến mùa : xuân hạ, thu, đông.

Độc Quách Tấn là tìm lại thời gian thực sự, nhưng thế nào là thời gian thực sự? Thời gian thực sự là thời gian không do trí óc của con người bịa đặt ra, nó không được xác định bởi bất cứ cái gì của con người. Thời gian của con người là thời gian của tấm lịch, của đồng hồ đeo trên tay, hay trên vách tường. Ta đã bon chen, lo lắng theo tiếng reo của đồng hồ, ta phải bon chen cho kịp đến công sở vì sợ trễ giờ, bởi vậy mà ta đã hốc hác, đau khổ. Còn thời gian thực sự thì không như thế, mà là thời gian theo thiên nhiên của vũ trụ.

Vào những thời đại xa xưa, thì thời gian đối với họ là buổi sáng nhìn triều dương, buổi chiều nhìn tịch dương, đêm đến nhìn sao lấm tấm trên trời cao. Ngày rằm đến bằng mặt trăng tròn, và ngày rằm đi khi mặt trăng khuyết.

Mùa xuân được báo hiệu bằng đóa hoa đào, mùa hè đến bằng hoa phượng và mùa thu bằng hoa cúc hay những cây hoè trở bông làm vàng rực cả đồi cao. Nhất là khi trời lạnh lạnh vào những chiều có gió heo may :

Nắng chiều thu trở lạnh

Buồn vương ngọn heo may.

Mùa đông đến trong âm thầm bằng bước chân của người nông phu dắt trâu ra đồng, và những con chim ngơ ngác bay đi tìm tổ cũ để trốn tránh gió mưa :

Lá vàng buông gió lạnh

Tơ trời nhúnch thâu dâu

Bay về thăm tổ cũ

Ngơ ngác lòng chim sâu.

Nhớ thương trần gió lạnh

Làng cũ bóng mây trôi.

Đọc hai câu thơ này khiến tôi nhớ quê hương da diết. Quê hương ở đây không nhất định là tỉnh nào hay miền nào, mà là quê hương mơ hồ trong tiềm thức. Đã từ lâu rồi, trên những nẻo đường lênh đênh, ta đã vô tình đánh mất, như ta đã đánh mất tuổi thơ. Rồi một chiều nào đó đi ngang qua một làng quê, ta chợt nghe tiếng sáo mục đồng:

Lặng lẽ nằm nghe sáo mục đồng

(Động Bồng Chiếu, tr. 42)

rồi nhớ lại vườn cau sau nhà:

Vườn xưa muốn cách trở

phảng phất mùi hoa cau

Nhớ tiếng cu cườm vào những trưa hè trong lũy tre xanh, nhớ đồng lúa thơm, nhớ ngọn gió nồm:

Sóng gợn đồng lúa thơm

hương theo ngọn gió nồm

qua hàng tre nắng nhuộm

dòng đã tiếng cu cườm

(Sổđ, tr. 32)

Và rồi trong một đêm vô định nào đó, sau khi mọi hoạt động của con người đã dừng lại — giờ phút yên lặng nhất đã đến, từ xa vọng lại tiếng chuông chùa:

Mây nước nhiễm phong trần

Nơi đâu tình cổ nhân

Những đêm buồn tỉnh giấc

Chùa cũ tiếng chuông ngân

(Sổđ, tr. 7)

Có lẽ đã từ lâu rồi, trên những nẻo đường xuôi ngược, thi sĩ đã không còn nghe được tiếng chuông của ngôi chùa cổ thuở nào — rồi đêm nay bất chợt nghe lại. Niềm vui bừng dậy trong tâm hồn, thi sĩ chào đón tiếng chuông như chào đón một người bạn lâu năm nay trở về gặp lại.

Vào «những đêm buồn tỉnh giấc», ta nằm mà nhớ rờn rợn, ta cảm thấy như đã đánh mất một cái gì...tuổi thơ, quê hương trong dĩ vãng.

Ôi quê hương, sao đường trở về nghe xa xôi quá! Đọc Quách Tấn là miên man đi vào trong cõi mộng huyền bí của Á Đông. Ở đó, mộng và thực không còn phân chia, mộng chính là thực và thực chính là mộng. Điều này đã được Quách Tấn xác định trong một tác phẩm chưa xuất bản của ông. Quyền Trong Vườn Hoa Thơ: «Mộng là gì? Nếu không phải là sự thực không nắm được. Còn sự thực là cái gì? Nếu không phải là một giấc mộng mà lòng ngộ nhận rằng thực? Anh thường lấy mộng và thực trộn lẫn nhau, và coi nhau như một, sao lúc này anh cứ lẫn lộn

ngẩn ngơ: « Mộng thực thực mộng » như thế? Kia hãy trông xa kia... » và xa kia chính là cái vỏ sò khô nằm trên núi, dù nằm trên núi nhưng thì sẽ thấy cả một đại dương bao la trong đó. Và đây là câu chuyện lên núi thấy biển của thi sĩ: (trích trong Những Lá Thư Thơ, chưa xuất bản): « Nguyên tôi ở Nha Trang về Bình Định lánh nạn năm 1944. Đến năm 1947 thì tản cư đến Phú An, một thôn hẻo lánh, đất rộng người thưa, thuộc quận Bình Khê. Tôi ở đó hơn một năm, bạn bằng mấy bộ sách cũ.

Một hôm tôi dạo chơi nơi bờ suối, tình cờ trông thấy một vỏ sò khô trắng nõn đầy âm ấp sừng mai. Ngạc nhiên tôi tự hỏi:

— Sò chỉ ở biển mới có, cứ sao lại có vỏ nơi đây?

Rồi vui miệng ngâm:

Ai đem em bỏ lên nguồn

Em xa biển cả có buồn chăng em?

Ngâm xong, đứng nhìn lòng vỏ sò long lanh dưới ánh nắng. Chữ « Biển » trong câu thơ, trở đi trở lại mãi trong tâm hồn. Rồi liên tưởng đến biển Nha Trang, lòng tôi sanh nhớ thương da diết. Tôi nhìn sừng vỏ sò... Sừng bỗng tràn ra... tràn ra mãi... và cảnh vật trước mắt tôi vụt biến thành cửa biển mệnh mông... Sóng xao dịu dịu, gió thổi êm êm... mặt biển như một tấm thủy ngân tràn đầy ánh sáng, loáng loáng rung rinh... lòng tôi mở rộng và khoan khoái vô biên. Bỗng một luồng sóng bạc vỗ mạnh vào bờ... Tôi giật mình: thì ra tôi vừa chợp mộng!

Từ đó, những đêm thanh vắng, nằm thường nghe tiếng sóng vang nhẹ nhẹ bên tai.

Tiếng sóng tôi nghe đó, không biết là tiếng sóng biển Qui Nhơn, hay là tiếng sóng trong tiềm thức bị vỏ sò khô dấy động?

Nhưng rồi khói lửa xóa nhòa tất cả!

Năm 1954, tôi trở lại Nha Trang. Ngót mấy năm trời lòng mãi trôi theo cái mối, ít khi hồi tưởng những cái đã qua... Bỗng một hôm tôi có ghi là đêm 17 tháng 3 năm 1963 nằm một mình, tôi ôn tất cả những gì xảy ra trong 10 năm chạy loạn. Những cảnh ngày xưa lần lượt hiện ra trước mắt như một cuốn phim xi nê... Rồi nơi bờ suối Phú An hiện lâu và rõ ràng hơn hết... Rồi cũng tiếng sóng làm tỉnh mộng... và bên tai vẫn phảng phất dư âm...

Tiếng sóng biển Nha Trang hay tiếng sóng trong tiềm thức?

Không phân biệt được, nhưng trong lòng dào dạt một niềm vui lâng lâng:

Muốn điều tơ lòng run khe khe
 Nửa vời sóng nhạc gợn lằng lằng
 liền trở dậy vắn đèn ghi lại niềm cảm xúc thành bài :
 Vở sò khô ộp ộp
 Niềm băng tuyết đêm sương
 Muốn xa bờ bến cũ
 Vang vọng sóng trùng dương.»

Một vỏ sò khô nằm lạc loài trên núi cao nhờ đến biển
 cả mệnh mong. Chỉ có chừng đó thôi, chúng ta cũng thấy
 được rằng một vật đều trôi chảy không ngừng, trôi chảy
 trong cái lẽ sinh diệt của trời đất. Phải chăng trước đây
 nơi này là đại dương, nhưng thời gian đã xóa nhòa tất
 cả kể cả đại dương cũng không thoát khỏi cuộc bề dâu
 tang thương này. Đọc xong bài thơ, tôi cứ ngậm ngùi mãi.

Phải là thi sĩ Đông phương thì mới có cái nhìn này :
 Một là tất cả và tất cả là một. Không gian bao la kia đang
 trở về trong ngọn đèn chong âm u của đêm tăm tối nhất
 trên cõi thế phù du này :

Không gian chìm bóng mông
 Đèn khuya chong âm u
 Một nhaoáng tan hàng lệ
 Muốn nghìn kiếp phù du

Trong một cái chớp mắt, thấy cả ngàn mùa thu trở về
 thị hiện :

Chớp mắt ngàn thu quạnh
 Về đâu chiếc lá bay ?

Trong suốt hai tập du ký của Quách Tấn : Nước Non
 Bình Định và Xứ Trầm Hương, mới đọc vào ta cứ tưởng
 là chép về địa lý. Nhưng kỹ thực Quách Tấn không làm
 chuyện thông thường đó, điều mà ông muốn đạt đến là : ...
 thiên về phong cảnh, cổ tích, giai thoại huyền thoại...
 là những cái dễ mất. Còn những gì thuộc về khoa học,
 thuộc về chuyên môn thuần túy, là những cái thường,
 còn thì nhường cho các nhà học giả... (Xứ Trầm Hương,
 tr.6). Với Quách Tấn, bất cứ ở đâu và lúc nào ông cũng
 triển miên trong thần thoại. Trong dãy Trường Sơn chạy
 dọc theo miền trung này, ngày nay đâu có ai ngờ rằng, trước
 kia đã là bao nhiêu chuyện xảy ra : Con ngựa trắng của
 Nguyễn Nhạc ngờ ngác vì vắng chủ, đi lang thang một
 mình trong núi. Và ly kỳ hơn nữa là chuyện chàng Lía
 Hời xưa chàng sống một nơi mà : « quang cảnh man dại
 Người cứng bóng vĩa đến đâu, lúc gió quá cũng cảm
 thấy rợn người... Nước Non Bình Định, tr. 279) Và cứ
 như vậy, Quách Tấn đưa ta đi từ cảnh âm u này đến
 chuyện âm u khác, rợn người biết bao nhưng cũng thơ

mộng biết bao, ở khắp núi rừng của Việt Nam hiện nay làm sao ta tìm lại dấu vết của ngôi chùa này: Người đến viếng cảnh chùa, lòng không rửa mà trong, thân không cánh mà nhẹ, ngồi tựa bóng cây đón mát, tưởng chừng mình đã xa cách hẳn cõi trần tục:

gió ru hồn mộng thiu thiu

chuông chùa rơi rụng bóng chiều đầy non.

Nếu không có tiếng chuông lay mộng, thì mộng còn mãi chìm trong bóng mây rắng, hoặc làm con cò vương hương hay lững lờ trong hồ sen yên tĩnh... Nhưng mộng dù đã tỉnh, mà cơn hưng vẫn còn nồng... Tuy nhiên bóng chiều đã về tây, khách du quan cũng nên lo xuống núi, vì thú rừng sắp theo bóng tối đi tìm mồi, và đôi cộp mun trong hang đá sau chùa kia... (Nước Non Bình Định, tr.270). Và biết bao nhiêu chuyện lạ như vậy được Quách Tấn đem ra kể lại. Hình như có lẽ Quách Tấn cảm thấy cô độc khi đem những chuyện như vậy mà nói giữa thời này: thời đại đại mà sự thống trị của lý trí đã quá mãnh liệt, tất cả đều phải chính xác, hiệu năng nghĩa là phải hợp với khoa học. Còn mấy ai nghe theo ông: « Hỡi ai là người đồng thanh đồng khí? » (Nước Non Bình Định, tr.280).

Quách Tấn vẫn thường than thở như vậy, sau mỗi lần ông nhắc đến một chuyện hoang đường. Điều này chứng ta có quyền tin rằng: Quách Tấn muốn nuôi một hoài bão. Tôi nhớ Heidegger đã nói như thế này: « Từ khi thần linh biến khỏi mặt đất, thì thế giới bắt đầu trầm mình trong bóng tối ». Thời đại này đã xua đuổi thần linh, nghĩa là đánh mất bản lai diện mục của mình. Đó là lý do mà ta có thể hiểu tại sao Rimbaud bỏ Âu Châu tân tiến, sống lang tận nơi những sa mạc nóng cháy của Phi Châu, và luôn luôn ngóng vọng về Đông Phương, và Hoelderlin mơ mộng trở về tắm lại tận nguồn giòng sông Indus ở Ấn Độ. Vào những thời đại xa xưa của nhân loại — thuở ấy, con người say sưa ca hát với thần linh, đùa rỡ với mặt trời, mặt trăng. Nhưng rồi cuối cùng đã từ bỏ quê hương của mình.

Quách Tấn muốn chỉ đường cho ta về lại cổ hương xa xôi ấy. Trên đường trở về ta sẽ nhìn thấy bầu trời đầy mùi thơm của mùi hương thuở nào:

Phảng phất cơn trầm thoảng

Trời thiên y A Na

(Thiên y A Na là nữ thần của Chiêm Thành trước kia), và núi sông thì đầy mộng và chiêm bao:

Thành hình câu chuyện cũ

Trời rộng bóng chiêm bao. #

DU TỬ LÊ

BUỔI TỐI NGỒI NHÀ BẠN

lâu ngày không gặp bạn
có việc nhờ nên đi
nhà bạn xa hun hút
trong con hẻm âm u

lâu ngày mới gặp nhau
ta, người cười ha hả
người đi pha cà phê
ta ngồi nằm trên ghế

người quần đùi, áo lá
mặt tối như đêm mưa
bốn mắt ngửa lên trời
lơ mơ trông phát nản

ta gác chân lên bàn
khoe đôi giày vệt gót
sinh bám ống quần loe
giày nịt to nữa chứ

mừng thể nhĩ về ngoại
nhưng tiếc nhà không ao
cũng chẳng có vịt, gà
cho ta thử sức.. đuổi

ta nói chuyện đau lưng
người lính thời nghề dạy
ở nhà còn sướng hơn
(có vợ nuôi cũng đỡ)

50 THỜI TẬP

thời thế và văn chương
ngươi buồn đầu sớm bạc
những sợi tóc như gươm
chém đời tan từng mảnh

ta than chuyện áo cơm
nợ nần ngập tới mắt
càng sống càng còi thêm
mặt dày hơn da trống

ngươi hỏi vợ con ta
thừa cơ ta tả oán
vợ con mà nghe ra
chắc chẳng buồn sống nữa

lâu ngày không gặp nhau
ngồi gần hết buổi tối
ta về lòng lao xao
cả đêm không ngủ được

ta bắt chước người xưa
viết dăm hàng vơ vẩn
cũng xin gọi là thơ
để tặng cho ngươi đọc

Ta mong những giòng này
ít ra cũng giúp ngươi
một giây cười ha hả

(10 — 74)

ERICH MARIA REMARQUE

bước đầu của một nhà văn

C.R. martin

C.R. Martin đã thành công rực rỡ trên một tạp chí Đức, tên: Die Welt am Sonntag, trong việc vạch lại cuộc phiêu lưu thầm kín của các kiệt tác lừng danh trên thế giới, đồng thời tìm hiểu vì sao một tác giả, một tiểu thuyết gia, ngày hôm trước còn ở trong bóng tối, bỗng được độc giả hoan nghênh khắp năm châu, sau khi tác phẩm ra đời.

Các danh tác đều có một điểm tương đồng. Chúng trực tiếp khơi động tình cảm của con người; những niềm hi vọng, những nỗi ước mơ, những niềm hân hoan, những nỗi thống khổ. Chúng trực tiếp đối thoại với những kẻ tập tễnh vào đời cũng như với những kẻ sắp lìa bỏ cõi trần. Chất liệu của những cuốn sách được cả thế giới hâm mộ đó thường ở ngoài thời gian vì con người không còn lệ thuộc thời gian khi đương đầu với các vấn đề của mình.

C.R. Martin đã ghi nhận đầy đủ hoàn cảnh nào đã đưa Erich MARIA REMARQUE từ bóng tối ra ánh sáng với tác phẩm đầu tay « Mặt Trận Miền Tây Vãn Yên Tĩnh », quyển tiểu thuyết dẫn đầu một loạt tác phẩm gây chấn động toàn thế giới.

Bản dịch của N.L



Cuốn sách sẽ được viết xong trong vòng ba tuần lễ. Buổi chiều sau khi Remarque đi làm về, và ban đêm... Anh viết nhanh, viết cách say sưa, viết không do dự, anh giữ cho mình được tỉnh táo với những tách cà phê và những điệu xi gà kịch xù. Vào dạo đó, anh ở trong một căn nhà vốn vẹn có một phòng. Vợ anh cũng ngủ trong phòng đó. Nàng bị đau phổi và sau đó chẳng bao lâu, sẽ đi chạy chữa ở Davos. Bầu không khí nồng nặc khói thuốc này quả không thuận lợi cho việc bình phục của nàng.

Nhưng, ngay lúc này, không có cách gì để cải thiện tình trạng đó. Chắc chắn là khi chàng viết xong cuốn sách, và bán nó được, thì hoàn cảnh sẽ đổi khác: Vợ chàng sẽ đi chữa bệnh tại một an dưỡng đường, như bác sĩ của

nàng đã khuyển.

Quả tình, không mấy người trong đám bạn bè thân hữu biết được chàng thiếu thốn tiền bạc đến như vậy. Vì với tuổi trẻ, Remarque có một bộ mặt thật khả ái, làm cho mọi người phải ngưỡng mộ vẻ thanh lịch của mình. Mấy bộ đồ « veste » của chàng là tác phẩm của một nhà may hợp thời trang nhất, chàng mang kính một mắt, tạo cho mình một phong thái khoan thai, có vài người nói là kênh kiệu, nhưng đa số thì cho là khá hấp dẫn, duyên dáng. Hiện thì chàng là một trong ba biên tập viên của tờ *Sport im Bild*, một tờ báo định kỳ của lớp người trưởng giả: trong đó người ta thấy những hình ảnh của các ông và các mệnh phụ an mặc đúng thời trang; những bài mô tả các cuộc tiếp tân, khai mạc, các vụ đua ngựa...

Remarque vẫn chưa hẳn là một công dân được chấp nhận trong giới thượng lưu đó. Tuy nhiên, chàng đã có chân đứng trong số những khán giả của cuộc sống kiêu sa: chàng vẫn chưa đóng một vai trò trong cái thế giới đó, thế nhưng...

Chàng thích thủ đô Bá Linh của thời hậu chiến. Tại đây, người ta sống một cuộc sống xô bồ, người ta được dự những cuộc trình diễn kịch nghệ vĩ đại, trong khi không khi khách dâm trắng trợn bao trùm các hộp đêm. Bá Linh, thành phố của những trận đấu quyền Anh, những cuộc đua ngựa kéo dài suốt tuần lễ, những cuộc phiêu lưu tình ái lớn, nhỏ... Chàng thích thành phố này, mặc dù vẫn ý thức là tất cả những thứ đó không nên diễn ra sau năm sau một chiến tranh khủng khiếp nhất...

Có lẽ chàng đã không cảm nhận được điều đó một cách sâu sắc như vậy nếu chàng đã được lớn lên trong cái thành phố quái dị này. Nhưng chàng vốn sinh trưởng tại một thị trấn nhỏ ở vùng quê, thị trấn Osnabrück.

Thân phụ chàng tên là Remark, chứ không phải Kramer, như một số báo chí chống Remarque đã từng rêu rao, và lại, chính ông nội chàng đã viết tên mình là Remarque. Ông đã sống một cuộc sống phiêu bạt. Thoạt tiên ông làm tiểu hâu trên một chiếc tàu, rồi ông phục vụ trong đoàn quân thuộc địa ở Phi Châu và đã đi vòng quanh thế giới. Cuối cùng ông trở thành cai thợ trong một xí nghiệp. Ông đã không dựng nên một cơ nghiệp lớn.

Cứ theo như cậu bé Remarque có thể nhớ được thì thân mẫu cậu vẫn không ngớt bị bệnh. Bà mất năm 42 tuổi, trong thời chiến, trong khi Remarque đang được chữa trị trong một quân y viện. Bà ta chỉ nghĩ đến con và rất ao ước con

minh có được một cuộc sống đảm bảo.

Theo như ý nguyện của bà thi Erich Maria, đứa con đẹp trai, tóc hoe của bà phải leo dần lên nấc thang xã hội và trở thành giáo sư chẳng hạn: đó là một nghề đem lại một cuộc sống bảo đảm và sau này còn có được hưu bổng nữa.

Thế là Remarque theo học trường dự bị Công giáo. Kỳ thi cuối chương trình học sẽ cho phép chàng được vào trường sư phạm tiểu học. Remarque học phong cầm cùng với nhiều môn khác.

Chứng chỉ thi mãn khóa của chàng mang lời phê « chú ý, chăm, kết quả tốt ».

Sau đó Remarque theo học một năm rưỡi tại trường Sư phạm tiểu học và... chiến tranh bùng nổ. Chàng xung phong tòng quân. Được đưa ra mặt trận miền Tây, người giáo sinh trẻ đã hai lần mang thương tích.

Chiến tranh chấm dứt, nhưng trong thực tế, nó không kết thúc đối với Remarque: ngay cả những người thân nhất của chàng cũng không ngờ được chiến tranh đã là một thử thách quyết định đối với chàng. Nhiều năm sau ngày tàn cuộc chiến, chàng không thể nghĩ đến chuyện gì khác.

Tuy nhiên, chàng giáo sinh trẻ trở lại thị trấn Osnabrück thi mãn khóa đi làm thân giáo viên tại một ngôi làng nhỏ bé. Nhưng tại đây, Remarque không cảm thấy hạnh phúc. Nghề nghiệp của chàng không tạo cho chàng hứng khởi. Thực tình thì một giáo viên không hề phải sợ đối khổ; tuy nhiên, đôi khi chàng cũng đã phải nhịn ăn, như lúc anh chàng giáo viên vô phước sinh vào thời cơ lạm phát nhảy vọt, khiến lương tiền của một công chức không thể chạy đua theo vật giá. Cuộc sống trong ngôi làng heo lánh này làm chàng buồn chán. Chàng nhanh chóng quyết định từ bỏ nghề giáo. Chàng trở lại sống tại ngôi làng nơi chôn nhau cắt rốn của mình, bên cạnh những người diên Remarque được mời làm nhạc sĩ phong cầm trong dưỡng trí viện Osnabrück. Là bởi vì dù sao chàng cũng đã học chơi phong cầm kia mà. Lại một công việc khác trong văn phòng của một người bán bán bia và đại tướng niệm của những người đã bỏ mình trong cuộc chiến. Công việc có vẻ hơi nặng nề từ từ khi, nhưng không phải là không có đôi chút hấp dẫn. Chàng nhờ đó mà làm quen với công việc quảng cáo, và điều này đưa đến việc Remarque bắt đầu viết văn. Thỉnh thoảng chàng viết những bài báo nhỏ và gửi cho các nhật báo. Một số được chấp nhận, nhưng điều đó

không làm thay đổi ngân sách của chàng: Nước Đức đang trầm luân trong nạn lạm phát. Nếu Remarque gửi hai bài báo cho tòa soạn của một báo, và chỉ một bài được chấp thuận trong khi bài kia được trả lui, thì giá tiền tem thư để gửi lại bài thứ hai tới một tòa soạn khác còn đắt hơn tiền nhuận bút chàng đã nhận được với bài báo kia.

Cuàng chán ngán vì phải kéo lê cuộc sống ở trong ngôi làng nhỏ bé của mình. Tại Osnabrück cũng vậy. Do đó chàng dọn đến ở tại thành phố Hanovre kế cận, tại đó Remarque kiếm được một chỗ làm trong công ty «Kautschuk Continental Co.». Chàng nghiêm nhiên trở thành biên tập viên của tờ *Continental Echo*, một tờ báo định kỳ của công ty. Giờ đây, Remarque phải viết nhanh, viết mọi cách thanh thạo, vì chàng đã bị cuốn theo giòng nước của nghề làm báo.

Và chàng ham thích công việc. Chàng tin chắc là mình sẽ viết được. Lẽ tất nhiên, chẳng bao lâu, chàng nhận thấy là những bài báo viết cho tờ *Continental Echo* không xứng đáng với tài năng của mình: Cuàng tuổi trẻ sẽ lên sóng tại Bá Linh. Và chàng lại gặp may: nhà xuất bản Scherl thuê chàng làm biên tập viên cho tờ tạp chí *Sport im Bild*.

Remarque có thể dừng chân nơi đây. Với tư cách biên tập viên của tờ *Sport im Bild*, người ta không làm giàu được, nhưng người ta có được một cuộc sống đầm ấm, như mẹ chàng mong muốn chàng có được, như chính cương vắn hằng ước ao từ những ngày nghèo khổ thuở bé thơ. Nhưng giờ đây, tại Bá Linh, bị cuốn hút theo cuộc sống sôi động của thủ đô, chàng mơ đến những ảo ảnh của tuổi trẻ, mặc dù chàng vẫn biết là...

Trong những đêm dài thao thức, Remarque viết:

«Và ngay nếu người ta trả lại cho chúng tôi khung trời tuổi trẻ, chúng tôi cũng không có cách khai thác được nó. Những nguồn sinh lực tinh tế và tươi trẻ đã từng quang tỏa trong tâm hồn chúng tôi không thể lại sống dậy. Nhớ như trong khung trời đó, gọi lại những kỷ niệm của thời đó làm chúng tôi thích thú, suy tưởng đến nó làm chúng tôi cảm động. Nhưng cũng như chúng tôi đã từng chứng nghiệm khi đứng thử người nghì ngợi trước mọi người đồng đội đã tử trận: Những đường nét của anh ta, khuôn mặt của anh ta và những ngày chung sống với nhau trở về trong kỷ ức của chúng tôi với một vẻ sống động giả tạo... Vì những thứ đó đâu phải là chính anh ta...»

Remarque đã viết những giòng chữ trên, hay đúng hơn nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết của chàng Mặt Trận

Miền Tây Vãn Yên Tĩnh (1) đã thốt ra những lời đó. Tác phẩm của Remarque có cung cách của một tập hồi ký, trong đó, câu chuyện từ đầu đến cuối được kể bởi nhân vật chính, Paul Bäumer, một chàng tuổi trẻ, đã lên đường ra sa trường khi còn ở tuổi dậy thì, đúng như Remarque trước kia.

Và trong lúc đang mải miết viết, Remarque đột nhiên nhận thức được những gì làm chàng thao thức bần khoăn trong cuộc sống xô bồ của thành phố Bá Linh và khiến chàng cảm thấy không được thoải mái. Những kẻ từ vùng binh lửa trở về và muốn sống bù bốn năm chinh chiến vừa qua bằng một cuộc sống xô bồ hơn, say sưa hơn, những kẻ đó giờ đây không còn sống nữa. Tất cả thế hệ đó, thế hệ của chàng đã bị chiến tranh hủy hoại, ngay cả khi nó đã thoát khỏi những trái phá trên trận mạc.



Khi Remarque nói lên những tư tưởng đó, chàng biết là những ngày chàng sống trong đó, ngòi bút của chàng viết ra những chữ này đã là một sự phủ nhận những lời nói của chàng.

Là vì thế hệ vừa từ sa trường trở về không tự xem như một thế hệ bỏ đi. Phần lớn, người Đức có một cuộc sống dễ dãi: người ta hải ra tiền, các rạp chiếu bóng, các hi viện đông nghẹt, người ta tậu xe hơi, xây cất nhà cửa...

Các ban nhạc Jazz chơi oang oang, người ta nhảy nhót ăn nhậu; nói tóm lại, người ta vui chơi thỏa thích và mọi người đều đồng ý là phải bóp chết các kỷ niệm đó: kỷ niệm chiến tranh. Remarque viết những điều mà không ai muốn chấp nhận. Chàng cất cao giọng tuyên bố là thế hệ của chàng đã mất, dù chính nó không biết điều đó. Một kẻ thuộc thế hệ đó, một kẻ cũng bị tiêu diệt như những kẻ khác thuộc cùng thế hệ, dù đã thoát khỏi mưa đạn, đã là nhân chứng: anh ta nói về chính mình và về các bạn đồng ngũ đã vĩnh viễn nằm xuống trên các nghĩa trang ngoài trận tuyến...

Hôm nay người ta tiếp tế cho họ thật dồi dào: 80 người trong số 150 trở về sau trận tấn công. Trong số những người sống sót có Albert lùn, người suy nghĩ sâu sắc nhất bọn, điều đó đã khiến anh chàng tới nay vẫn còn là một tên binh nhì; gã Muller, kẻ vẫn khỏe nệ mang theo bên mình mấy cuốn sách học; anh chàng Leer với bộ râu xồm xoàm và một sở thích khá đậm đà đối với mấy cô gái lâu xanh của các sĩ quan; và cuối cùng là Paul Bäumer.

(1) Viết năm 1928.

mer... » Bọn họ cả thấy 19 đũa, xuất thân từ một khóa và ra trận mạc cùng một lúc. Ông giáo sư của họ, Kantorek đã thuyết phục họ với những câu nói ái quốc hùng hồn cho đến khi họ tự nguyện tòng quân: « Tuổi trẻ sắt thép»; ông ta đã gọi họ như thế. Một tên hạ sĩ quan, mang tên Himmelston huấn luyện họ; trước kia gã là một bưu tín viên, giờ đây, gã đã trở thành một tên đồ tể nhà nghề. Gã không ngừng sáng tạo: thí dụ như gã bắt lính chùi sạch căn phòng với một cái bàn chải đánh răng, khi trời đóng băng lạnh buốt, gã bắt họ đứng bất động suốt một khắc đồng hồ, ngón tay đặt trên cò súng... Tất cả đều cảm hận gã.

Tiếp đến là vùng hỏa tuyến. Himmelston đã không thể chuẩn bị cho họ đón nhận những gì xảy ra đến với họ: chính gã cũng chẳng biết gì về những thứ đó.

Qua cặp mắt của Baümer, Remarque thấy lại cuộc chiến. Những cuộc tấn công đầu tiên... Những hỏa châu xé màn đêm với một ánh sáng rạng rỡ... Những cơn sấm sét của trọng pháo, những loạt đại liên khô khan, nổ dồn... Không khí đầy tiếng găm thét, tiếng rít, bĩ cặt ngang từng hồi bởi tiếng nổ long trời lở đất của một quả đại pháo. Đất bùn tung toé lên cao ngất, mảnh đạn bay vù trong gió, những đụn rơm xoi mói trời đêm đen ngất... Những loạt đại bác, những trận mưa trái phá chặn đường, những quả địa lôi, những chiếu xa, những trái tạc đạn, toàn những chữ, nhưng chúng gói ghém tất cả sự khủng khiếp của vũ trụ. « Bên cạnh chúng tôi, một tên lính trẻ khiếp đảm: tóc bết lại, hai tay bụm lấy mặt. Mũ sắt của anh ta rơi lăn lóc trên mặt đất. Anh ta ra đầy cả quần ».

Toàn là những người trẻ non nớt làm mồi cho đại bác. Những khuôn mặt nhợt nhạt, ngây ngô, thiếu não, những bàn tay đang thương cơ quắp, sự can đảm thâm thẳm của những con chó tội nghiệp. Dù vậy, chúng vẫn tiến lên và vẫn cắn... Họ khiếp đảm đến độ không dám la to lên. Bụng bị phanh ra, họ rên rĩ gọi mẹ, nhưng ngậm miệng lại ngay khi có người nhìn mình. Khi chết, gương mặt xương xẩu của họ lưa thưa lông măng, khuôn mặt đó không biểu lộ một cảm giác nào, khiến nó có vẻ khủng khiếp như khuôn mặt của những xác chết thơ ngây...

Những loạt đạn đại bác. Đất lại sắp dậy sóng. Trong nghĩa trang, trời mưa những cục đất. Thật là phí nhân. Quan tài và xác chết bắn tung toé khắp nơi. Kat, người huấn luyện viên thét: « Hỡi độc! Chuyển lệnh! »...

Họ hấp tấp mang mặt nạ vào.

Tên lính trẻ chàng vừa thấy hồi nãy giờ đây nằm sòng xoài trên mặt đất. Hồng của gã chỉ còn là một đống bùn bết bết máu, gã rên rỉ: « Các anh ở lại đây », và van nài: « xin các anh đừng bỏ đi ». Kat muốn thì ân cho gã một phát đạn súng lục, vì gã sẽ không mua được chuyến đi trên xe tải thương, và Kat muốn cho gã tránh né được những giờ phút cay nghiệt cuối cùng, nhưng lại có thêm những thương binh mới tới. Và lại, người ta chỉ có quyền làm như vậy khi ở một mình. Kat lắc đầu, buồn bã, đưa mắt nhìn những chàng tuổi trẻ bị tử thần bắt đi qua sớm.

Trận lửa đạn đã chấm dứt. Ngược lại, mưa vẫn đều đều rơi. Họ đều kiệt sức đôi lả. Quanh họ, những xác chết; những kẻ bị thương, có những người không đầu, những kẻ khác đã mất biểu đôi bàn chân. Họ loạng choạng lê bước, trên những gốc cây xác xơ cho đến chiến hào tiếp đó. Một người lính bò với hai bàn tay, kéo lê theo đôi đầu gối nát bấy... Những thân người không có miệng, không nung theo hàm dưới, không có mặt...

Himmelstou, người đưa thư đã hóa kiếp thành tên tra tấn, nay lại đột nhiên xuất hiện tại trận tuyến này. Tại hậu phương y vẫn tiếp tục hành hạ lớp trẻ. Trong đám, có đưa con trai của viên tỉnh trưởng: khi y biết được điều đó thì đã quá trễ. Tên đồ tể mất chỗ ngon; y bị đẩy ra tiền tuyến.

Giờ đây, tình hình thật nghiêm trọng, Himmelstou, con người cứng rắn như thép người cảm thấy kinh hồn táng đóm.

« Khuôn mặt gã xanh mướt, thâm tím, gã sợ đến phát điên. Đứng là gã vừa mới đến, nhưng tới gần run lên khi thấy những người trẻ mới bổ sung đang tiến còn gã lại ở đây. Tôi thét vào mặt gã :

— Đi ra !

Gã không nhúc nhích, đôi môi gã run run dưới cặp ria mấp máy. Tôi lặp lại :

— Ra !

Gã nép mình vào vách chiến hào, co rúm người lại và nho rang như một con chó.

Tôi nắm lấy tay gã để dựng gã dậy. Gã tru trếu. Tôi mất bình tĩnh; tôi thộp cổ gã và lắc gã như một cái bị, mạnh đến độ đầu gã lắc lư từ phía trong khi tôi thét :

— Đồ khốn kiếp ! Mày có chun ra không ? Đồ chó, đồ cút ! Mày muốn trốn hả ?

Cặp mắt gã trợn tròn, tôi đập đầu gã vào vách đất...

— Đồ khốn ! .. (tôi đập vào hông gã)... Đồ con heo !... (tôi đẩy gã bổ chúi ra đằng trước)...

Đúng vào lúc đó, một đợt tấn công mới của phe ta đi ngang qua đó: «Xung phong! Xung phong! Vào hàng!» Điều mà những phát đạn đá của tôi không làm được, mệnh lệnh của cấp trên đã làm cho Himmelston vâng phục. Gã quay lại, và trở lại với thực tế. Rồi gã chạy theo những kẻ khác và theo dõi gã từ đằng xa, tôi thấy Himmelston, tay gầy sòng gió trên các sân trong trại lính ngày nào, gã vượt cả viên trung úy và bỏ xa hàng trước mọi người...

Những giờ phút tạm nghỉ giữa hai trận đánh. Kat, người huấn luyện viên thảo vật và vui tính đã khám phá ra vài cô gái Pháp... ai mà chẳng khát khao nhận chìm chiến tranh, sợ hãi, thú tính vào trong quên lãng và thức dậy trong cảm giác trẻ trung, hạnh phúc.

Mỗi khi phải đi trưng dụng đồ đạc, Kat sử dụng đến giác quan thứ sáu của mình. Có lẽ anh ta quắp về hai con heo con. Trên các cánh đồng họ đào khoai, nhổ cà rốt, Kat chầm lửa nấu nồi xúp và mọi người người bao quanh, như bên cạnh một bàn thờ. Họ mới bắt đầu khai khẩu thì trái phá lại bắt đầu trút xuống.

Himmelston tỏ vẻ ân hận. Gã đã thôi ngoác mồm ra hét từ ngày ra tuyến đầu và giọng ỉ ỏi:

— Minh nên tâm đầu ý hợp.

Đoàn quân tiến lên. Những trận tấn công, phản công. Trong cánh đồng chẳng chịt hố đạn đằng trước hào chiến đấu, các tử thi chất đống. Trời nóng, người ta không chôn cất chúng và người ta cũng không thể đi thu lượm chúng, vì không biết đem chúng đi đâu cả. Các trái phá lãnh phần hạ thổ họ.

Nghỉ phép. Lần đầu tiên!

Baümer nhận thức được là chàng không còn có một sự giao tiếp thực sự với những người ở hậu phương nữa. Họ là những kẻ không biết gì về cái chết, làm sao họ biết được cuộc sống như thế nào? «Chẳng mấy chốc, viễn ảnh sự chia ly đã làm hư sự sum họp của chúng tôi: mẹ tôi yên lặng nhìn tôi, bà đếm từng ngày một, tôi biết thế!»

Ngày trở lại trận tuyến. Bị thương, Baümer được di tản về một bệnh viện tại đó, chàng ngẫm nghĩ: «Năm nay mình đã hai mươi tuổi, nhưng mình chỉ biết có thất vọng chết chóc sợ hãi, đơn đau. Mình nhận thấy là những dân tộc thâm lậu, ngu dốt, điên rồ, ngoan ngoãn, vô hại đang giết chóc lẫn nhau.. Cha ông chúng ta sẽ làm gì khi chúng ta chỗi dậy để bắt họ phải trả lời cho chúng ta! Suốt bao năm nay nghề của chúng ta là giết người. Chúng ta sẽ ra sao sau này?



Remarque đã mô tả những cảnh đó qua những đêm dài thức trắng, trong khói thuốc xi gà, với những tách cà phê giúp chàng tỉnh táo. Chàng không lên án, chàng xem như mình chỉ đóng vai trò thông tin. Chàng không buông tha nhân nhượng cả chính bản thân chàng. Chàng nhìn lại cảnh địa ngục giờ đây như đã lùi vào quá khứ xa xăm. Nhưng Remarque biết là nó vẫn còn đó, trong viễn ảnh của tương lai.

Chàng phân tách những tâm tình ngồn ngộn trong hồn mình khi chàng giết người lần đầu tiên. Việc xảy ra một cách rõ ràng minh bạch, trong một trận cận chiến, giết để khỏi phải bị giết. « Chỉ bây giờ tôi mới hiểu anh là một con người như tôi. Tôi đã nghĩ tới những quả tạc đạn của anh, lưỡi lê của anh, những vũ khí của anh. Giờ đây, tôi nhìn thấy vợ anh, khuôn mặt của anh, những gì khiến chúng mình giống nhau. Xin lỗi nhé, anh bạn! Lúc nào cũng vậy, khi mình hiểu được thì đã quá chậm... »

Chàng chứng kiến cảnh bạn bè nhắm mắt lìa đời tại bệnh viện. Một người đã hát Thánh vịnh trong suốt một tiếng đồng hồ, với một giọng kim ngân ngào trước khi bắt đầu thở dốc. Trước đó, một người khác đã tuột xuống giường và lết đến cửa sổ. Giờ đây, gã nằm dài dưới khung cửa như thể muốn nhìn ra ngoài một lần cuối.

Chàng thừa hưởng được đôi giày của một anh bạn không còn cần chúng nữa: « Hãy cho tôi trước khi chết, và trao lại cho tôi cái ví của bạn .. đôi giày đó là của Kemmerich truyền lại cho bạn. Tôi mang đôi giày đó vì chúng rất vừa chân. Sau tôi sẽ đến lượt Tjaden, tôi đã hứa cho y... »

Và luôn luôn người ta thấy vẫn một câu đó lặp đi lặp lại không ngớt, trong suốt cuốn sách và bằng mọi âm điệu : đứng mềm lòng.

Cuộc sống .. nó có thể biến dạng những gì cho những thằng con trai ở tuổi 20, những thằng con trai đã già đi quá nhanh ngoài trận tuyến? Định yếu của cô gái Pháp đói khổ, mà người ta mua được với vài miếng bánh mì chẳng? Thức ăn có vẻ thực tế hơn, quan trọng hơn nhiều, và Paul Bäumer mô tả không một chút nhảm chán bữa ăn mà các chiến hữu mình đang sấm sủ; thức ăn gồm có thịt bò của Anh lấy được nơi địch quân, bánh mì trắng của Pháp, một con ngỗng hay một con heo được trưng dụng hay đánh cắp.

Còn ngoài ra?

Cuộc sống trong quân ngũ khiến cho lớp người trẻ có một ấn tượng buồn chán. Họ khinh cái sở thích của cấp trên của họ được người khác chào kính vì xem đó là một thái độ trẻ nít. Một người trong bọn nói:

— Rồi mày xem mình sẽ thất trận vì mãi chào rầm rập cấp trên.

Baumer tin chắc là nếu những tên đeo lon phải chịu những thử thách dành cho binh sĩ, thì đã không có chiến tranh. Những người này mới đích thực là những kẻ chiến đấu và Baumer xem họ vô tội như những con ngựa chẳng hạn. Chúng vẫn không biết chuyện gì xảy đến với mình khi một quả tạc đạn làm bắn tung phần nửa thân của chúng. Một người lính đã thốt lên:

— Sự bỉ ổi lớn lao nhất là đã lôi cuốn ngựa vào cuộc chiến.

Một cách chậm chạp, nhưng chắc chắn, Baumer, nghĩa là Remarque, lấy một quyết định. Chàng phản trần với người lính Pháp chàng vừa mới giết:

— Hôm nay phiên anh, ngày mai đến lượt tôi. Nhưng nếu tôi thoát được, tôi sẽ tranh đấu chống lại những gì đã phá hủy cả anh lẫn tôi, bằng cách lấy mất mạng sống của anh. Và... cả của tôi nữa. Anh bạn ơi! Tôi xin thề với bạn điều này sẽ không còn xảy ra nữa.

Thế là, sẽ không bao giờ có chiến tranh nữa!

Không bao giờ... Nhưng khi Cuộc chiến này chấm dứt những người trẻ đã già trước tuổi ngoài chiến tuyến sẽ làm gì? Họ bàn tán về đề tài đó: trước tiên rất đơn giản, họ sẽ ăn một bữa thật no say, rồi sẽ thưởng thức da thịt đàn bà. « Mày thấy không, những chiếc giường thực sự, với những chiếc nệm lò xo... » Nhưng sau đó, họ sẽ làm gì, cuộc sống thường nhật của họ sẽ ra sao, không ai có một ý nghĩ gì rõ rệt. Sao này khi không còn chiến tranh nữa, họ muốn mình làm cái gì? Suốt bao năm trời, mình chỉ nghĩ đến việc chém giết. Sự hiểu biết của mình về đời sống chỉ vồn vện giới hạn vào cái chết. Cái gì sẽ xảy ra sau này? Mình sẽ ra sao đây?

Thực tình không có ai trong bọn muốn chết, tất cả đều hy vọng sống sót sau cuộc chiến. Cuộc sống là một sự rình rập thường xuyên chống lại mối đe dọa thường xuyên của tử thần. Họ nằm trong bùn, hai tay bám chặt và van xin: « Không! Không! Đừng để tôi chết lúc này, khi chiến tranh sắp kết liễu. » Tuy nhiên họ cũng biết: « Nếu chúng mình trở về nhà bây giờ, chúng mình sẽ cảm thấy mỗi mết, khô héo, hao mòn, mất gốc và vô vọng. Chúng mình sẽ không

lấy lại được thắng bằng.»

Và đoạn kết của cuốn sách: «Baümer ngã gục tháng 10 năm 1913, vào một ngày yên tĩnh trên khắp trận tuyến đến độ bản tin của Bộ Tư Lệnh Tối Cao chỉ vồn vện có một câu: «Mặt trận miền Tây lắng dịu». Anh nằm xuống trên mặt đất như đang yên giấc. Khi người ta lật anh lại, người ta thấy là chắc anh không đau đớn.



Một câu chuyện chiến tranh chống lại chiến tranh, một cuốn sách chủ hòa vào một thời đại mà đường lối chủ hòa lại được xem như là một tội ác dưới mắt của nhiều người Đức. Người ta có thể xem đó là tâm hướng của những người Đức đảng viên quốc gia, là đảng phản động nhất và ái quốc một cách thiện cận nhất nước Đức — Vì vào thời đó, nhóm Quốc Xã chưa đóng một vai trò quan trọng nào cả. Chủ tịch của đảng Quốc gia, Alfred Hugenberg, cựu giám đốc của các cơ xưởng Krupp là sở hữu chủ của nhà xuất bản Scherl, cơ sở ấn hành tờ *Sport im Bild* cũng như một số tạp chí khác. Y đích thị là chủ nhân của Remarque.

Nhà xuất bản Scherl cũng ấn hành các tác phẩm in thành sách. Nhưng trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, Remarque cảm thấy quả thực không nên trình bản thảo của mình cho nhà xuất bản mà anh đang cộng tác.

Thế là anh gửi bản thảo cho S. Fisher, nhà xuất bản quan trọng nhất chuyên về các tiểu thuyết mới; người ta từ chối tác phẩm của anh với lý do: tại Đức quốc hiện nay, đâu còn ai đọc tiểu thuyết chiến tranh? Và quả thực, đề tài mà Remarque đã lựa chọn có vẻ không hợp với thời đại của anh mấy.

Trong một cuộc du hành dài sáu ngày tại Bá Linh, Remarque kể cho một ký giả nghe là anh vừa viết xong một cuốn tiểu thuyết. Cuối cùng anh hỏi ông ta:

- Anh khuyên tôi làm gì?
- Chủ đề của cuốn tiểu thuyết là gì?
- Chiến tranh!
- Tôi khuyên anh nên vứt vào sọt rác!

Miết rồi người ta phải tin là Mặt Trận Miền Tây vẫn yên tĩnh sẽ không bao giờ được ấn hành.

Nhưng chuyện gì đã xảy ra khiến cho tác phẩm này cuối cùng đã được xuất bản?

Sau này, có vô số lời trần thuật khác nhau về sự kiện khiến nhà xuất bản lớn Ullstein quyết định ấn hành cuốn sách của Remarque, vì đã đến lúc mà mọi người đều khoe

khoang là đã đóng một vai trò trong vụ này. Nhưng câu chuyện đơn giản hơn nhiều. Remarque đã đưa cuốn tiểu thuyết của mình cho một người bạn thân mà cũng là một người bà con của gia đình Ullstein đọc. Bản thảo được chuyển từ nhân vật này đến Fritz Ross, người đứng đầu phòng nhân viên của Ullstein. May thay, gặp lúc Ross có thì giờ để đọc bản thảo: ông bị liệt giường vì chứng sưng phổi. Ông bị xúc động tột độ. Sau khi bình phục, ông đến cơ sở xuất bản Ullstein, đứng vào lúc, các anh em nhà Ullstein lừng danh, gồm có năm người đang hội họp.

Ross đặt bản thảo trên bàn: «Đây là bản thảo của Remarque, tác giả là một thanh niên ba mươi tuổi. Tôi đã đọc qua, câu chuyện làm tôi vô cùng cảm động: chúng ta có thể dự trữ một cách chắc chắn là số in sẽ lên đến 100.000 ấn bản là ít...»

Mấy người kia có vẻ do dự. Họ có cảm tưởng là sự mạo hiểm quá lớn lao. Chỉ một mình Franz Ullstein, giám đốc ngành báo chí và chắc hẳn là người thông minh nhất trong bọn tuyên bố bênh vực cuốn sách.

Fritz Ross bước thêm một bước nữa: «Thưa quý vị, nếu quý vị nghĩ là quý vị sẽ thiệt thòi trong vụ này thì xin quý vị cho phép tôi thanh toán phần lỗ là.» Cuộc tranh luận kéo dài trong nhiều giờ. Cuối cùng nhà xuất bản Ullstein nhận ấn hành cuốn sách.

Ít lâu sau đó, Remarque đến thăm Fritz Ross. Anh không tỏ ra lạc quan một chút nào và không ngớt lặp đi lặp lại: «Tôi không tin cuốn sách của tôi sẽ ăn khách. Ai mà đọc cái thứ tiểu thuyết mô tả cảnh địa ngục trên trần gian đó?»

Franz Ullstein gửi cuốn tiểu thuyết cho tòa soạn tờ Vossische Zeitung do nhà Ullstein xuất bản. Ông đề nghị cho đăng «phơi dờ tổng» tác phẩm này. Tòa soạn tuyên bố «chống lại dự định đó. Người ta giải thích cho Franz Ullstein hiểu là câu chuyện không đủ hấp dẫn để được ấn hành dưới hình thức đó. Và lại ban biên tập của tờ Voss nghĩ là tay tập sự này không đủ tư cách để bước những bước tập tễnh đầu tiên trên tờ báo của họ là nơi chỉ đăng những tác phẩm của các thi sĩ và văn sĩ gạo cội. Nhưng Franz Ullstein đã dùng quyền uy của mình để trấn phục ban biên tập.

Mặt Trận Miền Tây Vãn Tịch được phát hành ngày 19 tháng 11 trên tờ Vossische Zeitung. Phản ứng của công chúng bộc phát thật nhanh chóng. Chỉ có vài số «phơi dờ tổng» được phát hành là cả thủ đô Bá Linh đều bán tòn đến cuốn tiểu thuyết mới đó.

Người ta tranh nhau mua báo. Tờ báo vốn có một cơ in hạn chế đã tăng số ấn bản bán lên một cách kỳ diệu. Cách nhà xuất bản Ullstein vài bước, tại cơ sở xuất bản Scherl, mọi người đều kinh ngạc. Có ai ngờ được là Remarque lại có thể tạo được một thành tích hiển hách đến thế! Có ai ngờ được là chàng thanh niên ít nói đó lại có thể viết một phẩm vừa phong phú vừa xốt xa như vậy! Mà lại là một tác phẩm chủ hòa nữa chứ! Chắc chắn Hugenberg sẽ tổng cổ gĩa ra khỏi nhà xuất bản, nếu ông ta còn có thể làm như vậy. Nhưng anh chàng Remarque đã tự mình cắt bước ra đi.

Các nhà xuất bản lớn tại Đức vô cùng kinh ngạc. Như thế có nghĩa là công chúng vẫn có thể dễ dàng theo dõi các tác phẩm viết về cuộc chiến, tuy nhiên, điều đó cũng còn tùy thuộc ở cung cách của tác giả cuốn tiểu thuyết...

Đồng thời, nhà xuất bản Ullstein chuẩn bị in tác phẩm thành sách. Số ấn bản đầu tiên là 50.000. Ngay khi cuốn sách chưa được tung ra thị trường, một chiến dịch dữ dội chống lại tiểu thuyết của Remarque đã được phát động. Nó được phối hợp do những phần tử quốc gia cực đoan những tên phản động, những kẻ sẵn sàng phát khởi cuộc chiến ngay ngày hôm sau nếu cần. Chiến dịch do những tay thuộc hạ của Hugenberg thực hiện. Remarque bị lôi cuốn xuống bùn. Tên Remarque đó mà người Đức à? Các tờ báo khuyh hủu la hét om sòm: Y viết tên mình theo tiếng Pháp. Dù Remarque viết tên mình cũng chẳng khác gì ông nội chàng vẫn làm nhiều người khác nữa trước ông ta. Người ta đi đến chỗ nghi ngờ cả việc Remarque tham dự vào các trận đánh trong Đệ Nhất Thế Chiến...

Các cuộc tấn công, không khác nào một phong trào quảng cáo tuyệt diệu cho cuốn sách. Ullstein chấp nhận thách đố và cầm đầu một chiến dịch bênh vực tác phẩm. Cuốn tiểu thuyết bán chạy đến độ hệ thống xuất bản của anh em Ullstein đôi khi không kịp cung ứng cho nhu cầu, mặc dù họ vừa mới khánh thành nhà in khổng lồ của họ tại Tempelhof. Họ phải đem in lại tác phẩm này tại các thiện bản khác.

Ngay trong năm 1929, tại Đức quốc, người ta đạt đến con số 925 ngàn và mười tám tháng sau ngày phát hành, ba triệu rưỡi ấn bản đã được bán sạch. Các nhà sách không biết làm sao thoả mãn làn sóng những độc giả tập nập đòi mua sách của Remarque. Cuốn tiểu thuyết được phiên dịch ra nhiều thứ tiếng và cả ra xúc ngữ « braille » (1). Tại khắp

(1) Xúc ngữ braille: Chữ viết cho người mù.

nơi trên thế giới, các kỷ lục về sách bán chạy đều bị vượt qua. Một cuốn phim được thực hiện tại Hoa Kỳ.



Khi cuốn phim được trình chiếu tại Bá Linh, một vụ tai tiếng khác lại bùng nổ, kể từ chức vụ này là Goebbels, lúc bấy giờ giữ chức lãnh tụ Quốc xã tại Bá Linh. Những toán thanh niên Hitler xâm nhập các rạp chiếu bóng ném quả thối, thả chuốt bịch và hô to « Đức quốc, hãy chống đây. »

Khắp các nơi cuốn phim được đem ra chiếu, đều có xảy ra những cuộc xung đột. Bộ Tuyên Truyền trước đây, vào dịp lễ ra mắt của cuốn phim, đã từng tuyên bố là tác phẩm này là một lời ca ngợi lòng quả cảm, chí kiên trì của quân đội Đức trong trận Đệ Nhất Thế chiến, thì nay lại đổi ý. Ngay cả quốc hội Đức cũng đột nhiên tỏ thái độ thù nghịch. Cơ quan kiểm duyệt phim ảnh ra lệnh cấm trình chiếu cuốn phim.

Đó chính là chiến thắng lớn đầu tiên có tính cách quyết định của Goebbels.

Remarque có thể trở thành một vật tế thần của đảng Quốc xã không? Có lẽ đúng như vậy và ngay từ lúc bấy giờ.

Là vì Goebbels đã hiểu là không có gì có lợi bằng bám chặt vào một sự thành công, dù là bám vào một cách bi đỗi khiến người khác chán ghét. Khi người ta công khai gay gắt đả kích một cuốn sách nổi tiếng như cồn, khi người ta liên thủ tấn công một người mà ngày nào báo chí cũng không ngớt đề cập đến, người ta đương nhiên dự phần vào sự hiển đạt của người đó, người ta trở thành đề tài của những cuộc tranh luận công khai.

Đạt được giàu sang nhờ tác phẩm đầu tay của mình, Remarque cũng không vì vậy mà hạnh phúc hơn. Điều đó phát xuất từ nhiều căn nguyên. Có những lý do có tính cách cá nhân và có những lý do khác nữa. Một trong các lý do đó bắt nguồn từ việc Remarque ý thức được rõ ràng hơn phần đông các người đồng thời của mình, sự tiến triển của đảng Quốc xã. Chẳng không lo sợ các thư nặc danh, nhưng con số khổng lồ của các thư làm chàng khiếp đảm. Chàng tin chắc là Hitler sẽ thao đoạt quyền bính một cách rất nhanh chóng. Trong trường hợp đó, chính sinh mạng của chàng sẽ bị lâm nguy.

Tại sao phải chần chờ đến lúc đó?

Chàng bỏ qua Thụy Sĩ và mua một ngôi biệt thự nhỏ tại Porto Ronco, cạnh một ngôi làng ngư phủ nhỏ bé mang tên Ascona. Và Remarque, người mà chính Hitler cũng

không thể trách cứ về huyết chủng hay nguồn gốc — giả dụ như người ta có quyền phiên trách về những thứ đó đi chăng nữa! — lại là kẻ đầu tiên đã phải ly hương vì Hitler vậy.

Goebbels, kẻ đã từng phải thú nhận là không một thí sĩ hay văn hào Đức lừng danh thế giới nào phục vụ dưới trường mình — họ đều chọn con đường xa quê một cách công khai hay bí mật — có ý nghĩ kỳ hoặc là tìm cách đưa Remarque về lại Đức. Người ta phải một kẻ thần tín đến gặp văn hào: nếu chàng sẵn sàng trở lại Đức, người ta sẽ xóa hết mọi lỗi lầm của quá khứ. Nhưng Remarque không sẵn sàng, chàng không muốn dính dáng với phong trào Quốc Xã.

Ba năm sau khi đảng này nắm chính quyền, một truyện ngắn mang tên Đêm Nơi Tiễn Tuyến được đăng tải trên tờ Volkische Beobachter. Bản thảo được gửi đến từ Vienne (1) và mang chữ ký của một tác giả vô danh. Tòa soạn của tờ báo đã viết mấy dòng giới thiệu như sau: « Sau tất cả những lời láo khoét do những kẻ như Remarque đưa ra, chúng tôi cho đăng sau đây chứng từ của một chiến sĩ chân chính, một chứng từ mà người đọc sẽ không một chút ngần ngại phẩm bình: quả đúng như đã xảy ra! »

Khi Goebbels đọc tờ Volkische Beobachter, y giận sôi bọt mép, vì đây chỉ là một bản văn mô phỏng theo cuốn tiểu thuyết của Remarque. Mấy nhà báo ở Vienne đã chơi khăm bằng cách viết nhại theo một chương của tác phẩm và gửi cho tờ báo với một bút hiệu nguy tạo.

Nhưng cả thế giới lên tiếng tán dương Remarque. Ở bên ngoài biên giới Đức, thiên hạ sẽ in các tác phẩm mà chàng sẽ viết sau này. Các cuốn tiểu thuyết của chàng được dịch ra tất cả các thứ tiếng và người ta làm những cuốn phim dựa theo cốt truyện của chàng. Remarque trở thành một trong những thành công vĩ đại nhất của thời đại. Giây phút khải hoàn tốt đẹp đến với chàng: Remarque chứng kiện ngày tàn của các đối thủ Quốc xã của mình.

Tuy nhiên, các thành công cá nhân của mình không làm chàng nghi ngờ sự chính xác của câu nói chàng đã từng đề lên trang đầu của cuốn sách đầu tay của mình:

« Cả một thế hệ đã bị chiến tranh hủy hoại, ngay cả khi nó đã thoát khỏi những trái phá trên trận mạc. » #

(1) Vienne: Thủ đô Áo Quốc.

VŨ HỮU BÌNH

LÚC NÊN NGƯỜI

Em nhớ lại buổi đầu tiên em khóc
Buổi đầu tiên em hiểu chuyện con người
Cũng buổi đầu em hiểu ý chia đôi
Nước mắt quý một lần thành el át ngọc
Em nhớ lại buổi đầu tiên em sống
Mười mấy năm em mới sống lần này
Đó là lần em hiểu được cơn say
Không là rượu mà hồn em chênh choáng
Trăng rục rở đêm mở dơi tổ rạng
Em ngó anh để thấy núi thật gần
Em thấy sương mờ, gió mỏng qua sông
Có tiếng dơi của giọt đời thứ nhất
Chút đau đơn bảy giờ là chất mật
Cội nhân gian em mới hiểu lần này
Nguồn an vui hay những trận dóa đầy
Là hơi thở mà em chưa kịp thở
Ngày thứ nhất của đời thay thật rõ
Em thở những hơi thở đứt ngày xưa
Sương nên mưa và nắng sẽ thành mưa
Những màu sắc chuyển sắc màu đậm nhạt
Em nghe được tiếng nhạc trời hiu hắt
Thấy yêu thương không có một màu chung
Màu núi xanh, lúc gió chuyển rừng
Em thấy được lòng em trong phút đó
Hôm nay sống em không còn xa lạ
Hoa cỏ, mây, mưa, tiếng của sương chiều
Em đắm chìm trong một chút cô liêu
Đề nghe rõ tiếng của nghìn năm cũ
Đề hiểu với hương gió rừng mưa lũ
Nghe chuyển trăm năm sắc đá thành màu
Em có thật lòng với thú thương đau

Thấy hạnh phúc của màu xanh nước mắt
 Em cười thật bởi vì em biết khóc
 Em khóc mê man vì em đã nên người
 Mộng thì gần trong những phút rong chơi
 Thực đã có suốt đêm dài nhắm mắt
 Em đã nhớ buổi ban đầu em khóc
 Em thấy thơ mộng sống dừng dừng
 Em thấy được anh và em đã tới gần
 Ngày nghe chuyện những màu đau hạnh phúc. #

NGUYỄN HOÀN

THẠCH ĐỀ

Thạch Đề, Thạch Đề, đập mệnh mang, mệnh mang
 Ta ngợp hồn trong xa lạ điều tàn
 Chết ngất sâu lắng dang
 Tiếng róc rách vẫn như ngàn đời, nhưng thiếu tiếng
 tiêu năm nào của chàng thuyền chài viễn xứ.
 Và ta, thiếu bóng em ngồi trên bờ đá như những
 lần giặt giũ, áo trắng ai ánh vàng.
 Giờ, ta say men và say bóng hình phiêu diêu của em
 Biết em còn sống hay đã chết bên kia dãy Trường
 Sơn rậm. #

HỒ TRUNG BÌNH

ĐÓA THUYỀN QUYÊN

Chiếu chần rách tả tơi rồi
 Giường xô đêm lệch trợn cười ngả nghiêng
 Nở chưa một đóa thuyền quyên
 Khi đêm phong vũ dầm miền cỏ thơm? #

người khác/nơi tôi đang sống



bọn trộm mủ cao su

Ra đến lộ, chỉ vài phút sau Tám đã quen với bóng tối. Con lộ mờ mờ hiện ra quen thuộc dưới bánh xe của Tám. Xóm nhà lụp xụp lùi dần phía sau, leo lét vài ánh đèn. Con ngựa sắt rên lên những tiếng rờn rợn mỗi lần Tám ấn mạnh chấu trên bàn đạp, gò lưng leo dốc. Dường như đây xịch muốn đứt tung, vì quá cũ kỹ. Hàng ngày Tám đạp chiếc xe đi làm đến rừng cao su. Tuy quá ọp ẹp, nhưng đủ giúp Tám thuần ngắn thời gian. Chung quanh Tám bây giờ là bóng đêm, là những âm thanh và hình ảnh làm cho Tám thấy lạnh lạnh, bỗng dưng Tám cảm thấy sợ chính mình. Sợ bóng dáng mình, sợ đời sống mình. Tại sao lại lủi trong đêm như thế này! Tại sao lại phải lên lút? Tại sao đời sống lại ẩn sâu Tám xuống vực thẳm? Tám rừng mình không dám nghĩ tiếp. Tám lao đi như bóng ma trong đêm.

Han ngày Tám đi cạo mủ cao su. Lang thang cả ngày trong rừng cây dày đặc âm thầm vài trăm không đủ tiền mua gạo. Mỗi lần cầm con dao rọc trên thân những cây cao su cho mủ ứa ra. Ôi những dòng mủ chảy xuống như những dòng sữa trắng tinh. Tám ao ước mủ cao su trở thành sữa thật để chàng uống thật no cho đỡ cơn đói khát để chàng múc từng bình mang về cho con, ôi những đứa con cả đời không được một giọt sữa từ vú Mẹ. Nhưng mủ cao su vẫn là mủ cao su. Mỗi lần đổ những bát mủ vào thùng hay đổ từng thùng mủ cao su vào xe chứa, mủ bắn lên tung toé bám trên đầu trên mặt, trên quần áo Tám loang-lổ và trở nên xám ngắt. Tám tưởng máu mình đổ ra trên áo trên những da thịt tím bầm, để đổi lấy vài trăm bạc trong một ngày không đủ sống.

Tám thui thủi một mình trong rừng cao su. Một quả chàng lẩn quay ra bờ cỏ gốc cao su ngủ. Thỉnh thoảng bất gặp hay nghe lên được những trai gái tư tình vụng trộm hay những cặp vợ chồng cùng cạo mủ yêu nhau giữa ban

ngày, khuất sau những bụi cỏ. Tám không dám động mạnh sợ làm tan vỡ hạnh phúc của người khác. Chàng thêm khát, chàng ao ước chàng nuốt nước miếng từng ực và vắn mình lặn lội trên cỏ. Chàng đau đớn. Rồi nước mắt ứa ra. Hạnh phúc của chàng đã hoàn toàn vượt khỏi tay từ hồi vợ chàng bỏ đi, để lại cho chàng ba đứa con. Với một cái chân bị què sau ngày giải ngũ, chàng về làm phu cạo mủ cho một đồn điền cao su. Bỏ con qua ngày. Tám không ao ước gì hơn một căn nhà nhỏ đủ làm tổ ấm cho con. Tám cố làm đủ gạo cho con ăn, cho chúng đi học. Tìm vui với những tiếng cười đùa trẻ thơ.



Trong đêm tối bọn ma đêm phân tán lẹ làng vào rừng cao su. Vì quá quen thuộc đường đi nước bước ban ngày, nên họ lao đi vun vút trong rừng, dù rừng cao su tối đen tím ngắt.

Khu rừng chỉ trong 1 phút đã trở lại đầy vẻ bí mật và sợ hãi. Màn đêm dày đặc. Mỗi gốc cây cao su đen ngòm và vươn cao như những bóng ma dài cổ ra nhát người. Đủ mọi tiếng côn trùng rên lên làm Tám nổi gai ốc khắp người. Tám lẹ làng lướt qua từng gốc cây cao su, đồ đạc những bát mủ vào thùng.

Tám nghe rõ tiếng chân mình dẫm lên những lá khô và cành cây rã rắc. Tám tưởng như những xương người vỡ vụn. Đôi lúc Tám tưởng như có ai đang dõi mắt theo mình ban đêm. Tám thấy lạnh sau gáy. Trống ngực đập thật mạnh và hơi thở dồn dập. Đêm tối dày đặc. Tám tự trấn an:

— Chắc không có ai, đâu ! Bọn chủ đồn điền giờ này đang đùa vui với vợ con, với chân ấm nệm êm thì còn ma nào canh chừng nữa mà sợ với sệt.

Nhưng Tám vẫn có ám ảnh mình đang bị rình rập. Tám tưởng mình như con mồi đang chui vào bẫy găm miếng mồi có vẻ ngon lành. Phải rồi mỗi đêm chàng đi cạo trộm mủ cao su như thế này, bán cho bọn Tàu cũng được dăm bảy trăm một ngàn đủ để tiêu sài cho một ngày... Ban ngày đi cạo cho chủ, ban đêm đi trộm mủ, quả là liều lĩnh và tội lỗi. Nhưng của con chàng, còn bao nhiêu người khác, sống là quan trọng nhất, phải sống đã...

ĐÀO NGUYỄN

chuyện trò trong đêm

Đã gần 12 giờ đêm rồi mà hân vẫn chưa ngủ. Hân bật đèn. Muối — hàng trăm con — cụng sát đầu vào mùng, nhìn hân thêm thướt. Hân ở trần, hấp dẫn lắm. Mặc dù bây giờ là mùa Đông nhưng hân vẫn thấy nóng ran như cái tên gọi nơi hân đang sống: Phan rang. Hân mỉm cười, nhìn lại lũ muối lăm lăm: « Tao cời luôn cho bụi bay tức hộc máu, chết tiệt luôn ». Rồi hân lại cười — cười thành tiếng — cười tung toé « Phước. Phước. Phước », hân kêu tôi: « Gì đó cậu? » « Tao nói cái này mày xem nó có hợp luận lý không. Này nha, mày giở mùng lên, trải cái « ra » dưới đất mà nằm. Mát lắm! Tụi muối sẽ nghĩ rằng mày nằm trong mùng, chúng sẽ vào hết trong ấy để tìm mày, xin tí huyết. Tụi muối sẽ không bao giờ tin là mày nằm ở ngoài đâu ». « Cậu làm thử xem », tôi trả lời. Hân nằm yên một hồi lâu rồi mới thở ra một cái dài thườn thượt: « Ờ... tao là lý thuyết giả mà mày, mày thử thực nghiệm xem. Điều này nữa », hân tiếp luôn « Nếu mày thấy tụi muối đổ vào hết trong mùng, mày hạ mùng xuống, nhốt tất cả lại, mày nằm ngoài tỉnh bơ à, không bị cái mùng ni lòng nó « rang » mày như tao này ». Tôi chưa trả lời, hân đã cười xuề xòa: « Đùa tí thôi, ở đây buồn quá mày à! Con tắc kè phía trước nhà cứ kêu hoài, tao không hiểu vì duyên cớ gì... Phải chăng nó bảo tụi mình hãy đi « đắp chè » cho mát cái ruột ». Nổ rồi hân đứng dậy và có bán chè cũng vừa đang đưa ngọn đèn leo lét phía trước nhà... Ăn xong, chúng tôi đứng nhìn trăng sao. Hân nói: « Phước, tao thấy trăng sao ở đây cũng khô khan lắm à ». Ra dáng suy nghĩ, hân tiếp: « Ở đây sao cái gì cũng là « sông phẳng » cả. Có hàng chè cứ khăng khăng đòi trả lại mấy chục bạc còn dư, mặc dù tao đã bảo « cứ để đó, tụi này còn tiếp tục mà » đến năm lượt bảy lần. Mà tình yêu thì có bao giờ « sông phẳng » đâu Tình yêu luôn luôn như là phải mắc nợ », « Cậu định nói ở đây không có tình yêu chứ gì! », tôi hỏi. Hân nói thật vội vàng: « Không, không, tao đâu nói thế và tao đâu dám nói thế! Tao vẫn nghĩ rằng ở một nơi càng khô khan thì con người càng ướt át, như thế mới « bù trừ » chứ. Tao có thằng bạn dạy Quốc văn ở đây, hân thường than phiền với tao là học trò của hân quá kém Quốc văn. Mày có thể biết tại sao không? » Tôi chưa biết phải trả lời sao, hân đã nói tiếp một cách trịnh trọng: « Tao thiết nghĩ rằng phải chăng vì ở đây không có cái « văn chương của

«bầu trời» — nói như cụ Phan Kế Bính — nên chỉ văn chương của lòng người cũng theo đó mà nghèo nàn đi và học sinh kém Quốc văn là một điều không mấy khó hiểu». «Cậu lại tự mâu thuẫn rồi: khi nào cậu bảo rằng ở một nơi chốn càng khô khan thì con người càng ướm át. Cậu hãy chờ xem, thắng bại của cậu nó sẽ tường trình khác, nếu không nói là ngược lại, những gì hần đã nói với cậu», tôi nói và hần nằm yên, phe phẩy tấm bìa trên tay... bỗng lũ muỗi bay lên tán loạn... thì ra hần đã ngủ và đánh rơi tấm bìa vào cái mùng.

PHAN THANH KHUÔNG

những tâm hồn còn lại

I

Nó là một quận lỵ trù phú nhưng quá bảo thủ. Quận lỵ Chợ Mới An giang. Tôi nhắc lại nó bởi vì tôi còn tha thiết đến nó bởi vì ở đó còn những tình người đẹp đẽ và đặc biệt là những cuộc đời thâm lặng, những tâm hồn thuần túy văn chương mà không hao danh. Họ vẫn sống đó, âm thầm làm việc như người chiến sĩ vô danh. Họ là những người trẻ đang rời xứ sở tìm đến học ở những trường đại học xa, đang chiến đấu ở những thương lũng Quế sơn, Bồng sơn Quảng trị. Nhưng họ vẫn hướng về quê hương, vẫn làm việc trong âm thầm để mang lại một sắc thái mới cho xứ sở họ. Quận lỵ nhỏ nằm bên những dòng sông. Và, những người già còn lại, đáng kính biết bao khi tâm hồn họ quá trẻ để có thể ngồi suốt ngày đêm bên bàn viết, làm được những thay đổi của bốn mùa, hiểu được những thao thức của tuổi trẻ và âm thầm sáng tác.

II

Ngũ Hồ còn nặng tình non nước
món nợ thì dần chưa trả xong...

HTL.

Hơn một năm trước tôi quen bà, qua một thứ tình cảm liên hệ đến văn chương. Lúc đó tôi đang tổ chức một đoàn thể thiếu nhi nên rất ít thời giờ hầu chuyện cùng bà. Sau đó vài ba tháng một già một trẻ thường ngồi đến khuya quanh những đề tài văn chương trong đời sống. Bà thích ứng với tuổi trẻ của tôi hay ngược lại? Chỉ biết câu chuyện giữa tôi với bà luôn luôn tương đắc. Bà đã cho tôi

những lời khuyên qui bấu giữa thời đại vàng thau lẫn lộn và đặt nhiều hy vọng ở tôi trong sự nghiệp văn chương về sau. Nhưng thân ôi! Tôi chưa làm được gì ngoài mấy quyển sách đang dở vất mỗi nơi một quyển...

Những khi trời mưa tầm tã, những đêm khuya mà phố quạnh như ngủ say tôi thường bách bộ qua mấy cọn đường, mấy dãy phố, thường bắt gặp bà qua khe cửa, dáng người nhỏ thò già nua ngồi nơi bàn viết, gương mặt đêm đêm chiều chiều... Ngủ Hồ còn nặng tình non nước... món nợ thi đàn chưa trả xong. Đời bà đã phiêu lưu khá nhiều qua câu chuyện bà kể, vì thế mà tình yêu quê hương dạt dào trong tâm hồn thi sĩ. Nhưng món nợ thi đàn trả đến bao giờ mới xong?..

Hơn nửa cuộc đời vay món nợ
Nợ thơ nợ bạn nợ văn chương
Đầu xanh trả mãi mà chưa hết
Trả đến hiện giờ tóc điểm sương.

III

Nhớ năm chạy gác vô kinh xáng
Một gói hành trang một tập thơ
Tây rượt sau lưng rền tiếng súng
Còn khen khỏi quỵên giống sương mờ

Mùa đông lạnh, tôi và một vài thằng bạn lang thang trên hè phố về khuya, trong số đó có con bà. Bà đã cảm thông với chúng tôi khi chúng tôi cởi áo ấm, ăn cắp một chiếc miễn lòng mới của bà đắp cho những đứa trẻ trần cù mướt trần nằm co ro trên hè phố. Bà đã thông cảm au ủi tôi khi tôi gặp vận không may. Và nhất là bà đã đồng quan điểm, khuyến khích hành động của tôi khi tôi bỏ nhiều ngày trong tuần đi dạy không công những trường cộng đồng về môn sinh hoạt hướng đạo, ca hát đồng dao. Những hành động đó người khác cho là « Ruổi búa ».

Không phải riêng tôi mà mọi người khi biết bà đều cảm phục và thích hợp ngay với bà. Và, không phải riêng bà. Tôi biết còn những người khác, những người có tâm hồn nhưng hoàn cảnh chật hẹp ở mỗi nơi chốn đang dang rộng cánh tay, âm thầm gây dựng lại tình người, tìm lại giữa lại những gì đã mất, những gì còn sót lại qua bao điều tàn của chiến tranh, qua bao nhiêu là cơn hấp hối của ý thức. Và tôi biết ở bất cứ nơi chốn nào trên quê hương của chúng ta đều có họ, chẳng qua lòng người vẫn còn tồn tại mà chúng ta thờ ơ không biết đấy thôi.

PHÙNG TẤN

VIÊN LINH

NÓI CHUYỆN CUỐI NĂM VỚI

THẾ UYÊN

VIÊN LINH : — Đọc lại các tác giả tiền chiến khi soạn sách Quốc văn cho học sinh, anh vui lòng cho đọc giả *Thời Tập* b. 3. cảm tưởng của anh khi so sánh giữa văn của họ và đời của họ. Nó là một hay có gì mâu thuẫn ?

THẾ UYÊN : Không phải lúc nào tôi cũng đặt được vấn đề so sánh văn với đời tác giả. Chỉ có một số tác giả và một số tác phẩm nào đó là có thể đặt vấn đề so sánh như anh hỏi mà thôi. Thí dụ : Đời Bạ của Nhất Linh Nhân vật Dũng trong truyện đã được chính nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam thể hiện ngoài đời. Hay Thạch Lam chẳng hạn (1) đọc tác phẩm của ông, ta thấy dễ dàng cuộc đời của chính ông. Đó là những trường hợp hiếm có. Kể kị, họa chăng ta thấy thêm một Nguyễn Tuân. Qua các đoàn văn tùy bút của ông, ta thấy được một phần nào cuộc đời của tác giả.

Anh thấy đó : Ít khi có thể tìm thấy sự là một như anh nói giữa văn và đời nhà văn. Nhà văn sử dụng trí tưởng tượng, óc quan sát và khả năng diễn tả lại những gì đã được nghe về — nếu chính họ không có kinh nghiệm bản thân. Bởi thế chúng ta khó có thể tìm thấy sự đồng nhất giữa một Giông Tố chẳng hạn với tác giả Vũ Trọng Phụng. Anh hẳn đã biết đời sống nghèo khổ và đời sống khá nghiêm chỉnh của tác giả này.

V L : — Anh tìm kiếm tiểu sử các nhà văn (in trong sách) như thế nào ?

TH. U : Bằng đủ cách. Nếu là tác giả tiền chiến, tôi tham khảo các sách đã có trước, từ Văn Học sử Yếu của Dương Quảng Hàm cho tới các biên khảo của đủ các tác giả xuất bản gần đây. Khó khăn lớn nhất là rất nhiều tác giả tiền chiến khá nổi danh mà chẳng sách nào cho được chút tiểu sử. Thí dụ như một Đình Gia Trình chẳng hạn, đầu có xa gì chúng ta mà tới giờ, tôi vẫn chưa hy vọng kiếm ra tiểu sử.

(1) Thạch Lam là thân phụ Thế Uyên.

Nhưng không thiếu trường hợp tức cười về tiểu sử tác giả tiền chiến. Thí dụ như trường hợp Chu Thiên chẳng hạn, nhiều giáo sư soạn Quốc văn trước tôi đã trích văn, có cuốn Bút Nghiên ghi trong chương trình trần thuyết của lớp 9 do bộ VHGD và TN ấn định. Vậy mà trong sách Quốc văn lớp 7 của tôi, Bộ Dân Vận đã bắt tôi tự ý đục bỏ tiểu sử chỉ vì nghe nói rằng Chu Thiên, còn sống và làm công chức cao cấp trong chính phủ miền Bắc. Nuông tự ý đục bỏ kiểu đó thường xảy ra. Có lẽ vì thế chẳng nên trong một cuốn Quốc văn đệ 1 cấp của một ban đồng nghiệp, có đủ tiểu sử và cả hình nữa, Nguyễn Tuân đã bị khai tử thẳng tay, cho chết vì đau gan (rượu nhiều mà) tại nhà thương Phủ Doãn đang hoang.

Chỉ có điều nhiều nguồn tin khác, thí dụ như ngay anh Xuân Vũ mới có bài đăng Thời Tập chẳng hạn, lại cho biết tác giả Ng. Tuân vẫn còn sống (1)... Anh thấy truyện này bi thảm hay có thể xếp vào kho văn chương tiểu lâm.

Về tiểu sử các giả hiện kim thì tôi tìm gặp họ mà lấy tiểu sử. Vất vả, nhưng không có gì khó khăn.

Tiện đây tôi cũng xin ghi thêm là anh Trần Phong Giao, cây sưa làm tiểu sử nhà văn Việt nam, mới giúp tôi khá nhiều về tiểu sử để tôi hiệu đính và bỏ tước cho bộ Quốc văn của tôi.

V. L. : — Nhận xét của anh có khả quan không khi đọc bài thuyết trình của các em học sinh?

TH. U : Với tư cách giáo sư Quốc Văn, tôi phải hướng dẫn và chủ tọa mỗi năm khoảng 20 kỳ trần thuyết của học sinh. Nhận xét của tôi : lạc quan tối đa. Có thể nói là hậu sinh khả úy đó anh. Tôi dám cá với anh rằng một anh và tôi học lớp tương đương với các em, chúng ta « bết » hơn nhiều.

V. L. : — Anh có nghĩ rằng một nhà văn nếu muốn nghề mình tiến bộ thì phải sáng tác liên tục không?

TH. U : Không anh ạ. Cứu các tác phẩm (ngoại trừ bộ môn thơ), cần phải có những khoảng cách cần thiết. Để óc được ngưng nghĩ đã đành mà còn để sống thêm nữa. Nhà văn cần chất liệu như một bình acquy cần sạc lại điện vậy. Viết hoài hủ, liên tục, sẽ làm suy giảm óc sáng tạo (sẽ chán viết mấy hồi). Đã thế rất nhanh cạn kho chất liệu. Sáng tác phẩm trở thành nhạt, nhằm chán với độc giả một cách tiệm tiến.

Theo ý tôi, một năm một tác phẩm sáng tác là nhiều

(1) Xem l.h. T. số 15 ra ngày 30-11-74.

rồi. Còn đề thì giờ mà sống đã chứ. Thu hình sau bàn viết hoài sao được. Khi tôi nói sống, là sống mạnh mẽ, có thay đổi đáng kể, như đang viễn mơ, đấu tranh một tí, đang dạo mào, đi tắm hơi mặn, coi blue-movie một chút, đang cơm nhà... vợ thì giang hồ vật, phiếu lưu tình cảm một tí (mục chót này tôi kể cho đủ thôi chứ tôi thì có hiểu với vợ lắm...). Nói một cách giản dị, trong thời gian ngắn cách hai tác phẩm, nên đổi lối sống tôi đa có thể được.

Chắc anh cho rằng ý nghĩ trên của tôi viễn mơ quá phải không, nhà văn Việt nam đâu dễ gì được tự do thay đổi nếp sống như thế... Tôi đồng ý vậy, nhưng anh đã hỏi, thì tôi cứ trả lời rõ ý kiến của tôi — và lại, chẳng thực hiện được theo tiêu chuẩn ngoại quốc thì cũng Việt-nam-hóa cho đúng chỉ số Việt-nam được mà.

V. L.: — Với năm 1975, liệu anh có tác phẩm nào mới sẽ xuất bản?

TH U: Về sáng tác phẩm, dám chẳng có cuốn nào hết, mặc dù tôi có sẵn hai truyện dài dở dang (cần ngồi thiền vài tháng là xong), một tập phê bình, một tập đoản văn, một tập truyện nữa. Lý do chính yếu thật giản dị: kể từ khi tôi làm nguyên cáo vác đơn đi kiện Bộ Thông tin, Dân vận lên Tối cao Pháp viện về sự duy trì kiểm duyệt sách là vi hiến thì hầu như tôi bị gián tiếp tước đoạt quyền làm nhà văn.

Cách đây 10 năm, khi tôi hăng hái nhập cuộc, tôi vẫn tự nguyện như sau: Làm được cách mạng xã hội thì làm, chẳng làm được cách mạng thì làm văn hóa văn nghệ, chẳng làm được văn hóa văn nghệ thì làm giáo dục... Mấy năm gần đây, tôi lui về địa hạt giáo dục bằng cách soạn Quốc văn trung học. Vậy mà anh có thể ngờ được không, mới năm 1973 vừa qua, tôi bị một đại quan ở Dân vận cho biết sẽ cấm bộ Quốc văn của tôi. Lý do quan đưa ra thì thiếu gì? Tôi phải đành đi một đường đi tấn chiến thuật tối đa bằng cách xin «tự ý rút bỏ» bảy bài văn trích giảng. Vậy mà chưa xong đâu anh. Đợt sách đầu bán hết, giấy phép hết hạn có chừng 2 tuần thôi, tôi xin in thêm 3 000 cuốn nữa. Các đại quan liền thờ bút (chứ không cho tự ý rút bỏ nữa) gạch thêm cỡ ba bài nữa rồi mới cho tái bản.

Anh thử nghĩ sách Quốc văn của tôi mà còn bị như thế thử hỏi sáng tác phẩm của tôi đưa ra sẽ đi về đâu? Thôi, đành để sáng tác phẩm đó, đợi trời sáng ở cuối đường hầm. Và lại văn chương đâu có thiêu được mà ngại.

Như vậy năm 1975 sẽ đương nhiên là một năm giáo khoa nữa. Sau khi cho ấn hành Quốc văn lớp 12, tôi sẽ soạn Quốc văn lớp 10, rồi lớp 11. Cho trọn bộ 7 cuốn cấp trung học.

V. L. — Trong một ngày bảy giờ, anh có mấy giờ để viết ?

TH. U. : Vì chỉ viết giáo khoa nên tôi làm việc khá đều. Ngoài trừ ngày thứ bảy chủ nhật và lễ lạc, tôi viết khoảng 3 giờ đến 4 hay 5 giờ mỗi ngày. Ngoài ra còn phải dạy học, chấm bài, lo in sách, chạy tiền in và tiền ăn. Ông Thanh Tịnh có thể thấy « Hàng năm cứ vào cuối thu lá ngoài đường rụng nhiều... » thì ông « nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường », thì tôi và vợ tôi chạy khắp Sài-gòn Chợ-lớn để bán sách và gửi sách đi các tỉnh. Một mưa hai nắng theo đúng nghĩa đen anh ạ..

Dĩ nhiên vào lúc đó thì khỏi có viết bất cứ cái gì nổi.

V. L. — Anh có hiểu tại sao không một nhà văn hiện đại nào (sau 1954) được giảng dạy trong chương trình Quốc văn trung học ?

Tr. U. : Hiện chứ. Nghề của tôi mà.

Xin trình bày rõ như thế này :

I. *Tại các lớp 6, 7 và 8* : Chương trình Quốc văn đòi hỏi giáo sư trích giảng các nhà văn hiện kim. Bởi thế anh thấy trong các cuốn Quốc văn ba lớp nhỏ này của tôi đủ mặt chữ vị văn hào, từ tiền chiến xa lắc như Phan Kế Bính, Nguyễn Bả Học, tới Nhất Linh, Vũ Trọng Phụng. Sau cùng còn góp đủ mặt thế hệ 54-63 và thế hệ 63-73 nữa.

Nhiều giáo sư khác cũng đã chọn bài văn tương tự như tôi.

II. *Xét tận cùng chương trình* : Tận cùng chương trình Quốc văn ở đúng chỗ ông Hoàng Xuân Hãn đã ấn định từ năm 1946. Tại sao không cập nhật hóa thì vì các lý do sau :

● Thời kỳ văn học kế tiếp là 1945-1954 là thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Lập trường từ bao năm cho tới giờ của Bộ Thông tin là : chỉ có cộng sản kháng Pháp mà thôi. Đề cao văn học kháng chiến là đề cao Cộng sản. Bởi thế, thỉnh thoảng nhắc trên tạp chí thơ văn kháng chiến thì được, cho vào chương trình và sách Quốc văn thì... từ từ đã.

● Lý do thứ hai là tại chính các giáo sư Quốc văn. Họ thủ cựu dễ nề lắm anh ạ. Cách đây không lâu, khi tôi dự một buổi họp của các giáo sư Quốc văn tại Sài-gòn, toàn những vị có khả năng sư phạm cao, dạy học trên 12 năm

và nhiều thiện chí. Buổi họp cốt để xét lại chương trình Quốc văn Trung học. Khi tôi tranh đấu cho học sinh học thêm thời kỳ văn học 1945-1954 và 1954-1963 thì có vị đã tuyên bố rõ ràng: «Trong các thời kỳ ấy, làm gì có các tác phẩm giá trị đáng cho học sinh học.»

Đa số cử tọa tán đồng. Tôi chẳng có cách nào tiện hơn là xin rút lui khỏi buổi họp, để tránh xích mích nghiêm trọng với các vị ấy, đa số bạn thân hay sơ. Nhưng cũng phải ghi thêm cho công bằng là chính nhờ thành phần giáo sư thiện chí này, Quốc văn mới hiện diện ở lớp 12 trung học và kỳ thi Tú Tài. Đến đó, cũng là một tiến bộ đáng kể rồi, phải không anh? #

Phòng Triển Lãm thường trực Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam 15 HỌA SĨ VÀ ĐIÊU KHẮC GIA

- HOÀNG NGỌC BIÊN
- TRỊNH CUNG
- MAI CHỪNG
- HỒ THANH ĐỨC
- LÊ TÀI DIỄN
- NGHIÊU ĐỀ
- NGUYỄN ĐỒNG
- ĐỖ QUANG EM
- DƯƠNG VĂN HÙNG
- NGUYỄN KHAI
- NGUYỄN LÂM
- CÙ NGUYỄN
- NGUYỄN PHƯỚC
- HỒ HỮU THỦ
- NGUYỄN TRUNG

Tại Galerie « LA DOLCE VITA »
CÔNG TRƯỜNG LAM SƠN — SAIGON

Bắt đầu từ 10-1-1975

PHẠM THIÊN THƯ

KHÚC TÁN CA TUỆ GIÁC

Trên đời hoàng hoa
Phật ngồi trầm định
cát sông Hằng hà
rừng mình kiến tính

ngâm dòng nước biển
cát vãn khô lòng
kiếp kiếp long đong
giữa cơn mộng kiếp

triều âm trùng điệp
gọi cát trở mình
chói lợi tâm liệch
cháy hồng thề tướng

thấy sâu tư trị
hồn xác vốn không
trong cơn mơ hồng
Đại Bang chợt hát

hồi kể chấp có
Sự Vật là không
hồi kể chấp không
Không là Sự Vật

nghĩa Đồng nghĩa Khác
hư huyền chiêm bao
nghĩa Trước nghĩa Sau
nổi nênh bóng nước

ý Dơ, ý Sạch
 ý Tối, ý Minh
 Thêm, Bớt, Diệt, Sinh:..
 cũng đều hư dối

chờ đưa tay vội
 nắm bắt hoa không
 chờ đem nơm, lồng
 nhốt giam thực tại

Đại Bàng tung cánh
 sáu cõi sương mờ
 ca hát thành thơ
 dong chơi nhật nguyệt

Đại Bàng vượt miết
 sáu cửa đối lừa
 nơi chốn gió mưa
 vào ra vô ngại

Đại Bàng vượt đại
 sáu thức hoa không
 cùng với mệnh mỏng
 thấp hồng tự tại

Đại Bàng còn lại
 nguyên hạt vi trần
 hạt giống tươi ngần
 giữa đời nắng quai. #

Thành kính dâng lên Giác Linh
 Sư Phụ Hòa Thượng Th. Thiện Quang
 lời ngợi ca Không Tánh # PTT

KIỆM MINH

một buổi sáng

Trong ồn ào náo nhiệt nhưng sao có nhiều nỗi buồn và niềm cô đơn.

Đó bây giờ thành phố chúng ta.

Và một buổi sáng, vào nhiều buổi sáng, thức dậy, lắng nghe những tiếng động dưới đường, cố đoán chừng xem là mấy giờ rồi.

Có lẽ là bảy giờ rưỡi, có thể đã tám giờ.

Không nên đoán chừng như vậy. Phải biết rõ bây giờ là mấy giờ rồi.

Như vậy, mới có thể sống vững trong cuộc sống đua chen, đầy tính chất kiếm chác này.

Và thế đó, tôi đã nhìn lên trên cao, nơi một khoảng nhỏ của bức tường, chiếc đồng hồ treo ở đó.

Tám giờ kém mười lăm.

Kể ra, mình đã đoán gần đúng thì giờ.

Đó là do... cái « tình anh » của trí não, do sự lắng nghe những tiếng động hay do bời đã thấy nhớ ly cà phê sáng và bữa điểm tâm bắt buộc phải có để mở đầu cho một ngày? Một ngày như thế nào đó thì cũng là một ngày, qua đó người ta không thể không ăn, không uống, không xê dịch, không làm việc, dù trong thích thú hay không.

Nói về chuyện lo về những điều là đã đó cho một ngày, cho nhiều ngày nối tiếp nhau, mới nghe ra có vẻ sao mà động vật quá, và như thế thấy có chút gì làm tổn thương mình.

Con người biết tổn thương, nghe tổn thương và đau niềm đau đó chờ con vật thì chắc là không.

Có thể có một số con vật có trí khôn hơn đồng loại đã biết tổn thương, nhưng cái nỗi đau niềm đau tổn thương của chúng thì chắc là cũng ít có hay là chẳng có như con người.

Làm con người là làm một cái chuyện mệt.

Biết rõ rằng đã có mình thì dù làm gì đi nữa cũng cứ không thể là không.

Nhưng tại sao lại tìm đến với điều học búa đó làm gì? Và như thế để làm chi? Nhất là trong thời buổi khó khăn này.

Vùng vẫy cho đến cùng thì cũng vẫn thấy mình yên vị chỗ cũ.

Sáng nay, đây, làm những cử chỉ quen thuộc, đánh răng, rửa mặt, lau cổ, lau đôi cánh tay dài khăn, xong, mặc áo quần, đi giày vào, chải tóc... rồi bước ra đường.

Mỉm cười với đường xá, với chợ búa, với đám đông cho vui.

Không phải mỉm cười trên môi mà mỉm cười trong lòng. Từ lâu lắm rồi, ít khi nụ cười nở trên môi.

Chẳng phải vì đã chết nụ cười, chẳng phải vì nụ cười trên môi đã chết.

Nụ cười khi đã nhập vào trong người, trong tim, trong não, trong phổi, trong gan, thì trên môi không có nó nữa, chẳng cần nó nữa.

Đó không phải là cố làm vậy.

Điều đó tự nhiên như thế.

Nhưng, như thế, chẳng phải là mãi mãi chẳng có nụ cười trên môi và đôi mắt sáng tinh tụy là rất cần.

Để nhận được sự thông cảm của thành phố.

Ồi, cái thành phố này, dù sao đi nữa, tôi vẫn yêu thương. Tôi đã từng trăm ngàn lần sa đọa, sa lầy vì yêu thương nó. Đó là do nỗi tủi buồn vì nhà cửa cao, đường thì hẹp đã che lấp mặt trời ban mai.

Đó là vì trên những cổng rãnh hời hám, đen đui, những đứa bé đã thả những con thuyền giấy.

Đó là vì trên một vài chỗ đất trống, những đứa bé đã thả điều giấy.

Những con thuyền giấy trôi loanh quanh, và những chiếc điều thương bị vương mắc vào các hàng giây điện đường và đủ thứ giây được giăng dọc giăng ngang trên cao.

Về những con thuyền giấy thì chẳng rõ lũ trẻ đã thấy thế nào, chờ riêng tôi đã thấy lại từ chúng — là những con thuyền giấy kia — thật rất nhiều những kỷ niệm thiếu thời.

Hồi thơ ấu, tôi đã thả những con thuyền giấy trên một dòng sông hay là ít ra thì cũng trên một vũng nước mưa trong.

Thuyền giấy, chuyện chẳng có gì, chuyện tào lao của một thời nhưng cái tâm tình thơ ấu thì chẳng phải là chuyện tào lao.

Nhưng, ai nói những chuyện tào lao của thời thơ ấu không có thể trở thành những điều đáng nói của ngày nay?

Con thuyền giấy, đó là hoài vọng đó, đó là sự tiến đến một chỗ khác đẹp hơn, đó là sự xê dịch cần thiết, xê dịch để từ một vị trí cũ đến một vị trí mới.

Lẽ tất nhiên, khi mà đang còn thơ, còn non dại thì sự xê dịch đó chỉ có nghĩa trong chính sự xê dịch.

Lớn lên, khi tâm hồn trí não đã trở nên « khá », mỗi một xê dịch phải được xem là một bước rời xa nơi buồn rầu đến chỗ an vui.

Sáng nay, tôi không thể không yêu thành phố này thật nhiều.

Thì đã nhiều buổi sáng, buổi chiều, buổi khuya tôi đã yêu thành phố này rồi, nhưng sáng nay sao thấy yêu không thể nào nói được.

Tình yêu thương như cánh bướm lúc được no gió nhất.

Tôi đã vào một tiệm cà phê bình dân.

Cho cái đèn nhỏ.

Đưa bé đem cái đèn nhỏ đến.

Em ơi, có phải em chưa đầy mười ba tuổi?

Câu đó tôi hỏi thăm chứ không hỏi lên thành tiếng.

Thành phố này và những tình cảm chúng ta như bị chặt khúc, bầm vụn từ lâu rồi.

Tôi hỏi em câu hỏi kia làm gì? Em sẽ ngỡ ngác, em sẽ nhìn tôi, chẳng cần gì.

Cháu đang cần tiền, có thì cho cháu, hỏi tuổi hỏi tác làm gì cho mệt. Ông chọc phá tôi sao?

Có lẽ rằng em bé bụng cà phê đã nói thắm như vậy?

Chỉ nói thắm không nói ra, cũng như tôi, cũng chỉ nói thắm, bởi có rất nhiều câu nói thắm trong tôi, mà tôi biết chẳng nên cho ra khỏi miệng làm gì.

Có ích gì đâu! Chúng ta sẽ làm khổ nhau. Thực tại và thực tế mâu thuẫn quá mức, mâu thuẫn đến tận cùng với hoài vọng, hy vọng nơi chúng ta.

Ôi, cái thành phố này, thành phố chúng ta.

Đã yêu thương thật nhiều.

Yêu thương những ngọn cây cao, trên đó có gió.

Yêu cả những giọng sông lạch đen đũi hôi hám.

Sao những thiếu phụ đó trông như những hòn vọng phu đi động giữa đại lộ bình minh?

Sáng nay từ trong một tiệm nước, tôi nhìn ra một ngã tư. Có một cái cầu gần đấy. Cầu rộn ràng sự lưu thông, nhưng vẫn nghe không có gì vui lắm trên đó.

Mây trời sao hiu hắt.

Sao tôi bỗng nhìn lên trên cao?

Quá nhiều rồi chuyện mây trời hiu hắt.

Quá nhiều rồi chuyện chân mây cuối trời.

Đã hơn một lần ngồi im lặng nghe chớp bể mưa nguồn.

Bây giờ, im lặng.

Im lặng nhưng trong người thì rộn rã âm thanh, đầy động ngon từ

Thành phố này, sáng nay không đen như cái đèn nhỏ. #

quanh bàn viết

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

tháng 12.74

1. NGỤ NGÔN.

Hắn đứng lại, buổi chiều đang xuống, mặt trời ở phía sau soi bóng hắn đổ về phía trước, bên đó có cả bóng của mái chuông giáo đường. Con đường quen, những cây già và những cây non, này nhà giam hồi xưa của thực dân, này nhà sách... này khách sạn... Hắn đi, hắn đi tới bờ sông. Bên này là những ngôi nhà nhiều tầng, bên kia dòng sông, những mái nhà tôn thấp... Soi xuống mặt nước, hắn nhìn thấy mặt hắn, sao mặt mình như mặt một người ngoại quốc xa lạ nào? Có phải?... Sang bên kia chắc không ai nhận ra mình, họ sẽ không coi mình là người của họ, không được, phải rửa mặt đi, có lẽ tại... Hắn cúi xuống và mức nước vã lên mặt rồi qua sông...

Ờ kia, sao họ lại nhìn mình lạ lùng như thế, sao người ta lại như cười mình. Một người chỉ tay vào mặt hắn nói:

— Ông ơi, mặt ông dơ, rửa mặt đi...

— Tôi vừa rửa đây mà?

— Vậy thì ông rửa mặt bằng nước dơ rồi, mặt dơ mà rửa bằng nước dơ thì càng dơ thêm...

Hắn đứng lại. Hóa ra mặt mình dơ ai cũng biết cả. Tiếng hát ở trong một căn nhà ven đường vọng ra:

— Con cò mà đi ăn đêm

Đâu phải cảnh mềm lộn cò xuống ao

Ông ơi ông vớt tôi nào

Tôi có lòng nào ông hãy sáo măng

Có sáo thì sáo nước trong

Chớ sáo nước đục đau lòng cò con

2. KỊCH.

— Thưa họa sĩ, có phải họa sĩ vẽ địa ngục đây không?

— Ông đã thấy địa ngục?

— Dạ không, tôi thấy cõi tiên...

— Đây là một chận dung...

— Sa tăng?

— ...

— Ông kẹ?

— Sao ông không nghĩ tới một vị thánh?

— Một vị thánh? Tôi chưa thấy...

— Đây là chân dung...

Người khách thứ hai bước vào phòng triển lãm.

— Ông vẽ ma quỷ?

— Đây là chân dung...

— Chân dung?

— Da.

— Quý thần kính nhi viễn chí...

— Ông nói cái gì?

— Thiên hà ngôn tai...

Và đêm kịch kết thúc.

3. Mùa xuân 68, chiến tranh tràn vào các thị trấn, có người nghe thấy tiếng cười của lửa. Vào cuối mùa xuân đêm nằm trong thung lũng An Hậu, tôi nghe tin hội nghị hòa bình sắp khởi đầu. Hội nghị kéo dài năm năm rồi có hiệp định. Và cho tới hôm nay, hiệp định đã gần hai năm. Những hy vọng mong manh ngày đầu đã tan đi, chiến sự gia tăng và đời sống khó khăn kéo xuống. Hai mươi năm, rồi ba mươi năm... bốn mươi năm cũng chưa chững, đó là những con số để nói về cuộc chiến? Như thế thì ai còn có một đời sống đáng sống nữa? Làm sao cho người có lương tâm có thể mập mạp, béo tốt ra được? Trên đường tới nơi làm việc, một buổi sáng tôi thấy hàng trăm người mặc áo màu da cam giống nhau đang nhặt cỏ nơi lề đường. Một người nói với tôi: 450 đồng một ngày... Tôi thấy đa số là phụ nữ đã lớn tuổi, 450 đồng một ngày đủ cho một người ăn hai bữa cơm! Nhưng lên phố, sao người giàu nhiều thế! Sự bất công, ngấm cách thật rõ. Những nhà cao, cửa rộng, xe hơi... Nhiều kẻ giàu đang lên tiếng. Có ai đã bán bớt nhà, bán xe hơi đi lấy tiền cứu đói chưa? Tôi nhớ tới loại nhân vật của Lỗ Tấn, khi quần đùi sam dấu trong mũ, khi thả đuôi sam xuống, có kẻ chột cắt đi thì nổi đuôi sam giả... và những kẻ đó nói lớn nhất hai tiếng cách mạng, họ thay bài ngà bằng những huy hiệu đảng... Đâu phải chỉ có xã hội của Tàu thời Lỗ Tấn mới thế thôi đâu?

Làm loạn?

Trốn đi?

Thời xưa Quảng Ninh vào rừng, sống như một kẻ không liên lạc gì tới ai. Nhưng bây giờ vào rừng có yên không? Có khi còn chết bỏ mạng ở trong đó. Bây giờ không phải là thời của Quảng Ninh, bây giờ không phải là thời của Tô

Đông Pha, hay Lý Thái Bạch nữa... Lên tiếng ư ? Đâu phải chỉ có bây giờ, xưa kia mà đến Tư Mã Thiên còn bị thiếu...

4 Tôi sẽ đến nơi nào còn nước mắt
Còn tiếng kêu, còn máu ghen trong lòng
Tôi sẽ đến bên mồ người oan khuất
Nhưng bộ xương xám ngoét góc đầu trông
Tôi sẽ đến nơi nào cây chẳng mọc
Đá ngậm hờn, sông trôi khuỷu nằm yên
Tôi sẽ đến những bàn thờ tang tóc
Xác chết khô còn cũi đóng gỗ ơ chèn
Ngày đổ sụp những ngai vàng đất thó
Một lá cờ nhỏ bé vụt bay lên
Một cảnh chim liệng khắp trời khỏi lửa
Trầm núi sông mùa hạnh phúc lâu bền
Tù Sơn La tù (...) tù Lao Bảo
Cũng như tù trong góc ruộng cón con
Tù trong sách chữ đen ngòm vênh vẹo
Cũng như tù óc lụi trái tim mòn
Tù phố hẹp, tù giòng sông nước cạn
Tù hầm đen, tù gác tỉa diêm tó
Sẽ phá hết, trời tự do vô hạn...

Đọc thơ cho một người bạn nghe. Thơ của ai đó ? Thơ của Hoàng Cầm từ những ngày xưa, bây giờ Hoàng Cầm cũng đã im lặng. Như bao nhiêu thi sĩ khác. Im lặng có nghĩa là toa rập, đồng lửa, phải thế không ? Im lặng cũng là một phản đối, phải thế không ? Những quanh quất của chữ nghĩa, những điều được giải thích là thế này, là thế khác, không phải là thế này... Cứ như thế, với tôi, im lặng cũng là một tội cho người cầm bút. Không ai muốn là tội. Hẳn là thế. Giáng Sinh, rồi năm mới... những thông điệp hòa bình, những kêu gọi, những chúc mừng... Cứ như thế lập đi lập lại, như một bánh xe mòn quay không ngừng. Cứ như thế những ý nghĩa chạy thoát khỏi ngôn ngữ... Sống yên lặng, làm việc yên lặng và chết bình thản. Tôi nhớ câu nói của cụ Vi Huyền Đắc một ngày nào. Sự yên lặng ấy phải biểu thế nào ? Can đảm ? Và bình thản nếu không phải là dũng cảm. Còn trông đợi một điều gì ? Tuổi trẻ như ngựa chiến, nay từ biệt đường dài...

5. Mỗi buổi trưa thứ bảy người đàn ông thời khẩu cầm đi qua, tôi được nhắc nhở : ngày thứ bảy đã đến, tiếng khẩu cầm theo điệu hát của Trần Văn Trạch từ bao nhiêu năm nay : xô số kiến thiết quốc gia, giúp đồng bào ta... Xưa kia là 10 đồng, nay 50 đồng và Trần Văn Trạch phải

hát lại, cái đĩa hồi xưa không còn dùng được nữa. Giúp đồng bào ta dựng lên cửa nhà... Bao nhiêu ngôi nhà đã được dựng lên? Bao nhiêu nhà cửa đã bị tàn phá? Thử bầy đến, bao nhiêu người ngồi chờ đợi, hy vọng của một tuần lễ và những tấm vé số vút tung như những tờ lương điện, hy vọng của một tuần lễ, chỉ còn có thể sao? Không thể còn hy vọng lâu hơn sao? Hy vọng của một vụ mùa? Cho đến một vụ mùa khác như cũng không còn dám hy vọng, lúa đã chín đó, nhưng có chắc gặt được về nhà, bỏ vào trong bồ không? Trẻ trồng na, già chổng chuối, nhưng ngay những cây chuối nữa người trẻ cũng không còn muốn trồng. Bây giờ không còn là thời đề nói: trai thời loạn gái thời bình... Hy vọng gì không? Tôi hỏi như thế. Hy vọng gì?

6 Tử Lộ, Nhiễm Hữu nói về trị nước, mang đến an vui. Công Tây Hoa mong mặc áo huyền đàn, đội mũ chương phủ giúp việc lễ. Tăng Diêm thì: Chỉ của tôi khác với ba anh.. Như bây giờ là tháng cuối xuân, áo mùa xuân đã may xong, năm sáu người vừa tuổi đôi mươi, với sáu bảy em bé dắt nhau đi tắm sông Nghi rồi lên bồng mát ở nền Vũ Vu... vừa đi vừa hát, kéo nhau về nhà... Thầy Không nghe nói nói xong, ngẫm nghĩ một lúc rồi nói: ta cũng muốn như anh Diêm...*

Đọc lại sách cũ. Ước vọng đã mấy ngàn năm rồi? Một thời như thế phải chăng chỉ trên bút mực?... #

THỜI TẬP GIỚI THIỆU :

LỬA THIÊNG
LỬA THIÊNG
LỬA THIÊNG
LỬA THIÊNG
LỬA THIÊNG

TẬP SAN NGHIÊN CỨU VĂN HỌC

Do Lửa Thiêng phát hành

Tập số I tháng 12-1974

giá 600đ.



Mong bạn đọc mỗi thư chỉ nêu một câu hỏi và tạm thời giới hạn trong phạm vi Văn học Tổng quát. Muốn hỏi tiểu sử các tác gia Việt hiện đại, mong bạn gửi 25g tem thư.

thư trung

● Cô Hương-Hoa Mỹ-tho hỏi:

Xin ông cho biết về ý nghĩa câu ca dao : « Yêu nhau cởi áo cho nhau... » ? Không lẽ người con trai mặc vừa áo người con gái, hoặc ngược lại ? Hơn nữa, thời xưa lẽ nghi rằng buộc, trai gái đâu có thể mở lời đưa tình như vậy ?

— Trả lời :

Cởi áo cho nhau, theo chúng tôi nghĩ, là tặng nhau một kỷ vật thân mật, quý giá ở chỗ kỷ vật đó có mang hơi hương của nhau. Vì áo không phải để mặc nên không sợ vừa hay không hợp. Vả lại, tình yêu có khi không kể đến lễ giáo vì ca dao còn có câu :

Yêu nhau chẳng quản chiều giường,

Dầu rằng tàu lá che sương cũng tình !

● Đỗ Kim-Long, Gia-định, hỏi :

Thỉnh thoảng coi sách tôi thấy có đề cập đến sợi dây Ariane mà không hiểu rõ lịch sử của nó. Xin ông vui lòng giải thích hộ ?

— Trả lời :

Trong văn chương, sợi dây Ariane là một điển cố. Đó là ân dụ mượn từ thần thoại Hi-lạp để chỉ sợi dây dẫn tuyến (cái gì dẫn dắt chúng ta), ngọn đuốc soi sáng trí tuệ chúng ta giữa những khó khăn trở ngại của một công cuộc, giữa những điều tăm tối của một sự suy luận...

Theo thần thoại Hi-lạp thì Ariane (hoặc đúng hơn là Ariadne) là con gái của Minos, vua xứ Crète, và bà Hoàng Pasiphaé, và là em gái của Phèdre. Ariane mê Thésée và đưa cho chàng một sợi dây có phép dẫn chàng thoát ra khỏi Mê-cung sau khi đã đánh thắng con quỷ đầu trâu Minotaure. Thésée bắt cóc nàng Ariane đem đi, rồi sau bỏ rơi nàng trên đảo Naxos. Có truyền thoại cho rằng vì quá thất vọng, nàng Ariane đã gieo mình xuống biển. Nhưng theo nhiều truyền thoại khác thì nàng lại đề cho thần Dionysos an ủi trong lúc cô đơn.

● **Lương-Duyên, Kbc 4014, hỏi:**

Xin ông cho biết tiểu sử, các tác phẩm cũng hoạn lộ của tác giả Nguyễn Trung Ngạn, một nhà thơ lớn trong văn học đời Trần?

— **Trả lời:**

NGUYỄN TRUNG NGẠN hiệu là Giới-Hiền, tự là Bang-Trực; người làng Thổ-hoàng, huyện Thiên-thí (nay là Ân-thị), tỉnh Hưng-yên, Bắc Việt. Ông sinh năm 1289 và mất năm 1370.

Thuở nhỏ ông nổi tiếng thần đồng. Ông thi đậu Hoàng giáp năm mới 15 tuổi (năm 1304, niên hiệu Hưng-Long thứ 12, đời vua Trần Anh Tông). Năm 24 tuổi, ông làm giám quan (triều Trần Anh-Tông). Năm 26 tuổi ông phụng mệnh đi sứ sang Tàu (nhà Nguyên). Ông làm quan liên tiếp ba triều vua Trần Minh-Tông (1314-1329), Trần Hiến-Tông (1329-1341), Trần Dụ-Tông (1341-1369), tới chức Đại học sĩ, Thượng thư Hữu bật, Tru quốc, tước Khai huyện bá, Thân quốc công. Ông có dự vào các trận đánh dẹp Đà-giang (1329) và giặc Lào (1354). Không những là một nhà chính trị có tài, biện luận giỏi, ông còn là một nhà thơ lỗi lạc. Đời vua Trần Dụ Tông ông đã cùng với Trương Hán Siêu phụng mệnh biên chép tất cả những điều lệ triều Trần thành tập «Hoàng Triều Đại điển». Tác phẩm của ông để lại có:

- Giới-Hiền Thi Tập (thơ, văn).
- Hình Luật Thư (sử).
- Hoàng Triều Đại Điển (sử).
- Ma Nhai Ký Công Bi (văn, sử).

● **THƯ ĐI TIN LẠI :**

Vì Thư Trung tôi bận đi Vĩnh-long, lúc về lại bị đau nên có một số thư riêng đã không thể trả lời. Nay lại đành mượn mặt báo mà nhắn tin. Mong quý bạn cảm phiền.

— **em Phùng Sĩ Thạnh, Nha-trang :**

Hồ Biểu Chánh tên tộc là Hồ Văn Trung. Sinh năm 1885 tại Gò-công, mất năm 1958 tại Gia-dịnh. Ông học chữ nho, chữ tây ở Gò-công và Sài-gòn. Thi đậu bằng Thành chung năm 1905. Năm sau, thi đậu ký lục Soái phủ Nam-kỳ. Từ đó tới 1945, ông sống đời công chức. Ông làm thơ, dịch truyện tàu, viết truyện, soạn ca kịch. Ông đã chủ trương

Đại Việt tập chí và Nam-kỳ tuần báo. Toàn bộ tác phẩm của ông lên tới 132 tựa, thuộc nhiều thể loại. Muốn tìm hiểu cặn kẽ hơn, em có thể đến nhà thi sĩ Quách Tấn số 12 cùng đường em đang ở, lễ phép xin được xem báo Văn cũ số 80 ra ngày 15-4-1967. Trường hợp bác Q. T. không còn giữ được số báo đó, em có thể đến nhà giáo sư Võ Hồng ở số 53 đường Hồng Bàng, nói do tôi chỉ tới, để xin thầy cho xem và ghi chép các điều muốn tìm hiểu. (1)

— *bạn Nghiễm Mặc, Qui-nhơn :*

Viên-Linh tên thật là Nguyễn Nam. Sinh năm 1938 tại Hà-nam, Bắc-Việt. Dạy học trước khi nhập ngũ. Viết văn từ khi dạy học. Đã được giải ngũ. Hiện vừa đi làm, vừa viết mướn vừa trông coi nhà in Phúc Hưng và lập san Thời Tập. Tôi nay, ông đã cho in 13 cuốn truyện dài, 2 tập truyện ngắn, nhưng ông nổi tiếng như một nhà thơ, dù thơ in rất ít (Hóa Thân, 1964).

— *Tạ Bạch Lan Hương, Gia-định :*

Lê Văn Trương sinh năm 1906, mất năm 1964. Học trường Bưởi, Hà-nội. Gia nhập văn giới từ 1934. Thời tiền chiến ông là nhà tiểu thuyết có sách bán chạy, viết nhiều và viết mau. Ông đã viết trước sau hơn trăm cuốn tiểu thuyết đủ loại, nổi tiếng hơn cả là những cuốn đề cao thuyết « người hùng ». Muốn tìm hiểu cặn kẽ về thân thế, tác phẩm của Lê Văn Trương, em nên tìm xem Bán nguyệt san Văn số 29 ngày 25-2-1965. Em có thể tới thư viện Viện Đại học Cửu Long, (giờ làm việc trong buổi sáng) số 1—bía đường Hoàng Diệu, Phú-nhuận, Gia-định, xin gặp ông Quán thủ, nói do tôi chỉ tới, để hỏi xem tại chỗ số báo nói trên.

— *Nguyễn-thị Phước Võ, Nha-trang :*

Ngô Tất Tố sinh năm 1892, mất năm 1954. Tác phẩm để lại rất nhiều gồm có truyện, văn dịch, biên khảo, bình chú cổ văn, chèo cổ v.v... Đáng kể là những cuốn (có tái bản tại Sài Gòn) : Tất Đền (1939), Lều Chông (1941), Đường Thi (1940), Văn Học Đời Lý, Văn Học Đời Trần (1942).

— *Dương Thanh Tùng, Biên-hòa :*

Phải bạn cũ đây chăng ? Chắc được biệt phái về dạy học rồi đó ? Nguyễn Công Hoan sinh năm 1903. Tốt nghiệp trường Sư phạm, ra dạy tại nhiều nơi (Nam-định, Hải-dương...) Viết văn trong khi đi dạy. Đến 1945 thì hoạt động

(1) Thời Tập số 1 và số 12 đều có tiêu sử HBC, em xem chưa ?

(2) Số 11 Thời Tập có viết về Ngô Tất Tố và tác phẩm Tất Đền.

chính trị. Hiện còn sống. Rất tiếc không thể trả lời rõ ràng hơn.

— Nguyễn thị Lộc, Kbc 3058 :

a) Địa chỉ em hỏi, đúng là MM đó, b) Nữ sĩ Tương-Phổ tên thật là Đỗ thị Đàm, sinh năm 1896, mất năm 1973. Tác phẩm của bà đăng trên *Nam Phong tạp chí* từ 1928 và bà nổi tiếng từ đó. Hiện nay có những cuốn này bày bán tại Sài-gòn : Giọt Lệ Thu (1952), Mưa Gió Sông Tương (1960), Trúc Mai (1967).

● NHÂN TIN :

— Ông Ngô Bảo Thạch, Tuy-hòa :

Rất cảm ơn về lá thư dài 3 trang đánh máy của ông. Xin được kính đáp ông, rất vắn tắt, vì khuôn khổ hạn hẹp của trang báo :

a) Một người lắm có thể kéo theo nhiều người khác cùng lắm, vì thế người xưa có câu : « Làm văn hóa mà lắm thì di hại tới muôn đời. » b) Tài liệu chúng tôi căn cứ theo chính gia đình họ BUI kể lại. c) Vũ Văn Báo là Tổng đốc hồi hưu, về ở làng, bị học trò của ông Nghè Giao-cù giết để trả thù cho thầy bị Báo xử tử. Như vậy, nếu có bị cướp thì không chỉ « lời ra giữa đồng lên cho một trận » mà thôi. d) Nguyễn Khuyến nhà nghèo vẫn mang tiếng nghèo vì rượu chè, chơi bời, nên vẫn không đồng ý với sự kị cốp của Châu Cầu. Và vì Châu Cầu không hưởng lạc như NK nên NK mới giầu. Hai người hai lối sống khác hẳn nhau mà lại có mối « chân tình tri kỷ » được sao ? e) Cụ Bùi Quế đồ Tiến sĩ khoa Ất Sửu, năm Tự-Đức thứ 18 (1865), quan trải Tham tri bộ Hộ, Tuần phủ Thuận-khánh, cáo bệnh về hưu và không hề làm thuốc. Tay đao ở đây là đao hót chớ không phải đao cầu xắt thuốc. những điều nghị luận khác, theo quan điểm riêng của ông bạn, chúng tôi xin kính trọng nhưng xin được miễn bàn thêm. Một lần nữa, xin chân thành cảm tạ.

— Cô Trần-thị Lập Thu, Tuy-hòa :

Nếu có « bất kính » như cô nghĩ, chúng tôi đành cam... đặc tội! Tập thơ cô hỏi, (nhân đề còn chữ *tập* sau chớ!) là tập thơ nôm cổ nhất còn lại của NT. Ban Văn Sử Địa (ở gần quê tác giả) đã phiên âm chú giải và xuất bản lần đầu năm 1956. Chúng tôi chắc giáo sư Bùi Hữu Sùng đã đề cập tới sách đó ?

— Nguyễn Trần Ngọc-Bảo, Biến-hóa :

Muốn giải đáp câu hỏi (gồm 3 chi tiết) của bạn, chúng tôi sẽ phải viết một số trang ít ra cũng bằng phân nửa số trang của một kỳ Thời Tập. Và đó chắc là chuyện không thể làm được. Chúng tôi đã nhiều lần, giải đáp thắc mắc tương tự. Đề nghị bạn tìm xem lại Bản nguyệt san Văn số 178 ra ngày 15-5-1971, trong đó có bài của chúng tôi giải đáp khá cặn kẽ.

— Hoàng-thị Minh-Ngọc :

Cô có thể mua tại các nhà sách ở Sài-gòn : Ngộ Nhận, lộng ngôn của Vũ Khắc Khoan, Con Vật Phi Lý, kịch của Ngộ Xuân Phụng, Bão Thời Đại, kịch của Trần Lê Nguyễn, Sân Khấu, kịch của Dương Kiển, Chuyện Người Mua Mộng, kịch của Phan Tùng Mai... Sách tiền chiến đắt lắm, dễ gì mua nổi, thưa cô. Ví dụ cuốn Bến Nước Ngủ Bờ kịch thơ của Hoàng Công Khanh, do Kuy Sơn xuất bản tại Hà-nội năm 1953, mà nay bán đến năm ngàn đồng một cuốn. Dễ sợ chưa cô ?

NAM CƯỜNG Đã Phát Hành Toàn Quốc

CÁT BỤI TRẦN GIAN

Yael Dayan

Ái nữ Tương độc nhãn Moshe Dayan

Một FRANÇOISE SAGAN của DO-THÁI

- * Một không khí lạnh toát trong cốt truyện.
- * Cái xấu xí nội tâm bệnh hoạn, loại ái tình sôi sục được nung bằng một thứ lửa đen.
- * Là tiếng kêu thống thiết của những mảnh hồn bơ vơ khát khao tìm mạch sống.
- * Nàng đã đến với cát bụi, đã yêu chàng trong bối cảnh lờng lộng của cát bụi. Nàng cứu mạng họ chàng những cơn mộng dữ và sự chết. Âm ảnh bởi những đau thương, bởi cái kiếp đọa căn đày trong suốt mấy ngàn năm lưu lạc.

KỶ-NGUYÊN MỚI XUẤT BẢN



Thập -tải luôn giao cầu cổ kiếm...

NGÀI TUÂN MỸ (*)

PHƯƠNG TẤN KBC 3004: Cảm ơn anh đã gửi cho bản tin, tuy nhiên không phổ biến trên Th.T. được vì không phải là sinh hoạt văn chương.

NHẠN SÀU GIẢN. Nt: Những chữ cũ sẽ được thay dần. Kim đóng cũng vậy. Cảm ơn anh đã cho những nhận xét xây dựng.

NG TUYỀN Ct: Đã chuyển lời anh tới anh Lê Huy Oanh, người viết loạt bài đó. Làm báo văn học là phải yêu Quốc Văn, mà đã yêu QV là muốn nó được phổ biến ngay từ các em HS. Anh LHO gửi lời hỏi thăm anh. Một đồng nghiệp với anh, nhưng dạy ở Kiến Hòa là cô giáo Ngọc Sương cho biết lớp 6 viết chính tả 45 lỗi, lớp 9 viết câu chưa đúng, vì thế mà cần phải thúc đẩy các em yêu Quốc văn hơn nữa.

VŨ PHAN LONG Bđ: Có được thư anh. Người tổ chức một tạp chí văn nghệ có tài phải là anh Trần Phong Giao. Mong anh cứ gửi tiếp và cộng tác với Th.T. trên cả phương diện viết và đọc.

NGÔ BÍCH QUỲNH Qnh: Bài thơ Qua Cửa bố cục rất đáng kể, và chữ « dài » cũng rất đáng kể. Anh cứ gửi tiếp cho.

NG TƯỜNG ANH Nt: Đã gửi anh Th.T. các số anh hỏi mua và tập thơ. Chúng tôi cũng mong nó sẽ là diễn đàn luôn luôn sống động.

DƯƠNG THIÊN THU Ct: Cảm ơn lá thư của anh dành cho Th.T. Tắt ra, Th.T. hy vọng thêm một lần nữa khiến anh và các bạn hài lòng.

ĐÀO BIÊN Nt: Đọc Th.T. từ 12? Kể thì cũng hơi muộn. Nhưng có thêm đọc giả, tờ báo cũng vững mạnh. Thân ái.

TRẦN BÁ LANG Phú Bôn: Chưa nhận được bưu phiếu anh nói trong thư. Đa tạ anh đã lưu ý tới tình trạng Th.T. ở đó. Tập thơ 70 trang, giấy thường, in 200 cuốn, khoảng 33.000 đ nhà in lo kiểm duyệt dùm.

LÊ QUÍ LONG Đn: Một tập thơ 150 trang, 1000 cuốn giá giấy là 42.000 giấy thường. 72.000 giấy trắng vừa. Tiền in 60.000 đ. Theo chúng tôi, anh chỉ nên in 500 cuốn. Sau hết, cảm ơn anh cũng như các GS trong trường đã phổ biến Th.T. dùm.

LÂM NGỌC SƯƠNG Kh: Đã nhận được bài viết về Lê V Trương. Đang đọc bài của cô.

NG. GHÈNH: Bài viết về Diễm tiêu của ông sẽ đăng trong số Xuân Th.T. Tin ông rõ.

LÊ VĂN TRUNG: Đã được thơ anh. Cháo vẫn vui vẻ và vẫn viết được đều?

NG NGUYỄN ANH (QN): Không nhận được tem sống của anh. Bài anh đang đọc. Anh không nên phỏng vấn những người đó dù sao cảm ơn anh đã có ý làm dùm.

ĐẶNG QUỐC PHONG Ch.Thiện: Phiếu mua báo dài hạn của anh đã hết từ số 14. Tin anh rõ. Sự đơn độc nhiều khi có nghĩa này: ta chưa tự mở được một con đường đến chỗ có người khác.

CAO NHẬT QUANG Plk. Noel năm nhà từ 7 giờ tối, đọc Tuyển Tập Thơ truyện Không Quân. Cũng mới được thư Ng Viên Chân.

NG V LINH, NG LẶC: Đã gửi Th.T cũ mời tới các bạn như phiếu đặt mua. Riêng anh Ng Lặc, tập thơ DTL tôi sẽ gửi sau.

TRẦN NGỌC HƯỞNG Ta: Lâu lắm mới nhận được thư anh. Tôi nhớ hồi còn ở Dân Ta. Tôi có đến 3 người bạn thân đang dạy tại Tân An, nơi anh đang dạy đó. Thơ anh đang đọc.

THIÊN THẢO HẠN. BÐ: Nếu anh xác định được tính chất của trào lưu thì ca hiện đại thì nhất rồi. Việc chọn thơ trên Th.T. có theo trào lưu nào đâu? Chỉ chọn bài thơ tôi cho là đáng được, còn nó thuộc trào lưu nào thì không đề ý. 1/4 trang quảng cáo của Th.T là 1500 đồng. Nếu in thơ tại nhà in Phúc Hưng, được quảng cáo miễn phí trên Th.T.

KHAI XUÂN: Những số đầu Th.T. phát hành không được đều bằng bây giờ, thành ra Q.Nh. thiếu báo. Bộ sách đó đang hoàn tất. Thơ, nên gửi thêm.

PH. MIỀN TRƯỜNG. KBC 6108: Bài thơ Về Ở Đầy buồn quá. Sẽ liệu đăng trong khi nên gửi tiếp.

TRẦN V QUÂN. CT: Anh xem giá báo in ở bìa 2 sẽ biết rõ. Đang đọc bài anh viết về Hồn Bướm Mơ Tiên.

NGHIÊM MẶC: Anh vui lòng cho lại đ/c và tên thật để gửi 9, 10 ra cho anh. Thư anh không có ghi, mà phong bì có thư ký đã bỏ mất.

MAI QUẾ PHƯƠNG. Sg: Về TĐ 50 CTCT thì gần lắm. Đó là đơn vị gốc của tôi, khi còn ở lính, Có ghé Th.T., nhớ

Còn một ít

NGUYỄN CƯ TRINH

SÀI VÀI

*do Lê Ngọc Trụ và Phạm Văn Luật
sao lục và chú thích*

BÙI HỮU NGHĨA

KIM THẠCH KỶ DUYÊN

*Tuồng hát bộ do GS Trần Văn Hương
và Lê Ngọc Trụ trình bày và chú thích /*

NGUYỄN KHẮC ĐÁN

TUỒNG KIM VÂN KIỀU

Tức là bộ Lâm Táy Hiên Truyện, được

Thế Tải Trương Vĩnh Ký

kinh lục và phiên âm ra Quốc ngữ

GS Trần Văn Hương và Lê Ngọc Trụ

trình bày và lược chú

*những sách trên đây mỗi quyển dày 224 tr
khổ to in trên giấy trắng tốt, hiện bày bán tại*

nhà sách KHAI TRÍ, 62 Lê Lợi Sg

ĐT: 20.348

sau 5 giờ chiều.

PHÚ PHƯƠNG. PIK : Thơ văn cần kiên nhẫn. Năm, mười năm. Gửi một kỳ đã ngại bại không đăng thì không theo văn chương được đâu.

NGUYỄN V HIẾN PIK : « Chữ nghĩa không thể nào thay đổi được hình thái của nếp sinh hoạt hiện tại », anh viết trong thư như thế. Nhưng anh mong Th.T. sống. Nó mâu thuẫn, song theo tôi đó là một: văn chương có ý nghĩa nào thì ý nghĩa đó là khiến chúng ta tin vào điều tốt đẹp phải có, phải được thực hiện.

NG VĂN VIỆT. Sg : Đã gửi cho Việt 2 số Th.T. đó: chính là số Giáng Sinh (ra 17-12) và số này 3-1-75. Tại sao Việt không mua ở tiệm sách, sạp báo mà lại bỏi mua tại tòa soạn làm chi cho phải 1 lần viết thư?

TÔI TỬ TỎA Sg : Tôi không có đ/c riêng của các cô Trùng Dương và Minh Đức Hoài Trinh, tuy nhiên có thể chuyển thư cô cho nhà văn Tr.D. Cô có thể thư cho MĐHT ở Bách Khoa.

NGUYỄN HÀ Kt : Mới đọc thư CNQ nhắc đến anh. Tôi viết vài dòng ở bìa lưng Th.T. số trước còn có ý nói, ngoài khó khăn ngoại tại, làm báo văn chương bây giờ (?) còn gặp khó khăn ngay ở người trong giới: văn nghệ hầu như đa số mất niềm tự tin về việc làm báo văn chương. Nên viết cái truyện lấy bối cảnh Phan Thiết anh nói. Cái Biển Đêm theo tôi rất hay. Còn nhuận bút cái truyện đăng trên tờ báo kia, tôi không phụ trách, nên không rõ. Sẽ chuyển đ/c anh cho họ xem sao.

PHẠM THỊ SÁNG Bđ : Đó là đoạn trên chứ không phải đoạn dưới. Vả lại, đoạn thơ đó của Phạm Thiên Thư in ở 35 Động Hoa Vàng chứ không phải ở trang 29 như cô mách. Bình như tác giả cố ý in đoạn thơ nguyệt / rùa đó vào trang đó. Đề tôi chép lại cho cô Sáng nhé:

Vào non soi nguyệt
tìm rùa
đọc trên mai nhỏ
xanh tờ lạc thư

thả rùa
lại đứng ưu tư
muốn qua hang động
sống như nguyệt rùa

VÕ TÂM : Chia buồn cùng GS về trận hỏa hoạn làm cháy mất bộ Th.T. Đang gắng kiếm dùm ông 1,2, trước khi gửi đi toàn thể các số ông đã bị mất. Số tiền ông gửi vừa đủ.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Tính đến 30-12-74

Lê Phan Tâm, Thiệu, Dương Thiên Thu, Phạm Nhất Đổ, Trần Từ Lâm, N. My, Hoài D Từ, Sly, Ng Ghềnh, Ng Tường Anh, Triều Uyên Phương, Mai Huỳnh Tường Lê V Trung, Mạc hàn Vi Linh, Minh Lý, Ng Dũ Ngụy, Ng Xuân Mai, Ng Trùng Dương, Ph. Uyên Nguyên, Phong Sơn, Thanh Bạch Nguyên, Ng Hàn Thư, Ngô Bích Oánh, Du Tường Uyên, Ng V Ngọc Sinh, Phạm Trù, Bửu Quyển, Phú Phong, MVL Hoàng t Viễn Du, Hàn nhân, Yên Kha, Lê trình Sa, Ng duy Ninh, Thanh Long, Phùng Sứ Thanh, Nhất Việt Thiên, Ng V Tường, Phan Văn Quang, Hoài Diễm Từ, Ng Phú Phong Ng Khanh, Chinh Thanh, Hà Phú Cường, Vũ Huy Phong, Hàn Dã Thảo, Ngô V Thu, Ng Thành Xuân, Khúc Minh, Đặng Lãm, Hồ Trung Định, Hồ Tích Hạp, Võ Xuân Đào, Huỳnh Kim Sơn, Bùi Hữu Miên, T.A. Võ Duy Chung, Lê Phan Tâm, Trường Giang, Võ Thạch Đảo, Hồ Ngọc Ngừ, Phan V Quang, Vy Thuyền Lễ, Như Anh, Yên Lữ, Hạ Ly, Điền Trịch, Ngô Văn Thu, Trần châu Kỳ (2), Ng khai Hoàng Tr.Q.Thiếu, Ngô Sa Thụy, Lý Nguyên, Tà Huy, Hoàn Thanh Đàm Lê Ngọc Tân, Cao nhất Quang, Hà duy Trục, Yên phương Thành, Trần H Dũng, HD Từ, Hoàng Mai Linh, N.Đ.Nh, Miên Miên, Mừng Hoàng Vu, Phạm Thác, H.T.Ph., Khổng Vinh Nguyên, Ng. Thị Kim Hạnh, Ng Nguỵ Anh,

ĐÃ PHÁT HÀNH

ĐỜI MÃI Ở PHƯƠNG ĐÔNG

Thơ DU TỬ LÊ

bìa Thái Tuấn, phụ bản nhạc của Hoàng quốc Bảo.
Phạm Duy. Từ Công Phụng.

* Giấy phép xuất bản số 756 / 74 BDVCH / PHBCNT / ALPITS
ngày 23-12-1974. Phát hành ngày 3-1-1974

In tại nhà in Phúc Hưng, số 51 / 51 B Nguyễn Trãi, Saigon S.

<https://tieuuon.hoplo.org>

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC TỦ SÁCH VĂN HỌC THẾ GIỚI :

Thần phẫn con người, *A. Malraux*, Goncourt 1933

Bức tường, *Jean-Paul Sartre*, Nobel 1964

Châu gối, *Alberto Moravia*

Kẻ xa lạ, *Albert Camus*, Nobel 1957

Trần gian muôn màu, *André Gide*, Nobel 1947

Kẻ ăn mây phép lạ, *C. V. Gheorghiu*

50.000 đô la, *Ernest Hemingway*, Nobel 1954

Kẻ lang thang, *R. Tagore*, Nobel 1913

Bóng tối đêm dài, *Mikhail Chelokhov*, Nobel 1965

Những ngày tranh đấu, *John Steinbeck*, Nobel 1962

Nhà tài phết cuối cùng, *Scott Fitzgerald*

Sau bữa tiệc, *Yukio Mishima*

Ngôi nhà của Matriona, *A. Soljénitsyne*, Nobel 1970

Thần tượng lạ, *Thomas Mann*, Nobel 1929

Đời con gái, *Vern Sneider*

Cánh Hoa Rực Lửa, *Alan Burgess*

Mặt trái thần tượng, *John O' Hara*

TỦ SÁCH KHOA HỌC NHÂN VĂN :

* Lịch sử đời sống tình ái, *Richard Lewinsohn*

* Lịch sử chiến tranh lạnh I và II.

* Nhật bản : một kinh nghiệm phát triển của *Yas-hida*, cựu Thủ Tướng Nhật.

* *Yamamoto* và những trận đánh lịch sử (3 quyển)

* *Tojo* người hùng Thái bình Dương

* *Samurai* ! những trận không chiến dữ dội nhất lịch sử Thái bình Dương

* *Eisenhower* những trận đánh dữ dội nhất lịch sử đệ nhị thế chiến

* *Mac Arthur* những trận đánh lịch sử trên T.B.D

* *Patton* và những trận đánh lịch sử

* Thần phong *Kamikaze*

thời tập

Chủ trương: **VIÊN LINH**
TẬP XV • • PHÁT HÀNH 3-1-74



TUYÊN TẬP MỪNG XUÂN MỚI

SẼ LÀ THỜI TẬP SỐ TỚI, PHÁT HÀNH
KHOẢNG 10 THÁNG CHẠP ÂM LỊCH
TẬP BÁO ĐẶC SẮC, OUI TU NHỮNG
TÁC GIẢ TÊN TUỔI NHẤT HIỆN NAY

**TRẦN TRỌNG SAN • VÕ PHIÊN
THUY VŨ • BÌNH NGUYÊN LỘC
THANH TÂM TUYỀN • TUỆ MAI
LÊ HUY OANH • NGỌC MINH
PHẠM THIÊN THƯ • VIÊN LINH
TRẦN THỊ NGH • NGUY CAO UYÊN
MẠC ĐỎ • THẠCH TRUNG GIẢ
THANH NAM • TRẦN VĂN NAM**